Luật Tập Yếu

Tập II

Tỳ kheo Indacanda

---o0o---

Nguồn

http://www.hoavouu.com

Chuyển sang ebook 10-05-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org

Mục Lục

PHẦN GIỚI THIỆU
V. CÁC CÂU HỎI VỀ BỘ HỢP PHẦN
VI. TĂNG THEO TỪNG BẬC
VII. CÁC CÂU VẤN ĐÁP VỀ LỄ *UPOSATHA*, v.v...
VIII. SƯU TẬP CÁC BÀI KỆ
IX. PHÂN TÍCH SỰ TRANH TỤNG
X. SƯU TẬP KHÁC về CÁC BÀI KỆ:
XI. CHƯƠNG CÁO TỘI
XII. XUNG ĐỘT (PHẦN PHỤ)
XIII. XUNG ĐỘT (PHẦN CHÍNH)
XIV. PHÂN TÍCH *KAṬHINA*
XV. NHÓM NĂM CỦA UPĀLI
XVI. NGUỒN SANH KHỞI
XVII. SƯU TẬP CÁC BÀI KỆ (PHẦN HAI)
XVIII. CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MỒ HÔI
XIX. NĂM PHẦN

-ooOoo-

PHẦN GIỚI THIỆU

Parivāra là tập cuối của *Vinayapiṭaka* (Tạng Luật). Về ý nghĩa của từ *parivāra*, học giả I. B. Horner phân tích như sau: "... *pari* là tiếp đầu ngữ có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và *vāra* lấy theo từ gốc của Sanskrit là √*vṛ* có nghĩa là bao phủ..." (√*vṛ* còn có nghĩa thứ hai là chọn lựa); dựa theo đó, chúng tôi tạm lấy tên là "*Tập Yếu*" có ý nghĩa nôm na là "*Tập hợp lại những điều chính yếu*." Những điều chính yếu ấy đã được chọn lọc từ hai bộ Luật *Suttavibhaṅga* và *Khandhaka* rồi được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt.

Như vậy, phải chăng bộ *Tập Yếu – Parivāra* này không đem lại tư liệu gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã đọc qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể khẳng định rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều đức Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc hệ thống hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các câu hỏi sau: "*Các điều học đã được quy định ở bao nhiêu địa điểm? Mỗi địa điểm như vậy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy định chung cho tỳ khưu và tỳ khưu ni? Là các điều học nào?Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho tỳ khưu, cho tỳ khưu ni? Là các điều học nào?* v.v... *Parivāra* đã giải quyết các câu hỏi đó giúp cho người đọc khỏi phải mất thì giờ vận dụng ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại.

Mười chín chương của bộ *Tập Yếu - Parivāra* được trình bày theo thứ tự như sau:

I. Chương Mười Sáu Phần Chính thuộc *Phân Tích Giới Tỳ khưu*: Tóm lược đầy đủ 227 điều học của tỳ khưu.

II. Chương Mười Sáu Phần Chính thuộc *Phân Tích Giới Tỳ khưu Ni*: là phần tóm lược *Bhikkhunīvibhaṅga* gồm các điều học được quy định riêng cho tỳ khưu ni, cách trình bày cũng tương tợ như ở chương trên dành cho tỳ khưu.

III. Tóm Lược về Nguồn Sanh Tội: Từ thân khẩu ý được phân chia thành sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân, v.v... Có tội chỉ có một nguồn sanh tội, có tội có hai, có tội có ba, có tội có bốn, có tội có sáu, và tất cả có mười ba nhóm có nguồn sanh tội giống nhau.

IV. Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sự Trùng Lặp Liên Tục và (b) Phân Tích Cách Dàn Xếp, nhưng phần (b) chỉ là phần tiếp theo của phần (a) chưa được hoàn tất. Sở dĩ nhận ra được hai phần riêng biệt do việc các nhà kết tập vẫn lưu lại câu văn báo hiệu sự kết thúc của phần đầu: "*antarapeyyālaṃ niṭṭhitaṃ*" có nghĩa là "*Sự Trùng Lặp Liên Tục được chấm dứt*." Về phương diện hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mở đầu bằng dạng tiêu đề (mātikā).

V. Các Câu Hỏi về bộ *Hợp Phần – Khandhaka*: Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gồm có *Đại Phẩm – Mahāvagga* và *Tiểu Phẩm – Cullavagga* dưới dạng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ Luật này.

VI. Tăng Theo Từng Bậc: được trình bày dưới dạng pháp số từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tợ như ở *Kinh Tăng Chi Bộ – Aṅguttaranikāya* thuộc Tạng Kinh.

VII. Các Câu Vấn Đáp về Lễ *Uposatha,* v.v...: Chỉ là một chương ngắn đề cập đến các hành sự từ lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, ... hành phạt *mānatta*, và sự giải tội. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định điều học. Điều đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "*Mahāvaggo niṭṭhito*" nghĩa là "*Đại Phẩm được chấm dứt*," trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ Tạng Luật chứ không phải chỉ riêng ở *Đại Phẩm – Mahāvaggo*.

VIII. Sưu Tập Các Bài Kệ: Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám địa điểm đã xảy ra việc quy định của các điều học, mỗi nơi là bao nhiêu điều học, v.v... ngoài ra còn phân các điều học thành nhóm theo nhiều khía cạnh khác nhau như quy định chung, quy định riêng, v.v...

IX. Phân Tích Sự Tranh Tụng: Phân tích chi tiết về bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Chủ đề được trình bày cô đọng nhưng không kém phần súc tích cần được tham khảo.

X. Sưu Tập Khác về Các Bài Kệ: Chỉ là một chương ngắn thuần túy ở thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến vị cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chủ yếu mà vị cáo tội cần phải quán xét trong quá trình cáo tội vị khác.

XI. Chương Cáo Tội: là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến vị cáo tội và vị xét xử.

XII. Xung Đột (Phần Phụ): Chỉ là một chương ngắn có liên quan đến vị xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới lạ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đọc qua.

XIII. Xung Đột (Phần Chính): Sự thực hành của vị xét xử được giảng giải chi tiết. Cách thức được trình bày tương tợ như ở bộ *Phân Tích Giới Bổn,* trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giải thích ý nghĩa của từng câu.

XIV. Phân Tích *Kaṭhina*: Các điều cần biết về *Kaṭhina* được gom tụ lại dưới dạng hỏi đáp có tính cách tổng quát nhưng không kém phần súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết chưa được trình bày ở chương *Kaṭhina*thuộc *Đại Phẩm – Mahāvagga*.

XV. Nhóm Năm của Upāli: là các câu hỏi của ngài Upāli và câu trả lời của đức Phật như đã được thấy trong *Đại Phẩm – Mahāvagga* và *Tiểu Phẩm – Cullavagga*.

XVI. Nguồn Sanh Khởi: Trình bày về nguồn sanh tội như đã được đề cập ở chương I, II, III. Trong chương này, nguồn sanh tội là chủ đề chính và được trình bày cô đọng theo từng điều học một.

XVII. Sưu Tập Các Bài Kệ (Phần Hai): Là các câu hỏi đáp liên quan đến tội vi phạm. Tuy nhiên, câu trả lời chỉ có tính cách gợi ý. Có câu có thể dễ dàng liên hệ được vấn đề, nhưng nhiều câu trả lời khác đã chiếm mất nhiều thời gian của chúng tôi trong việc tìm hiểu ý nghĩa từ lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng như xem xét và kiểm tra các phần trích dẫn của Cô I. B. Horner trong bản dịch tiếng Anh.

XVIII. Các Bài Kệ Làm Xuất Mồ Hôi: là các câu hỏi khó khiến người đọc phải lúng túng và đổ mồ hôi khi suy nghĩ. Về chương này, phần cước chú là điều không thể thiếu sót và cũng đã tạo ra nhiều khó khăn cho chúng tôi trong việc xác định vấn đề. Có một vài câu hỏi, chúng tôi chỉ ghi lời dịch và không thực hiện phần giải thích vì không xác định được nguồn trích dẫn.

XIX. Năm Phần: Trình bày theo năm đề tài: Hành sự, điều lợi ích, sự quy định các loại hành sự, bảy cách dàn xếp đã được quy định, và sự tổng hợp theo chín vấn đề khác nhau.

---o0o---

Về phần tác giả, nói đúng hơn là vị đã biên tập tài liệu này, chúng ta chỉ biết được tên vị ấy là Dīpa qua lời tổng kết ở phần cuối của tập sách. Vị ấy được giới thiệu là "*bậc trí tuệ đã học hỏi từ các vị thầy và thực hiện Parivāra nhằm làm sáng tỏ Chánh Pháp, giúp cho người học Phật giải quyết những hoài nghi đã sanh khởi*." Có ý kiến cho rằng Dīpa là một vị xuất gia người ở đảo Tích Lan.1

Về thời điểm, cũng không thể xác định chắc chắn. Dựa vào bài kệ liệt kê tên các vị trưởng lão kế thừa Tạng Luật được đề cập ở đoạn [3] nêu tên năm vị thuộc Jambudīpa (Ấn Độ), kế tiếp là nhóm năm vị dẫn đầu là ngài Mahinda có trách nhiệm đi hoằng Pháp ở Tambapaṇṇi, và vị trưởng lão cuối cùng trong danh sách ấy có tên là Sīva. Có tài liệu phỏng đoán rằng vị Sīva đã sống vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch;2 như vậy, có thể suy luận rằng tập *Parivāra* được thực hiện vào khoảng thời gian đó. Địa điểm đã thực hiện *Parivāra*được mặc nhiên chấp nhận là ở trên hòn đảo Tambapaṇṇi ấy (tức là nước Sri Lanka ngày nay).

Về nội dung, có các vấn đề đáng được lưu ý như sau:

1/- *Parivāra* tuy được xếp vào *Tipiṭaka* (Tam Tạng), nhưng phần lớn của *Parivāra* không phải là những điều đã được nghe trực tiếp từ chính kim khẩu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc

tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. *Parivāra* tuy không khẳng định là Phật ngôn nhưng các vấn đề thảo luận không đi ra ngoài những lời dạy của đức Phật.

2/- *Parivāra* hiện đang sử dụng gồm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ "*Parivāraṃ niṭṭhitaṃ*" báo hiệu sự kết thúc của *Parivāra*. Dịch giả I. B. Horner dẫn chứng rằng các bản Chú Giải về Luật và Kinh Trường Bộ của ngài Buddhaghosa đề cập đến "*soḷasaparivāra*" nghĩa là *Parivāra* gồm có 16 chương và lưu ý chúng ta về chương IV gồm có 2 phần riêng biệt là *Anantarapeyyāla* (Sự trùng lặp liên tục) và *Samathabheda* (Phân tích cách dàn xếp) và chương VII gồm có *Uposathādipucchāvissajjanā* (Các câu vấn đáp về lễ *Uposatha*, v.v...) và *Atthavasapakaraṇa* (Lời giải thích về điều lợi ích) đã được thu gọn lại; theo cách giải thích này chúng ta có được *Parivāra* với mười sáu chương theo như các Chú Giải đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX ở phần Chánh Tạng và Chú Giải đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài Buddhaghosa?3 Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cuộc khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng.

3/- Có điều cần nói thêm rằng: *Parivāra* không phải là sách để đọc thông thường mà được xem là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiều góc cạnh, theo từng chủ đề có thể giúp cho người đọc xác định lại kiến thức và góp phần vào việc củng cố sự ghi nhớ. Tuy nhiên, người đọc phổ thông cũng có thể học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề.

Trong bản tiếng Việt này, chúng tôi đã giữ nguyên từ *Pāli* đối với tên gọi của các tội vi phạm và một vài thuật ngữ có tính cách chuyên môn, hy vọng sẽ không gây trở ngại cho việc nghiên cứu của quý vị. Về phần cước chú, bản Chú Giải của ngài Buddhaghosa tương đối rõ ràng giúp cho chúng ta có thể hiểu được vấn đề, nhưng muốn có được trích dẫn chính xác cần phải sử dụng bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner do có phần cước chú đã được thực hiện rất công phu nhưng thiếu phần tóm lược sự việc nên không giúp cho người đọc liên tưởng ra được vấn đề. Chúng tôi đã tốn nhiều công sức để sử dụng cả hai nguồn tư liệu trên cho phần cước chú của bản dịch này; tuy nhiên, chúng tôi chỉ thực hiện một số cước chú cho những vấn đề cần thiết, một số chúng tôi đã bỏ qua do ngài Buddhaghosa không giải thích, hoặc do chúng tôi không hiểu được ý của ngài, một số vấn đề liên quan đến tạng Kinh chúng tôi không có tài liệu để đối chiếu, và một số khác chúng tôi nghĩ rằng quý độc giả có thể biết được vấn đề đang được trình bày ở phần nào trong hai bộ Luật kia.

Cũng như các bản dịch trước, bản dịch *Tập Yếu – Parivāra* của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pali La tinh từ *Compact Disk BUDSIR*

IV của trường đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo. Tuy đã nỗ lực tối đa nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những sự chỉ dạy và ý kiến đóng góp của quý vị. Xin email về: *dinda@u.washington.edu*

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng Tọa Tiến Sĩ Bửu Chánh về CD Tam Tạng BUDSIR IV. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ khi nhận được từ Ven. Chánh Kiến bản dịch *Parivāra* có tên là *Tạp Sự Bộ* do chính vị ấy đã thực hiện từ bản tiếng Thái vào thời gian trước đây, và cũng không quên tán dương công đức của Đại Đức Giác Hạnh về CD Tam Tạng *Chat,t,ha Saṅgāyana*, đồng thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner. CD *Buddhasāsanā,* quà biếu của Dr. Bình Anson, đã đóng góp phần công đức không nhỏ với các tài liệu về Luật bằng tiếng Việt của quý ngài HT Hộ Tông, HT Bửu Chơn, v.v...

Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại Đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ để tìm ra phương thức giải quyết cho những điểm khó về văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến các sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vị: Ven. Chánh Minh, Dr. Bình Anson, anh Phạm Trọng Độ, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích, bà Diệu Đài, Phật tử Ngọc Ngân. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao mọi ước nguyện của quý vị đều được thành tựu như ý.

Công đức này xin dâng đến Hòa Thượng trụ trì và chư Tỳ khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật Pháp trong thời gian qua. Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh Pháp.

Colombo, ngày 15 tháng 05 năm 2004
Kính bút,
Bhikkhu Indacanda
(Trương đình Dũng)
(Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 30/10/2004)

---o0o---

V. CÁC CÂU HỎI VỀ BỘ HỢP PHẦN 4

[918] Tôi sẽ hỏi về sự tu lên bậc trên5 với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?

- Tôi sẽ trả lời về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội6 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[919] Tôi sẽ hỏi về chương Lễ *Uposatha* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Lễ *Uposatha* với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội7 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[920] Tôi sẽ hỏi về chương Vào Mùa Mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Vào Mùa Mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội8 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[921] Tôi sẽ hỏi về chương Lễ *Pavāraṇā* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Lễ *Pavāraṇā* với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội9 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[922] Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Da Thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Da Thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội10 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[923] Tôi sẽ hỏi về chương Dược Phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Dược Phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội11 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[924] Tôi sẽ hỏi về chương *Kaṭhina* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương *Kaṭhina* với phần mở đầu và phần trình bày. Trường hợp ấy không có loại tội nào (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[925] Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Y Phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Y Phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội12 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[926] Tôi sẽ hỏi về các vị ở Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về các vị ở Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội13 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[927] Tôi sẽ hỏi về các vị ở Kosambī với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về các vị ở Kosambī với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[928] Tôi sẽ hỏi về chương Hành Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?

- Tôi sẽ trả lời về chương Hành Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[929] Tôi sẽ hỏi về chương của vị hành *Parivāsa* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương của vị hành *Parivāsa* với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[930] Tôi sẽ hỏi về chương Tích Lũy Tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Tích Lũy Tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[931] Tôi sẽ hỏi về chương Dàn Xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Dàn Xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội14 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[932] Tôi sẽ hỏi về chương Các Tiểu Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Các Tiểu Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội15 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[933] Tôi sẽ hỏi về chương Sàng Tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Sàng Tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội16 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[934] Tôi sẽ hỏi về chương Chia Rẽ Hội Chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Chia Rẽ Hội Chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội17 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[935] Tôi sẽ hỏi về chương về Thực Hành18 với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương về Thực Hành với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[936] Tôi sẽ hỏi về chương Đình Chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Đình Chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[937] Tôi sẽ hỏi về chương Tỳ Khưu Ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Tỳ Khưu Ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội19 (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[938] Tôi sẽ hỏi về chương Liên Quan Năm Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?

- Tôi sẽ trả lời về chương Liên Quan Năm Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Trường hợp ấy không có loại tội nào (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

[939] Tôi sẽ hỏi về chương Liên Quan Bảy Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu tội (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy)?
- Tôi sẽ trả lời về chương Liên Quan Bảy Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Trường hợp ấy không có loại tội nào (chứa đựng) trong những câu văn cao quý (ấy).

Dứt Phần Các Câu Hỏi về bộ Hợp Phần là phần thứ nhất.20

Tóm lược phần này:

[940]

Sự tu lên bậc trên,
lễ Uposatha,
vào mùa (an cư) mưa,
lễ Pavāraṇā,
da thú, và dược phẩm,
các điều Kaṭhina,
y phục, và Campā,
và chương Kosambī.
Hành sự (thuộc Tiểu Phẩm),
phạt parivāsa,
tích lũy tội, dàn xếp,
các tiểu sự, sàng tọa,
việc chia rẽ hội chúng,
thực hành, và đình chỉ,
của các tỳ khưu ni,
năm trăm, bảy trăm vị.

---o0o---

VI. TĂNG THEO TỪNG BẬC

[941] Các pháp tạo ra tội cần phải biết. 21 Các Pháp không tạo ra tội cần phải biết.22 Phạm tội cần phải biết. Không phạm tội cần phải biết. Tội nhẹ cần phải biết. Tội nặng cần phải biết.23 Tội còn dư sót cần phải biết. Tội không còn dư sót cần phải biết.24 Tội xấu xa cần phải biết. Tội không xấu xa cần phải biết.25 Tội có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội không có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội không đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội có sự chướng ngại cần phải biết. Tội không có sự chướng ngại cần phải biết.26 Tội là điều quy định do sự chê trách cần phải biết.27 Tội là điều quy định không do sự chê trách cần phải biết. Tội được sanh lên do làm cần phải biết.

Tội được sanh lên do không làm cần phải biết.28 Tội được sanh lên do làm và không làm cần phải biết.29 Tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội vi phạm đến sau cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau cần phải biết.30 Tội đã sám hối được tính đến cần phải biết.31 Tội đã sám hối không được tính đến cần phải biết. Sự quy định cần phải biết. Sự quy định thêm cần phải biết. Sự quy định khi (sự việc) chưa xảy ra cần phải biết. Sự quy định (áp dụng) cho tất cả mọi nơi cần phải biết. Sự quy định (áp dụng) cho khu vực cần phải biết. Sự quy định chung cần phải biết. Sự quy định riêng cần phải biết. Sự quy định cho một (hội chúng) cần phải biết. Sự quy định cho cả hai (hội chúng) cần phải biết. Tội là lỗi trầm trọng cần phải biết. Tội là lỗi không trầm trọng cần phải biết.32 Tội có liên quan đến người tại gia cần phải biết. Tội không có liên quan đến người tại gia cần phải biết. Tội (có nghiệp) xác định cần phải biết.33 Tội (có nghiệp) không xác định cần phải biết. Người là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người không là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người là vị vi phạm không thường xuyên cần phải biết. Người là vị vi phạm thường xuyên cần phải biết. Người là vị buộc tội cần phải biết. Người là vị bị buộc tội cần phải biết. Người là vị buộc tội sai pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội sai pháp cần phải biết. Người là vị buộc tội đúng pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội đúng pháp cần phải biết. Người đã được xác định cần phải biết. Người chưa được xác định cần phải biết. Người là vị có thể vi phạm tội cần phải biết. Người là vị không thể vi phạm tội cần phải biết.34 Người là vị bị án treo cần phải biết. Người là vị không bị án treo cần phải biết. Người là vị đã bị trục xuất cần phải biết. Người là vị không bị trục xuất cần phải biết. Người là vị đồng cộng trú cần phải biết. Người là vị không đồng cộng trú cần phải biết. Sự đình chỉ cần phải biết.35
Dứt phần Nhóm Một.
Tóm lược phần này:

[942]

Các sự tạo tác nên,
tội vi phạm, loại nhẹ,
còn dư sót, xấu xa,
sửa chữa, và thú nhận,
chướng ngại, lỗi, hành động,
hành động và không hành,
trước tiên, vào khoảng giữa,
được tính đến, quy định,
chưa xảy ra, mọi nơi,
chung cả, và một bên,
trầm trọng, người tại gia,
và đã được xác định,
đầu tiên, không thường xuyên,

(vị là) người buộc tội,
sai pháp và đúng pháp,
xác định, không thể phạm,
bị án treo, trục xuất,
đồng cộng trú, đình chỉ,
phần tóm lược này đây
chung cho mỗi một điều.

---o0o---

[943] Có loại tội vị vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vị vi phạm không có sự nhận thức. Có loại tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu, có loại tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu.36 Có loại tội vi phạm liên quan đến Chánh Pháp,37 có loại tội vi phạm không liên quan đến Chánh Pháp. Có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác.38 Có loại tội vi phạm liên quan đến chính bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến người khác. Có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói láo vi phạm tội nhẹ.39 Có vị trong khi nói láo vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nhẹ.40 Có loại tội vi phạm khi ở trên mặt đất (nhưng) không (vi phạm) ở trên khoảng không, có loại tội vi phạm khi ở trên khoảng không (nhưng) không (vi phạm) ở trên mặt đất. Có loại tội vi phạm trong khi đi ra ngoài không (vi phạm) trong khi đi vào, có loại tội vi phạm trong khi đi vào không (vi phạm) trong khi đi ra ngoài.41 Có loại tội vi phạm trong khi áp dụng, có loại tội vi phạm trong khi không áp dụng.42 Có loại tội vi phạm trong khi thọ trì, có loại tội vi phạm trong khi không thọ trì.43 Có loại tội vi phạm trong khi làm, có loại tội vi phạm trong khi không làm. Có loại tội vi phạm trong khi cho, có loại tội vi phạm trong khi không cho. Có loại tội vi phạm trong khi thọ lãnh, có loại tội vi phạm trong khi không thọ lãnh. Có loại tội vi phạm do sự thọ dụng, có loại tội vi phạm do sự không thọ dụng. Có loại tội vi phạm ban đêm không (vi phạm) ban ngày, có loại tội vi phạm ban ngày không (vi phạm) ban đêm. Có loại tội vi phạm vào lúc hừng sáng, có loại tội vi phạm không phải vào lúc hừng sáng. Có loại tội vi phạm trong khi cắt đứt, có loại tội vi phạm trong khi không cắt đứt.44 Có loại tội vi phạm trong khi che đậy, có loại tội vi phạm trong khi không che đậy.45 Có loại tội vi phạm trong khi sử dụng, có loại tội vi phạm trong khi không sử dụng.

[944] Hai lễ *Uposatha*: lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Hai lễ *Pavāraṇā*: lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Hai loại hành sự: hành sự với lời công bố và hành sự với lời đề nghị. Hai loại hành sự khác nữa: hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì và hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Hai sự việc của hành sự: sự việc của hành sự với lời công bố và sự việc của hành sự với lời đề

nghị. Hai sự việc của hành sự khác nữa: sự việc của hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì và sự việc của hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Hai sự sai trái của hành sự: sự sai trái của hành sự với lời công bố và sự sai trái của của hành sự với lời đề nghị. Hai sự sai trái của hành sự khác nữa: sự sai trái của hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì và sự sai trái của hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Hai sự thành tựu của hành sự: sự thành tựu của hành sự với lời công bố và sự thành tựu của của hành sự với lời đề nghị. Hai sự thành tựu của hành sự khác nữa: sự thành tựu của hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì và sự thành tựu của hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận (tội), hoặc trong việc không sửa chữa (lỗi), hoặc trong việc không từ bỏ (tà kiến ác).46 Hai nền tảng của sự đồng cộng trú chung: tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú chung cho bản thân hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị ấy khi đã bị án treo trong việc không nhìn nhận (tội), hoặc trong việc không sửa chữa (lỗi), hoặc trong việc không từ bỏ (tà kiến ác).

[945] Hai loại tội *pārājika*, hai loại tội *saṅghādisesa*, hai loại tội *thullaccaya*, hai loại tội *pācittiya*, hai loại tội *pāṭidesanīya,* hai loại tội *dukkaṭa,* hai loại tội *dubbhāsita* của các tỳ khưu và của các tỳ khưu ni. Bảy loại tội, bảy nhóm tội của các tỳ khưu và của các tỳ khưu ni. Hội chúng bị chia rẽ bằng hai phương thức: bằng hành sự hoặc do sự phân phát thẻ.

[946] Hai hạng người không nên cho tu lên bậc trên: người chưa đủ hai mươi tuổi, người có bàn tay, v.v... bị cắt đứt. Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động.47 Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: người không có đầy đủ (y bát), người có đầy đủ (y bát) nhưng chưa được hỏi đến. Không nên sống với sự nương nhờ vào hai hạng người: không liêm sỉ và ngu dốt. Sự nương nhờ không nên ban cho đến hai hạng người: kẻ không liêm sỉ và người có liêm sỉ nhưng không cầu xin. Sự nương nhờ nên ban cho đến hai hạng người: kẻ ngu dốt và người có liêm sỉ có cầu xin. Hai hạng người không thể vi phạm tội: Chư Phật và chư Phật Độc Giác. Hai hạng người có thể vi phạm tội: các tỳ khưu và các tỳ khưu ni. Hai hạng người không thể vi phạm tội với sự cố ý: các tỳ khưu và các tỳ khưu ni là các thánh nhân. Hai hạng người có thể vi phạm tội với sự cố ý: các tỳ khưu và các tỳ khưu ni là các phàm nhân. Hai hạng người không thể cố ý vi phạm sự việc có tính chất sái quấy: các tỳ khưu và các tỳ khưu ni là các thánh nhân. Hai hạng người có thể cố ý vi phạm sự việc có tính chất sái quấy: các tỳ khưu và các tỳ khưu ni là các phàm nhân.

[947] Hai sự phản đối: vị phản đối bằng thân hoặc vị phản đối bằng khẩu. Hai sự mời ra: có vị không đáng để chịu sự mời ra nhưng nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.48 Hai sự phục hồi: có vị

không đáng để được sự phục hồi nhưng nếu hội chúng phục hồi vị ấy, một vị đã được phục hồi đúng, một vị đã được phục hồi sai.49 Hai sự nhận biết: vị nhận biết bằng thân hoặc vị nhận biết bằng khẩu. Hai sự nhận lãnh: vị nhận lãnh bằng thân hoặc vị nhận lãnh bằng vật được gắn liền với thân. Hai sự từ khước: vị từ khước bằng thân hoặc vị từ khước bằng khẩu. Hai sự gây tổn hại: sự gây tổn hại về việc học tập và sự gây tổn hại về vật sở hữu. Hai sự cáo tội: vị cáo tội bằng thân hoặc là vị cáo tội bằng khẩu.

[948] Hai điều vướng bận của *Kaṭhina*: điều vướng bận về trú xứ và điều vướng bận về y. Hai điều không vướng bận của *Kaṭhina*: điều không vướng bận về trú xứ và điều không vướng bận về y. Hai loại y: có liên quan đến gia chủ và có liên quan đến vải quăng bỏ (paṃsukūlikaṃ). Hai loại bình bát: bình bát bằng sắt và bình bát bằng đất. Hai loại vòng (kê bình bát): loại làm bằng kẽm và loại làm bằng chì. Hai sự chú nguyện bình bát: vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu. Hai sự chú nguyện y để dùng riêng: vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu. Hai sự chú nguyện để dùng chung: sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt. Hai bộ Luật: của các tỳ khưu và của các tỳ khưu ni. Hai điều liên quan đến Luật: việc đã được quy định và điều phù hợp với việc đã được quy định. Hai sự tuân thủ đối với Luật: cắt đứt sự nối liền với điều không được phép, thực hành có chừng mực trong điều được phép.
[949] Vi phạm tội với hai biểu hiện: vi phạm bằng thân hoặc vi phạm bằng khẩu. Thoát khỏi tội với hai biểu hiện: thoát khỏi tội bằng thân hoặc thoát khỏi tội bằng khẩu. Hai hành phạt *parivāsa*: hành phạt *parivāsa* có che giấu và hành phạt *parivāsa* không có che giấu. Hai hành phạt *parivāsa* khác nữa: hành phạt *parivāsa*hoàn toàn trong sạch và hành phạt *parivāsa* kết hợp. Hai hành phạt *mānatta*: hành phạt *mānatta* có che giấu và hành phạt *mānatta* không có che giấu. Hai hành phạt *mānatta* khác nữa: hành phạt *mānatta* nửa tháng và hành phạt *mānatta* kết hợp. Sự đứt đêm của hai hạng người: của vị hành *parivāsa* và của vị hành *mānatta*.

[950] Hai sự không tôn trọng: sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp. Hai loại muối: muối tự nhiên và muối tự tạo. Hai loại muối khác nữa: muối biển và muối đen. Hai loại muối khác nữa: muối ở đá và muối nấu ăn. Hai loại muối khác nữa: muối *romakaṃ* và muối *pakkhallakaṃ*. Hai sự thọ dụng: sự thọ dụng bên trong và sự thọ dụng bên ngoài.50 Hai sự sỉ vả: sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý.51 Sự đâm thọc vì hai nguyên do: của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ. Vật thực dâng chung nhóm được sanh lên từ hai nguyên do: do sự thỉnh mời hoặc do sự yêu cầu. Hai thời kỳ vào mùa (an cư) mưa: thời kỳ trước và thời kỳ sau.52 Hai sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai pháp và hai sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng pháp.53

[951] Hai hạng người ngu dốt: vị hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị không hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người thông thái: vị

không hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

[952] Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người: hạng hối hận về việc không đáng hối hận và hạng không hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người: hạng không hối hận về việc không đáng hối hận và hạng hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

Dứt phần Nhóm Hai.

Tóm lược phần này:

[953]

Có nhận thức, đạt được,
và (liên quan) Chánh Pháp,
vật dụng, và con người,
sự thật, trên mặt đất,
khi đi ra, áp dụng,
thọ trì, trong khi làm,
trong khi cho, thọ lãnh,
do thọ dụng, ban đêm,
lúc hừng sáng, cắt đứt,
khi che đậy, sử dụng.
lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā,
hành sự, và khác nữa,
sự việc, và sai trái
có hai điều khác nữa,
(cũng thế) sự thành tựu,
và hai điều khác nữa,
không đồng, đồng cộng trú.
Tội pārājika,
saṅghādisesa,
trọng tội, ưng đối trị,
ưng phát lộ, tác ác,
và cả tội ác khẩu,
bảy nhóm tội, chia rẽ.
Việc tu lên bậc trên,
cũng thế các đôi khác:
không nên sống, không cho,
có thể, không có thể,
cố ý, có sái quấy.
Sự phản đối, mời ra,
phục hồi, và nhận biết,
sự nhận lãnh, khước từ,
gây tổn hại, cáo tội.
Hai điều Kaṭhina,
cũng vậy hai loại y,
bình bát, và vòng đế,
chú nguyện cũng hai điều,
chú nguyện để dùng chung,
về Luật, liên quan Luật,
và (hai) sự tuân thủ.

Vi phạm, và thoát tội,
phạt pārivāsa,
thêm hai loại khác nữa,
hai loại mānatta,
và các trường hợp khác,
đứt đêm, không tôn trọng,
về hai loại muối ăn,
thêm ba cặp khác nữa,
sự thọ dụng, sỉ vả,
đâm thọc, (dâng) chung nhóm,
(an cư) mưa, đình chỉ.
trách nhiệm, được cho phép,
không phạm tội, sai Pháp,
cũng theo cách như thế
về Luật, và lậu hoặc.

---o0o---

[954] Có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, không vi phạm khi Ngài đã Vô Dư Niết Bàn, có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn đã Vô Dư Niết Bàn, không vi phạm khi Ngài còn hiện tiền, có loại tội vi phạm ngay khi đức Thế Tôn còn hiện tiền luôn cả khi Ngài đã Vô Dư Niết Bàn.54 Có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời không vi phạm lúc sái thời, có loại tội vi phạm vào lúc sái thời không vi phạm lúc đúng thời, có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời.55 Có loại tội vi phạm vào ban đêm không vi phạm vào ban ngày, có loại tội vi phạm vào ban ngày không vi phạm vào ban đêm, có loại tội vi phạm vào ban đêm luôn cả vào ban ngày.56 Có loại tội vị mười năm (thâm niên) vi phạm vị kém mười năm không (vi phạm), có loại tội vị kém mười năm (thâm niên) vi phạm vị mười năm không (vi phạm), có loại tội vị mười năm (thâm niên) luôn cả vị kém mười năm đều vi phạm.57 Có loại tội vị năm năm (thâm niên) vi phạm vị kém năm năm không (vi phạm), có loại tội vị kém năm năm (thâm niên) vi phạm vị năm năm không (vi phạm), có loại tội vị năm năm (thâm niên) luôn cả vị kém năm năm đều vi phạm.58 Có loại tội vị vi phạm có tâm thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm bất thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm vô ký.59 Có loại tội vị vi phạm có thọ lạc, có loại tội vị vi phạm có thọ khổ, có loại tội vị vi phạm có thọ không khổ không lạc.60

[955] Ba nền tảng của sự cáo tội: do được thấy, do được nghe, do sự nghi ngờ. Ba cách phân phát thẻ: lối kín đáo, với sự nói nhỏ vào tai, lối công khai.61 Ba sự khước từ: sự ham muốn nhiều, sự không tự thỏa mãn, sự không tuân thủ. Ba sự chấp nhận: sự ham muốn ít, sự tự thỏa mãn, sự tuân thủ. Ba sự khước từ khác nữa:

sự ham muốn nhiều, sự không tự thỏa mãn, sự không biết chừng mực. Ba sự chấp nhận (khác nữa): sự ham muốn ít, sự tự thỏa mãn, sự biết chừng mực. Ba sự quy định: sự quy định (lần đầu), sự quy định thêm, sự quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.62 Ba sự quy định khác nữa: sự quy định (áp dụng) cho tất cả mọi nơi, sự quy định (áp dụng) cho khu vực, sự quy định chung (cho tỳ khưu và tỳ khưu ni). Ba sự quy định khác nữa: sự quy định riêng, sự quy định cho một (hội chúng), sự quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khưu và tỳ khưu ni).

[956] Có loại tội vị ngu dốt vi phạm vị thông thái không (vi phạm), có loại tội vị thông thái vi phạm vị ngu dốt không (vi phạm), có loại tội vị ngu dốt luôn cả vị thông thái đều vi phạm. Có loại tội vi phạm vào hậu bán nguyệt không (vi phạm) vào tiền bán nguyệt, có loại tội vi phạm vào tiền bán nguyệt không (vi phạm) vào hậu bán nguyệt, có loại tội vi phạm vào hậu bán nguyệt luôn cả vào tiền bán nguyệt.63 Có việc được phép vào hậu bán nguyệt không (được phép) vào tiền bán nguyệt, có việc được phép vào tiền bán nguyệt không (được phép) vào hậu bán nguyệt, có việc được phép vào hậu bán nguyệt luôn cả vào tiền bán nguyệt. Có loại tội vi phạm vào mùa lạnh không (vi phạm) vào mùa nóng và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa nóng không (vi phạm) vào mùa lạnh và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa mưa không (vi phạm) vào mùa nóng và mùa lạnh.64 Có loại tội hội chúng vi phạm, nhóm và cá nhân không (vi phạm); có loại tội nhóm vi phạm, hội chúng và cá nhân không (vi phạm); có loại tội cá nhân vi phạm, hội chúng và nhóm không (vi phạm).65 Có việc được phép đối với hội chúng, không (được phép) đối với nhóm và cá nhân; có việc được phép đối với nhóm, không (được phép) đối với hội chúng và cá nhân; có việc được phép đối với cá nhân, không (được phép) đối với hội chúng và nhóm.

[957] Ba sự che giấu: vị che giấu sự việc (nhưng) không (che giấu) tội vi phạm, vị che giấu tội vi phạm (nhưng) không (che giấu) sự việc, vị che giấu sự việc luôn cả tội vi phạm. Ba sự che kín: sự che kín ở trong nhà tắm hơi, sự che kín ở trong nước, sự che kín bằng vải vóc. Ba việc được vận hành giấu kín không bộc lộ: người nữ hành xử giấu kín không bộc lộ, chú thuật của bà-la-môn được vận hành giấu kín không bộc lộ, tri kiến sai trái được vận hành giấu kín không bộc lộ. Ba việc được chiếu sáng bộc lộ không che giấu: Vầng trăng tròn được rọi sáng bộc lộ không che giấu, vầng mặt trời được rọi sáng bộc lộ không che giấu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai được rọi sáng bộc lộ không che giấu. Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian.66

[958] Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm, có loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm, có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm.67

[959] Ba sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp. Ba sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.68 Ba hành phạt *parivāsa*: hành phạt *parivāsa* có che

giấu, hành phạt *parivāsa* không có che giấu, hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch.69 Ba hành phạt *mānatta*: hành phạt *mānatta* có che giấu, hành phạt *mānatta*không có che giấu, hành phạt *mānatta* nửa tháng. Ba sự đứt đêm của vị tỳ khưu hành *parivāsa*: sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo.70

[960] Có loại tội vi phạm ở bên trong không (vi phạm) ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không (vi phạm) ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài.71 Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không (vi phạm) ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không (vi phạm) ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.72

[961] Vị vi phạm tội với ba biểu hiện: vị vi phạm do thân, vị vi phạm do khẩu, vị vi phạm do thân do khẩu. Vị vi phạm tội với ba biểu hiện khác nữa: vị vi phạm tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện: vị thoát khỏi (tội) do thân, vị thoát khỏi (tội) do khẩu, vị thoát khỏi (tội) do thân do khẩu. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện khác nữa: vị thoát khỏi tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân. Ba sự ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng sai Pháp. Ba sự ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đúng Pháp.73

[962] Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia.74 Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia.75 Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội);76 là vị làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái.77 Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị mắng nhiếc, nói xấu người tại gia.78 Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được

làm cho thoát (tội); là vị sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội.79 Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi.80 Hội chúng nếu muốn có thể thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị không muốn từ bỏ tà kiến ác.81 Hội chúng nếu muốn có thể nghĩ đến (hành phạt) cứng rắn đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, chưa được làm cho thoát (tội); là vị năng thân cận người tại gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người tại gia. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có hành động sai trái bằng thân, có hành động sai trái bằng khẩu, có hành động sai trái bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị vi phạm tội đã được thực thi hành sự vẫn ban phép tu lên bậc trên, vẫn ban cho phép nương nhờ, vẫn để cho sa di phục vụ. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy. Hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội chúng. Hội chúng sau khi đã áp chế rằng: "*Này tỳ khưu, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi*" đối với vị tỳ khưu đang đình chỉ lễ *Uposatha* ở giữa hội chúng là vị hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch rồi nên tiến hành lễ *Uposatha*. Hội chúng sau khi đã áp chế rằng: "*Này tỳ khưu, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi*" đối với vị tỳ khưu đang đình chỉ lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội

chúng là vị hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch rồi nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Không nên ban cho bất cứ sự đồng ý nào của hội chúng đến vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên phát biểu đến hội chúng. Không nên sắp xếp cho vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch ở bất cứ chỗ nào riêng biệt. Không nên sống nương nhờ vào vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên ban cho phép nương nhờ. Vị tỳ khưu trong khi thỉnh ý (để buộc tội) hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch thì không xứng đáng để thực hiện việc thỉnh ý. Không nên nghe theo lời khuyên bảo của vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Không nên hỏi về Luật (ở) vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên hỏi về Luật. Không nên trả lời về Luật đến vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên trả lời về Luật. Không nên ban cho sự thẩm vấn (về Luật) đến vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch. Vị tỳ khưu hội đủ ba đặc tính: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

[963] Ba lễ *Uposatha*: lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Uposatha* hợp nhất. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: lễ *Uposatha* ở hội chúng, lễ *Uposatha* ở nhóm, lễ *Uposatha* ở cá nhân. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: lễ *Uposatha* với sự đọc tụng, lễ *Uposatha* với sự (bày tỏ) trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện. Ba lễ *Pavāraṇā*: lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Pavāraṇā* hợp nhất. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: lễ *Pavāraṇā* ở hội chúng, lễ *Pavāraṇā* ở nhóm, lễ *Pavāraṇā* ở cá nhân. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: lễ *Pavāraṇā*với ba lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với hai lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với (các vị) đồng năm tu (đọc một lượt). Ba kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, không thể thoát khỏi điều này: là kẻ nào không có Phạm hạnh tỏ vẻ là người hành Phạm hạnh; là kẻ nào bôi nhọ vị có Phạm hạnh trong sạch đang thực hành Phạm hạnh hoàn toàn trong sạch về việc phi Phạm hạnh không nguyên cớ; và là kẻ nào nói như vầy có tri kiến như vầy về điều này: "*Không có sái quấy trong các dục*" rồi kẻ ấy lao vào say đắm trong các dục. Ba nguồn gốc bất thiện: tham là nguồn gốc bất thiện, sân là nguồn gốc bất thiện, si là nguồn gốc bất thiện. Ba nguồn gốc thiện: vô tham là nguồn gốc thiện, vô sân là nguồn gốc thiện, vô si là nguồn gốc thiện. Ba ác hạnh: thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh. Ba thiện hạnh:

thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh. Đức Thế Tôn quy định bữa ăn của nhóm ba (tỳ khưu) ở các gia đình vì ba điều lợi ích: nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, và vì lòng thương tưởng các gia đình rằng: "*Chớ để những kẻ có ước muốn xấu xa nương tựa vào phe nhóm để chia rẽ hội chúng*."82 Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng chánh Pháp là: ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, đã dừng lại ở giữa pháp thiền và pháp siêu thế (nên trở thành) kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Ba sự đồng ý: sự đồng ý về gậy, sự đồng ý về dây, sự đồng ý về gậy và dây.83 Ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể mang đi (nơi khác) là: giày ở nhà tiểu, giày ở nhà tiêu, giày ở chỗ súc miệng.84 Ba vật chà chân: cát, sỏi, và đá bọt biển.85

Dứt phần Nhóm Ba.

Tóm lược phần này:

[964]

Trong khi còn hiện tiền,
hợp thời, và ban đêm,
mười năm, và năm năm,
(tâm) thiện, và cảm thọ.
Nền tảng sự cáo tội,
các thẻ, hai khước từ,
quy định, hai điều khác.
Ngu dốt, hậu bán nguyệt,
được phép, vào mùa lạnh,
hội chúng, của hội chúng.
Che giấu, và che kín,
giấu kín không bộc lộ,
chỗ ngụ, việc bị bệnh.
Sự đình chỉ giới bổn,
hành parivāsa,
hành phạt mānatta,
vị parivāsa.
Bên trong, trong ranh giới,
vi phạm, cách khác nữa,
thoát tội, và cách khác,
hai cách hành xử Luật
khi không bị điên cuồng.
Khiển trách, và chỉ dạy,
xua đuổi, và hòa giải,
án treo không nhận tội,
trong việc không sửa chữa,

và không bỏ tà kiến,
cách cứng rắn, hành sự,
tăng thượng giới, đùa giỡn,
sai trái, gây tổn hại,
nuôi mạng, lại tái phạm,
tội tương tợ, chê bai,
lễ Uposatha,
và Pavāraṇā,
sự đồng ý, phát biểu,
và với chỗ riêng biệt,
không nên sống, không cho,
cũng vậy, không thỉnh ý,
không ban lời khuyên bảo,
không nên vấn có hai,
không đáp cũng có hai,
cũng không cho thẩm vấn,
thảo luận, tu bậc trên,
nương nhờ, và sa di.
Ba Uposatha,
ba Pavāraṇā,
đọa cảnh khổ, bất thiện,
nhân thiện, và hạnh kiểm,
bữa ăn của nhóm ba,
không phải là Chánh Pháp,
sự đồng ý, và giày,
vật chà chân, nhóm ba
đây là sự tóm tắt.

---o0o---

[965] Có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi (tội) do lời nói của người khác; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi (tội) do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi (tội) do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi (tội) do lời nói của người khác.86 Có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi (tội) do khẩu, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi (tội) do thân,87 có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi (tội) do thân, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi (tội) do khẩu. Có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi (tội) khi thức, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi (tội) khi ngủ, có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi (tội) khi ngủ, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi (tội) khi thức. Có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi

(tội) có ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi (tội) vô ý thức, có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi (tội) vô ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi (tội) có ý thức.88 Có loại tội trong lúc vi phạm thì sám hối, trong lúc sám hối thì vi phạm, có loại tội trong lúc vi phạm thì thoát khỏi (tội), trong lúc thoát khỏi (tội) thì vi phạm.89 Có loại tội vi phạm do hành sự (của hội chúng) thoát khỏi (tội) không do hành sự (của hội chúng), có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi (tội) do hành sự, có loại tội vi phạm do hành sự thoát khỏi (tội) do hành sự, có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi (tội) không do hành sự.90

[966] Bốn sự phát biểu không thánh thiện:91 không thấy nói đã thấy, không nghe nói đã nghe, không cảm giác nói đã cảm giác, không nhận thức nói đã nhận thức. Bốn sự phát biểu thánh thiện: không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không nhận thức nói không nhận thức. Bốn sự phát biểu không thánh thiện khác nữa: đã thấy nói không thấy, đã nghe nói không nghe, đã cảm giác nói không cảm giác, đã nhận thức nói không nhận thức. Bốn sự phát biểu thánh thiện khác nữa: đã thấy nói đã thấy, đã nghe nói đã nghe, đã cảm giác nói đã cảm giác, đã nhận thức nói đã nhận thức. Bốn điều *pārājika* của các tỳ khưu là chung với (có liên quan đến) các tỳ khưu ni. Bốn điều *pārājika* của các tỳ khưu ni là không chung với (không có liên quan đến) các tỳ khưu. Bốn loại vật dụng: có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng không nên được bảo quản, không nên được gìn giữ, không xem là của mình, không nên được sử dụng.92

[967] Có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi (tội) với sự vắng mặt; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi (tội) với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi (tội) với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi (tội) với sự vắng mặt.93 Có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi (tội) trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi (tội) trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi (tội) trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi (tội) trong khi không biết.94

[968] Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện: vi phạm do thân, vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu, vi phạm do tuyên ngôn hành sự. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính.95 Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện: thoát khỏi (tội) do thân, thoát khỏi (tội) do khẩu, thoát khỏi (tội) do thân do khẩu, thoát khỏi (tội) do tuyên ngôn hành sự. Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính.96 Với sự đạt được, vị (ấy) từ bỏ (giới tính) trước đây,

được xác định trong (giới tính) sau này, các sự yêu cầu được đình chỉ, các điều quy định được hủy bỏ. Với sự đạt được, vị (ấy) từ bỏ (giới tính) sau này, được xác định trong (giới tính) trước đây, các sự yêu cầu được đình chỉ, các điều quy định được hủy bỏ.97 Bốn sự khiển trách: vị khiển trách với sự hư hỏng về giới, vị khiển trách với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị khiển trách với sự hư hỏng về tri kiến, vị khiển trách với sự hư hỏng về nuôi mạng. Bốn hành phạt *parivāsa*: hành phạt *parivāsa* có che giấu, hành phạt *parivāsa* không có che giấu, hành phạt *parivāsa* hoàn toàn trong sạch, hành phạt *parivāsa* kết hợp. Bốn hành phạt *mānatta*: hành phạt *mānatta* có che giấu, hành phạt *mānatta* không có che giấu, hành phạt *mānatta* nửa tháng, hành phạt *mānatta* kết hợp. Bốn sự đứt đêm của vị tỳ khưu hành *mānatta*: sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo, vị thực hành ở nhóm không đủ (tỳ khưu).98 Bốn pháp dung hòa (sāmukkaṃsā).99 Bốn vật dụng được thọ lãnh: vật dùng đến hết ngọ, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng đến suốt đời. Bốn vật dơ có tính quan trọng là: phân, nước tiểu, tro, và đất sét.100 Bốn loại hành sự: hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự khác nữa: hành sự theo nhóm sai pháp, hành sự hợp nhất sai pháp, hành sự theo nhóm sai pháp, hành sự hợp nhất đúng pháp.101 Bốn sự hư hỏng: sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về tri kiến, sự hư hỏng về sự nuôi mạng. Bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.102 Bốn điều làm ô uế tập thể: vị tỳ khưu giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị tỳ khưu ni giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nam cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nữ cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể. Bốn điều làm rạng rỡ tập thể: vị tỳ khưu có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị tỳ khưu ni có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nam cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nữ cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể.

[969] Có loại tội vị vãng lai vi phạm vị thường trú không (vi phạm), có loại tội vị thường trú vi phạm vị vãng lai không (vi phạm), có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm.103 Có loại tội vị xuất hành vi phạm vị thường trú không (vi phạm), có loại tội vị thường trú vi phạm vị xuất hành không (vi phạm), có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều không vi phạm.

[970] Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm, có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc, có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm, không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm.104 Có sự giống nhau về sự việc không có sự giống

nhau về tội vi phạm, có sự giống nhau về tội vi phạm không có sự giống nhau về sự việc, có sự giống nhau về sự việc và có sự giống nhau về tội vi phạm, không có sự giống nhau về sự việc và không có sự giống nhau về tội vi phạm.

[971] Có loại tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không (vi phạm), có loại tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không (vi phạm), có loại tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm, có loại tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm.105 Có loại tội thầy dạy học vi phạm học trò không (vi phạm), có loại tội học trò vi phạm thầy dạy học không (vi phạm), có loại tội thầy dạy học luôn cả học trò đều vi phạm, có loại tội thầy dạy học và học trò đều không vi phạm.

[972] Bốn duyên cớ của việc đứt mùa (an cư) mưa không phạm tội: hoặc là hội chúng bị chia rẽ, hoặc là có những người có ý định chia rẽ hội chúng, hoặc là có nguy hiểm đến mạng sống, hoặc là có nguy hiểm đến Phạm hạnh.106 Bốn ác hạnh về khẩu: lời nói dối, lời nói đâm thọc, lời nói dữ tợn, lời nói nhảm nhí. Bốn thiện hạnh về khẩu: lời nói thật, lời nói không đâm thọc, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói có mục đích.

[973] Có (trường hợp) trong khi lấy đi vi phạm tội nặng trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ,107 có (trường hợp) trong khi lấy đi vi phạm tội nhẹ trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có (trường hợp) trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có (trường hợp) trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ. Có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng việc đứng dậy, có người xứng đáng việc đứng dậy không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ và xứng đáng việc đứng dậy, có người không xứng đáng việc đảnh lễ cũng không xứng đáng việc đứng dậy.108 Có người xứng đáng với chỗ ngồi không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng với chỗ ngồi, có người xứng đáng với chỗ ngồi và xứng đáng việc đảnh lễ, có người không xứng đáng với chỗ ngồi cũng không xứng đáng việc đảnh lễ.

[974] Có loại tội vi phạm lúc đúng thời không (vi phạm) lúc sái thời, có loại tội vi phạm lúc sái thời không (vi phạm) lúc đúng thời, có loại tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có loại tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời.109 Có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không (được phép) lúc sái thời, có vật thọ lãnh được phép lúc sái thời không (được phép) lúc đúng thời, có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời.110 Có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không (vi phạm) ở trung tâm, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không (vi phạm) ở biên địa, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có loại tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm.111 Có (việc làm) được phép trong các quốc độ ở biên địa không (được phép) ở trung tâm, có (việc làm) được phép trong các quốc độ ở trung tâm không (được phép) ở biên địa, có (việc làm) được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có (việc làm) không được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn

cả ở trung tâm. Có loại tội vi phạm ở bên trong không (vi phạm) ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không (vi phạm) ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, có loại tội không vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài. Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không (vi phạm) ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không (vi phạm) ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới, có loại tội không vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới. Có loại tội vi phạm ở làng không (vi phạm) ở rừng, có loại tội vi phạm ở rừng không (vi phạm) ở làng, có loại tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, có loại tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng.112

[975] Bốn sự khiển trách: do thấy rõ sự việc, do thấy rõ tội vi phạm, khước từ việc đồng cộng trú, khước từ phận sự đúng đắn. Bốn nhiệm vụ đầu tiên.113 Bốn thời điểm thích hợp.114 Bốn tội *pācittiya* không vì nguyên nhân khác.115 Bốn sự đồng ý của các tỳ khưu.116 Bốn sự thiên vị: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Bốn sự không thiên vị: không thiên vị vì thương, không thiên vị vì ghét, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi. Vị tỳ khưu vô liêm sỉ chia rẽ hội chúng hội đủ bốn đặc tính: trong khi thiên vị vì thương, trong khi thiên vị vì ghét, trong khi thiên vị vì si mê, trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị tỳ khưu hiền thiện làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ hội đủ bốn đặc tính: trong khi không thiên vị vì thương, trong khi không thiên vị vì ghét, trong khi không thiên vị vì si mê, trong khi không thiên vị vì sợ hãi. Không nên hỏi về Luật (ở) vị tỳ khưu hội đủ bốn đặc tính: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Vị tỳ khưu hội đủ bốn đặc tính: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên hỏi về Luật. Không nên trả lời về Luật cho vị tỳ khưu hội đủ bốn đặc tính: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Vị tỳ khưu hội đủ bốn đặc tính: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên trả lời về Luật. Không nên ban cho sự thẩm vấn (về Luật) đến vị tỳ khưu hội đủ bốn đặc tính: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ bốn đặc tính: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

[976] Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bị bệnh không (vi phạm), có loại tội vị không bị bệnh vi phạm vị bị bệnh không (vi phạm), có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm, có loại tội vị bị bệnh và cả vị không bị bệnh đều không vi phạm.117

[977] Bốn sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai pháp. Bốn sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng pháp.118

Dứt phần Nhóm Bốn.

Tóm lược phần này:

[978]

Do lời nói của mình,
do thân, và khi ngủ,
vô ý thức, khi phạm,
do hành sự, phát biểu,
bốn điều giống như thế,
của các vị tỳ khưu,
và các tỳ khưu ni,
vật dụng, và hiện diện,
không biết, do thân thể,
và ở giữa, thoát tội,
có hai cách như thế,
sự đạt được, khiển trách,
các parivāsa
cũng được đề cập đến,
vị hành mānatta,
pháp dung hòa, thọ lãnh,
bốn vật dơ quan trọng,
các hành sự, thêm nữa,
hành sự, và hư hỏng,
tranh sự, giới hạnh tồi,
rạng rỡ, vị vãng lai,
vị (tỳ khưu) xuất hành,
sự việc có khác biệt,
giống nhau, thầy tế độ,
thầy dạy học, duyên cớ,
ác hạnh, và thiện hạnh,
khi lấy, và nhân vật,
xứng đáng với chỗ ngồi.
Đúng thời, và được phép,
các xứ ở biên địa,
được phép, ở bên trong,
trong ranh giới, ở làng,
khiển trách, việc đầu tiên,
thời điểm được thích hợp,
không vì nguyên nhân khác,
sự đồng ý, thiên vị,
luôn cả không thiên vị,
vô liêm sỉ, hiền thiện,
cả hai phần nên vấn,
tương tợ hai phần đáp,

thẩm vấn, và thảo luận,
vị bệnh và đình chỉ.

---o0o---

[979] Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện.119 Năm nghiệp vô gián.120 Năm hạng người được xác định.121 Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt.122 Vị vi phạm tội với năm biểu hiện.123 Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối.124 Vị không thuận theo hành sự với năm biểu hiện: hoặc là không tự mình thực hiện hành sự, hoặc là không thỉnh mời vị khác, hoặc không trao ra sự tùy thuận hay (bày tỏ) sự trong sạch, hoặc là phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là không đúng pháp về hành sự đã được thực hiện. Vị thuận theo hành sự với năm biểu hiện: hoặc là tự mình thực hiện hành sự, hoặc là thỉnh mời vị khác, hoặc là trao ra sự tùy thuận hay (bày tỏ) sự trong sạch, hoặc là không phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là đúng pháp về hành sự đã được thực hiện. Năm việc được phép đối với vị tỳ khưu hành pháp (đầu đà) khất thực: đi không phải xin phép, vật thực dâng chung nhóm, vật thực thỉnh sau, không phải xác định, không phải chuyển nhượng bữa ăn.125 Vị tỳ khưu, cho dầu là ác tỳ khưu hay là vị có pháp bền vững, không được tin tưởng và bị nghi ngờ khi hội đủ năm đặc tính: hoặc là vị lai vãng với đĩ điếm, hoặc là vị lai vãng với góa phụ, hoặc là vị lai vãng với gái lỡ thời, hoặc là vị lai vãng với người vô căn, hoặc là vị lai vãng với tỳ khưu ni. Năm loại dầu ăn: là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú.126 Năm loại mỡ thú: mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa.127 Năm sự mất mát: mất mát về thân quyến, mất mát về của cải, mất mát vì bệnh hoạn, mất mát về giới, mất mát về tri kiến. Năm sự thành tựu: thành tựu về thân quyến, thành tựu về của cải, thành tựu về vô bệnh, thành tựu về giới, thành tựu về tri kiến. Năm trường hợp chấm dứt việc nương nhờ ở thầy tế độ: thầy tế độ bỏ đi, hoặc là hoàn tục, hoặc là từ trần, hoặc là qua bên nhóm khác, hoặc chính sự ra lệnh (đuổi đi) là thứ năm.128 Năm hạng người không nên cho tu lên bậc trên: người chưa đủ hai mươi tuổi, người có phần cơ thể (bàn tay, v.v...) bị cắt đứt, người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, người không có đầy đủ (y bát). Năm loại vải quăng bỏ (paṃsukūla): loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy. Năm loại vải quăng bỏ khác nữa: loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang (của đức vua), vải dành cho tôi tớ. Năm sự lấy trộm: lấy đi theo cách trộm cắp, lấy đi bằng bạo lực, lấy đi có tính toán, lấy đi bằng cách che giấu, lấy đi theo lối (tráo) thăm.129 Năm hạng cướp lớn hiện hữu được biết đến ở thế gian.130 Năm vật không được phân tán.131 Năm vật không được phân chia.132 Năm loại tội sanh khởi do thân không do khẩu không do ý. Năm loại tội sanh khởi do thân và do khẩu không do ý. Năm

loại tội đưa đến việc sám hối. Năm loại hội chúng.133 Năm cách đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*.134 Trong các quốc độ vùng biên giới có thể cho tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.135 Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*.136 Năm loại hành sự.137 Năm loại tội vi phạm (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba.138 Vị trong khi lấy vật không được cho phạm tội *pārājika* với năm yếu tố.139 Vị trong khi lấy vật không được cho phạm tội *thullaccaya* với năm yếu tố. Vị trong khi lấy vật không được cho phạm tội *dukkaṭa* với năm yếu tố. Năm vật không đúng phép không nên thọ dụng: vật chưa được cho, vật không được biết rõ, vật chưa làm thành được phép, vật chưa được thọ lãnh, vật chưa được làm thành đồ thừa. Năm vật đúng phép nên thọ dụng: vật đã được cho, vật đã được biết rõ, vật đã được làm thành được phép, vật đã được thọ lãnh, vật đã được làm thành đồ thừa. Năm sự bố thí không có phước báu được xem là có phước báu thuộc về thế gian: bố thí chất say, bố thí đến hội hè (nhảy múa), bố thí người nữ, bố thí bò đực (vào giữa đàn bò), bố thí tranh ảnh (gợi cảm). Năm điều đã được sanh lên khó trừ diệt: tham ái đã được sanh lên khó trừ diệt, sân đã được sanh lên khó trừ diệt, si đã được sanh lên khó trừ diệt, sự nói huyên thuyên đã được sanh lên khó trừ diệt, tâm vẩn vơ đã được sanh lên khó trừ diệt. Năm điều lợi ích trong việc quét chổi: làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, tích lũy nghiệp đưa đến chốn an vui, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế. Năm điều lợi ích khác nữa trong việc quét chổi: làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, lời giáo huấn của bậc Đạo Sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn.

[980] Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều: vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đã không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đã không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện (hành sự) sai pháp với sự không khẳng định. Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều: vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đã đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đã đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện (hành sự) đúng pháp với sự khẳng định. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về tội, vị không biết gốc của tội, vị không biết nguồn sanh tội, vị không biết sự đoạn diệt của tội, vị không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.140 Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết về tội, vị biết gốc của tội, vị biết nguồn sanh tội, vị biết sự đoạn diệt của tội, vị biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về sự tranh tụng, vị không biết nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, vị không biết nhân sanh sự tranh tụng, vị không biết sự đoạn diệt của sự tranh

tụng, vị không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng.141 Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết về sự tranh tụng, vị biết nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, vị biết nhân sanh sự tranh tụng, vị biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng, vị biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về sự việc, vị không biết về sự mở đầu, vị không biết về sự quy định, vị không biết về sự quy định thêm, vị không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.142 Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết về sự việc, vị biết về sự mở đầu, vị biết về sự quy định, vị biết về sự quy định thêm, vị biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về lời đề nghị, vị không biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị không thiện xảo về phần (cần trình bày) trước tiên, vị không thiện xảo về các phần kế tiếp, vị không biết về thời điểm.143 Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết về lời đề nghị, vị biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị thiện xảo về phần (cần trình bày) trước tiên, vị thiện xảo về các phần kế tiếp, vị biết về thời điểm. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, không khéo chú ý, và không khéo suy xét. Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, khéo chú ý, và khéo suy xét. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ. Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ. Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ năm điều khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị không thiện xảo về việc phán quyết trong sự tranh tụng. Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ năm điều (khác nữa): vị biết

về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị thiện xảo về việc phán quyết trong sự tranh tụng.

[981] Năm hạng (đầu đà) sống ở rừng: là vị (đầu đà) sống ở rừng do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vị (đầu đà) sống ở rừng có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn; là vị (đầu đà) sống ở rừng do điên khùng do mất trí; là vị (đầu đà) sống ở rừng (nghĩ rằng): "*Được chư Phật và chư Thinh Văn của đức Phật ngợi khen*;" và cũng có vị (đầu đà) sống ở rừng chính vì sự ham muốn ít, chính vì sự tự biết đủ, chính vì sự đoạn trừ, chính vì sự tách ly, chính vì sự lợi ích của điều này. Năm hạng (đầu đà) đi khất thực. Năm hạng (đầu đà) mặc y *paṃsukāla*. Năm hạng (đầu đà) ngụ ở gốc cây. Năm hạng (đầu đà) ngụ ở mộ địa. Năm hạng (đầu đà) ngụ ở ngoài trời. Năm hạng (đầu đà) chỉ sử dụng ba y. Năm hạng (đầu đà) đi khất thực theo từng nhà. Năm hạng (đầu đà) về oai nghi ngồi (không nằm). Năm hạng (đầu đà) ngụ chỗ ở theo chỉ định. Năm hạng (đầu đà) một chỗ ngồi (khi thọ thực). Năm hạng (đầu đà) không ăn vật thực dâng sau. Năm hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát: là vị (đầu đà) thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vị (đầu đà) thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn; là vị (đầu đà) thọ thực trong bình bát do điên khùng do mất trí; là vị (đầu đà) thọ thực trong bình bát (nghĩ rằng): "*Được chư Phật và chư Thinh Văn của đức Phật ngợi khen*;" và cũng có vị (đầu đà) thọ thực trong bình bát chính vì sự ham muốn ít, chính vì sự tự biết đủ, chính vì sự đoạn trừ, chính vì sự tách ly, chính vì sự lợi ích của điều này.

[982] Vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha,* vị chưa đủ năm năm.144 Vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm. Vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện (khác nữa) được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm. Vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện (khác nữa) được sống không nương nhờ: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót

hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm. Vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm. Vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện (khác nữa) được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về giới bổn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bổn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm. Vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện (khác nữa) được sống không nương nhờ: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

[983] Năm điều bất lợi ở vị không được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp bất thiện): ngay cả bản thân cũng khiển trách lấy bản thân, các bậc trí quở trách sau khi đã xem xét, tiếng đồn xấu xa lan rộng, bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp thiện): chính bản thân không khiển trách bản thân, các bậc trí ngợi khen sau khi đã xem xét, tiếng đồn tốt đẹp lan rộng, không bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế. Năm điều bất lợi khác nữa ở vị không được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp bất thiện): những người chưa có đức tin không an trú vào đức tin, làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo Sư đã không được thực hành, người đời sau không thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy không được an trú. Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp thiện): những người chưa có đức tin an trú vào đức tin, làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. lời giáo huấn của bậc Đạo Sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy được an trú. Năm điều bất lợi cho vị thường tới lui các gia đình: vị vi phạm trong việc đi không xin phép, vi phạm việc ngồi ở chỗ kín đáo, vi phạm việc ngồi ở chỗ được che khuất, vi phạm trong khi giảng Pháp quá năm sáu câu cho người nữ, và sống có nhiều tầm cầu về

ái dục. Năm điều bất lợi của vị tỳ khưu thường tới lui các gia đình: vị trong khi sống quá nhiều thời gian thân cận các gia đình có sự nhìn thấy người nữ thường xuyên, trong khi có sự nhìn thấy có sự xúc chạm, trong khi có sự xúc chạm có sự thân mật, trong khi có sự thân mật có sự ô nhiễm, điều này được dự đoán cho vị tỳ khưu có tâm bị khởi dục: hoặc là sẽ hành Phạm hạnh không được hoan hỷ, hoặc là sẽ vi phạm tội có ô nhiễm nào đó, hoặc là sẽ từ bỏ sự học tập và sống đời tầm thường.

[984] Năm sự sanh ra bởi mầm giống: mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm.145 Trái cây nên được thọ dụng với năm cách làm cho được phép đối với sa-môn: được hoại bằng lửa, được hoại bằng dao, được hoại bằng móng tay, không có hột, hột được lấy ra khỏi là cách thứ năm.146

[985] Năm cách làm cho trong sạch: sau khi đọc tụng phần mở đầu (nidāna), nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika,* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika,* sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *aniyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. (Đọc tụng) một cách đầy đủ là cách thứ năm.147 Năm cách làm cho trong sạch khác nữa: sự đọc tụng giới bổn, lễ *Uposatha* với sự (bày tỏ) trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện, lễ *Uposatha* hợp nhất, lễ *Pavāraṇā* là thứ năm.

[986] Năm điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh Pháp. Năm sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp. Năm sự đình chỉ giới bổn *Pāṭimokkha* đúng Pháp.

Dứt phần Nhóm Năm.

Tóm lược phần này:

[987]

Loại tội, các nhóm tội,
được rèn luyện, vô gián,
các hạng người, cắt bớt,
vi phạm, các nguyên do,
vị thuận, và không thuận,
được phép, không tin tưởng,

dầu ăn, và mỡ thú,
mất mát, và thành tựu,
chấm dứt, với hạng người,
mộ địa, bị bò nhai,
trộm cắp, gọi là cướp,
không phân tán, phân chia,
do thân, do thân khẩu,
sự sám hối, hội chúng,
đọc tụng, vùng biên địa,
và với Kaṭhina,
về các loại hành sự,
cho đến lần thứ ba,
tội pārājika,
trọng tội, và tác ác,
không đúng phép, đúng phép,
không phước báu, khó diệt,
chổi quét, các điều khác,
lời nói, và tội nữa,
sự tranh tụng, sự việc,
lời đề nghị, tội phạm,
và luôn cả hai phần,
các tội nhẹ nặng ấy
hãy biết rõ tối sáng,
ở rừng, và khất thực,
y paṃsukūla,
cội cây, và mộ địa,
ở ngoài trời, và y,
theo tuần tự, vị ngồi,
chỗ ở theo chỉ định,
ngăn vật thực dâng sau,
và chỉ thọ trong bát.
Lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā,
có tội và không tội,
những điều tối sáng này
của các tỳ khưu ni
các điều ấy cũng vậy.
Hoan hỷ, không hoan hỷ,
cũng giống y như thế
các điều khác có hai,

tới lui các gia đình,
mất quá nhiều thời gian.
(Sanh ra từ) mầm giống,
được phép cho sa-môn,
làm cho được trong sạch,
và cả các điều khác,
theo Luật, và sai Pháp,
đúng Pháp cũng như thế
đã được đề cập đến,
thuần túy là nhóm năm
như thế được chấm dứt.

---o0o---

[988] Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện.148 Sáu sự thực hành đúng đắn.149 Sáu nguồn sanh tội. Sáu tội vi phạm liên quan đến cắt bớt.150 Vị vi phạm tội do sáu biểu hiện.151 Sáu sự lợi ích cho vị rành rẽ về Luật.152 Sáu điều tối đa.153 Nên xa lìa ba y sáu đêm.154 Sáu loại y.155 Sáu loại thuốc nhuộm (y).156 Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân và do ý không do khẩu. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do khẩu và do ý không do thân. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân do khẩu và do ý. Sáu loại hành sự.157 Sáu nguyên nhân tranh cãi.158 Sáu nguyên nhân khiển trách.159 Sáu pháp cần ghi nhớ. Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ.160 Chiều rộng sáu gang tay.161 Sáu trường hợp chấm dứt việc nương nhờ ở thầy dạy học.162 Sáu điều quy định thêm trong việc tắm.163 Vị ra đi sau khi cầm lấy y chưa được làm xong.164 Vị ra đi sau khi mang theo y chưa được làm xong.

[989] Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị thành tựu vô học giới uẩn, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.165 Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị tự mình thành tựu vô học giới uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giới uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học định uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học định uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học tuệ uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học tuệ uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị có đức tin, là vị có sự hổ thẹn (tội lỗi), là vị

có sự ghê sợ (tội lỗi), là vị nỗ lực tinh tấn, là vị có niệm được thiết lập, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến trong tri kiến sái quấy, là vị nghe nhiều, là vị có trí tuệ, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, (có khả năng) khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải (khi đệ tử hay học trò) có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, (có khả năng) giải tỏa hoặc nhờ vị khác giải tỏa đúng theo Pháp (khi đệ tử hay học trò) có mối nghi ngờ sanh khởi, là vị biết về sự phạm tội, là vị biết cách thoát khỏi tội, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, (có khả năng) để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, (có khả năng) để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, (có khả năng) để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị tỳ khưu hội đủ sáu điều kiện khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về sự phạm tội nhẹ; biết về sự phạm tội nặng; đối với vị này hai bộ giới bổn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo xác định theo từng điều hoặc từng từ ngữ; là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

[990] Sáu sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp.166 Sáu sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Dứt phần Nhóm Sáu.

Tóm lược phần này:

[991]

Không kính, và kính trọng,
được rèn luyện, đúng đắn,
nguồn sanh khởi, cắt bớt,
biểu hiện, với lợi ích,
tối đa, và sáu đêm,
y, và các thuốc nhuộm,
do thân và do ý,
do khẩu và do ý,
do thân khẩu và ý,
hành sự, và tranh cãi,
khiển trách, và chiều dài,

chiều rộng, việc nương nhờ,
chế định thêm, cầm lấy,
mang đi cũng như vậy.
Vô học, giúp đạt được,
đức tin, tăng thượng giới,
bị bệnh, hạnh căn bản,
về các tội vi phạm,
sai pháp và đúng pháp.

---o0o---

[992] Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Bảy sự thực hành đúng đắn167Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp.168 Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người.169 Bảy sự lợi ích cho vị rành rẽ về Luật.170 Bảy điều tối đa. Khi rạng đông vào ngày thứ bảy bị phạm vào *nissaggiya*.171 Bảy cách dàn xếp. Bảy hành sự.172 Bảy loại hạt chưa xay.173 Chiều rộng là bảy (gang) ở bên trong174 Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm.175 Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm, nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày.176 Vị ra đi cầm lấy y đã làm xong.177 Vị ra đi mang theo y đã làm xong. Trường hợp vị tỳ khưu không có tội cần phải được nhìn nhận.178 Trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Trường hợp vị tỳ khưu có tội cần phải được sửa chữa. Bảy sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp. Bảy sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.

[993] Vị tỳ khưu là vị rành rẽ về Luật hội đủ bảy điều kiện: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; là vị có giới sống thu thúc trong sự thu thúc của giới bổn *Pātimokkha*, thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc của sự lạc trú ngay trong hiện tại của bốn thiền là trạng thái tâm trong sạch nhất; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị tỳ khưu là vị rành rẽ về Luật hội đủ bảy điều kiện khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; là vị nghe nhiều, nắm giữ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào là toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được nghe nhiều, được nắm giữ, được tích lũy bằng lời nói, được suy xét bằng ý, được khéo phân

tích bằng tri kiến; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc của sự lạc trú ngay trong hiện tại của bốn thiền là trạng thái tâm trong sạch nhất; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị tỳ khưu là vị rành rẽ về Luật hội đủ bảy điều kiện khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; đối với vị này cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc của sự lạc trú ngay trong hiện tại của bốn thiền là trạng thái tâm trong sạch nhất; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị tỳ khưu là vị rành rẽ về Luật hội đủ bảy điều kiện khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, ...(như trên)..., mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: "*Vào kiếp sống ấy, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm khổ và lạc như vầy, có tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm khổ và lạc như vầy, có tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này*," như thế vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương; với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị (ấy) nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ, vị (ấy) biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "*Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu (bhonto) này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu (bhonto) này có hành động tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, trần thế*," như thế với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị (ấy) nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ, vị

(ấy) biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị rành rẽ về Luật được sáng chói hội đủ bảy điều kiện: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; là vị có giới ...(như trên)... thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc của sự lạc trú ngay trong hiện tại của bốn thiền là trạng thái tâm trong sạch nhất; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị rành rẽ về Luật được sáng chói hội đủ bảy điều kiện khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; là vị nghe nhiều, ...(như trên)..., được khéo phân tích bằng tri kiến; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc của sự lạc trú ngay trong hiện tại của bốn thiền là trạng thái tâm trong sạch nhất; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị rành rẽ về Luật được sáng chói hội đủ bảy điều kiện khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; đối với vị này cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc của sự lạc trú ngay trong hiện tại của bốn thiền là trạng thái tâm trong sạch nhất; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

Vị rành rẽ về Luật được sáng chói hội đủ bảy điều kiện khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; là vị biết về sự không phạm tội; là vị biết về sự phạm tội nhẹ; là vị biết về sự phạm tội nặng; vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước ...(như trên)...; với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị (ấy) nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ, vị (ấy) biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng ...(như trên)...; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí, ngay trong thời hiện tại tự mình thực chứng sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ là sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

[994] Bảy pháp không tốt đẹp: là vị không có đức tin, là vị không hổ thẹn (tội lỗi), là vị không ghê sợ (tội lỗi), là vị ít nghe, là vị biếng nhác, là vị có niệm bị

quên lãng, là vị có tuệ kém. Bảy pháp tốt đẹp: là vị có đức tin, là vị có sự hổ thẹn (tội lỗi), là vị có sự ghê sợ (tội lỗi), là vị nghe nhiều, là vị có sự nỗ lực tinh cần, là vị có niệm được thiết lập, là vị có trí tuệ.
Dứt phần Nhóm Bảy.
Tóm lược phần này:

[995]

Loại tội, các nhóm tội,
được rèn luyện, đúng đắn,
sai pháp, và đúng pháp,
không phạm tội, bảy ngày,
lợi ích, và tối đa,
rạng đông, cách dàn xếp,
hành sự, hạt chưa xay,
chiều rộng, ăn theo nhóm,
tối đa là bảy ngày,
cầm lấy (y đã làm),
mang theo cũng như thế,
không nên, nên, và nên,
sai pháp, và đúng pháp.
Bốn hạng rành rẽ Luật,
bốn tỳ khưu sáng chói,
bảy pháp không tốt đẹp,
bảy pháp tốt được giảng.

---o0o---

[996] Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị tỳ khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội.179 Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác.180 Tám tội vi phạm (khi được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba.181 Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện.182 Tám tiêu đề về việc phát sanh y.183 Tám tiêu đề về việc thâu hồi *Kaṭhina*.184 Tám loại thức uống.185 Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi tám điều không đúng chánh Pháp, là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.186 Tám pháp của thế gian. Tám Trọng Pháp.187 Tám tội *pāṭidesanīya*.188 Tám chi phần của lời nói dối.189 Tám chi phần của ngày *Uposatha* (Bát quan trai giới). Tám chi phần của người sứ giả.190 Tám cách thực hành của ngoại đạo. Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả.191 Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này.192 Tám vật không phải là đồ thừa.193 Tám vật là đồ thừa. Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *nissaggiya*.194 Tám tội *pārājika*.195 Vị ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám nên bị trục xuất.196 Việc đã được trình ra và chưa được trình ra bởi vị ni làm

đầy đủ sự việc thứ tám. Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo.197 Nên đứng dậy đối với tám (vị ni thâm niên). Chỗ ngồi nên dành cho tám (vị ni thâm niên).198 Vị nữ cư sĩ đã thỉnh cầu tám điều ước muốn.199 Vị tỳ khưu hội đủ tám điều kiện nên được chỉ định là vị giáo giới tỳ khưu ni.200 Tám điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật.201 Tám điều tối đa. Vị tỳ khưu được thực thi hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp.202 Tám sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp. Tám sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.
Dứt phần Nhóm Tám.
Tóm lược phần này:

[997]
Không phải tỳ khưu ấy,
của chính các vị khác,
cho đến lần thứ ba,
các sự làm hư hỏng,
tám tiêu đề về y,
thâu hồi Kaṭhina,
thức uống, bị ngự trị,
pháp thế gian, Trọng Pháp,
các tội ưng phát lộ,
nói dối, ngày trai giới,
các điều của sứ giả,
ngoại đạo, và biển cả,
phi thường, không phải thừa,
đồ thừa, phạm ưng xả,
tội pārājika,
(làm) sự việc thứ tám,
đã không được trình ra,
sự tu lên bậc trên,
sự đứng dậy, chỗ ngồi,
ước muốn, vị giáo giới,
các lợi ích, tối đa,
thực hành trong tám pháp,
sai pháp, và đúng pháp,
và các nhóm tám pháp
đã được khéo trình bày.

---o0o---

[998] Chín sự việc gây nóng giận.203 Chín cách đối trị sự nóng giận. Chín sự việc đã được rèn luyện.204 Chín điều bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi

phạm.205 Hội chúng bị chia rẽ với chín (vị tỳ khưu).206 Chín vật thực thượng hạng.207 Tội *dukkaṭa* với chín loại thịt. Chín cách đọc tụng giới bổn.208 Chín điều tối đa. Chín pháp là gốc của tham ái.209 Chín cách ngã mạn.210 Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng.211 Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung212 Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ.213 Chín sự bố thí sai pháp.214 Chín sự thọ lãnh sai pháp. Chín sự thọ dụng sai pháp. Ba sự bố thí sai pháp, ba sự thọ lãnh sai pháp, ba sự thọ dụng sai pháp. Chín nhận thức sai pháp.215 Chín nhận thức đúng pháp. Hai nhóm chín trong hành sự sai pháp.216 Hai nhóm chín trong hành sự đúng pháp. Chín sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp. Chín sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp.
Dứt phần Nhóm Chín.
Tóm lược phần này:

[999]

Chín việc gây nóng giận,
đối trị, được rèn luyện,
phạm trước tiên, chia rẽ,
thượng hạng, thịt, đọc tụng,
tối đa, và tham ái,
ngã mạn, sự chú nguyện,
chú nguyện để dùng chung,
gang tay, việc bố thí,
việc thọ lãnh, thọ dụng,
ba cách, lại đúng pháp,
sai pháp, và đúng pháp,
nhận thức có hai nhóm,
và có hai nhóm chín,
sự đình chỉ giới bổn
sai pháp và đúng pháp.

---o0o---

[1000] Mười sự việc gây nóng giận. Mười cách đối trị sự nóng giận. Mười sự việc đã được rèn luyện. Mười tà kiến căn bản.217 Mười chánh kiến căn bản. Mười tri kiến cực đoan.218 Mười sự sai trái.219 Mười sự chân chánh. Mười đường lối của nghiệp bất thiện.220 Mười đường lối của nghiệp thiện. Mười cách phân phát thẻ sai pháp.221 Mười cách phân phát thẻ đúng pháp. Mười điều học của các sa di.222 Vị sa di hội đủ mười điều kiện nên bị trục xuất.223

[1001] Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ mười điều: vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đã không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau

khi đã không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, cho thực hiện (hành sự) sai pháp với sự không khẳng định, không biết về tội, không biết nguồn sanh tội, không biết nhân sanh tội, không biết sự đoạn diệt của tội, không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ mười điều (khác nữa): vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đã đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đã đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, cho thực hiện (hành sự) đúng pháp với sự khẳng định, biết về tội, biết nguồn sanh tội, biết nhân sanh tội, biết sự đoạn diệt của tội, biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ mười điều khác nữa: vị không biết về sự tranh tụng, không biết nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, không biết nhân sanh sự tranh tụng, không biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng, không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng, không biết về sự việc, không biết về sự mở đầu, không biết về sự quy định, không biết về sự quy định thêm, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ mười điều (khác nữa): vị biết về sự tranh tụng, biết nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, biết nhân sanh sự tranh tụng, biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng, biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng, biết về sự việc, biết về sự mở đầu, biết về sự quy định, biết về sự quy định thêm, biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ mười điều khác nữa: vị không biết về lời đề nghị, không biết cách thực hiện với lời đề nghị, không thiện xảo về phần (cần trình bày) đầu tiên, không thiện xảo về các phần kế tiếp, không biết về thời điểm, không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và không khéo chăm chú không khéo suy xét.

Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ mười điều (khác nữa): vị biết về lời đề nghị, biết cách thực hiện với lời đề nghị, thiện xảo về phần (cần trình bày) đầu tiên, thiện xảo về các phần kế tiếp, biết về thời điểm, biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và khéo chăm chú khéo suy xét.

Vị rành rẽ về Luật bị xem là "*kẻ ngu dốt*" khi hội đủ mười điều khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; không biết về sự phạm tội hay không phạm

tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; không thiện xảo về việc phán quyết trong sự tranh tụng.

Vị rành rẽ về Luật được xem là "*vị thông thái*" khi hội đủ mười điều (khác nữa): vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết về sự phạm tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết về sự phạm tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; thiện xảo về việc phán quyết trong sự tranh tụng.

[1002] Vị tỳ khưu hội đủ mười điều kiện nên được chỉ định làm vị đại biểu. Đức Như Lai quy định điều học cho các Thinh văn vì mười điều lợi ích.224 Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua.225 Mười vật bố thí.226 Mười loại báu vật.227 Hội chúng tỳ khưu nhóm mười vị. Nên cho tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị. Mười loại vải *paṃsukūla*. Mười loại y và cách sử dụng.228 Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày.229 Mười loại tinh dịch.230 Mười hạng người nữ.231 Mười hạng vợ. Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī.232 Mười hạng người không nên đảnh lễ.233 Mười sự việc của sự nguyền rủa.234 Người tạo ra sự đâm thọc theo mười cách thức.235 Mười loại sàng tọa.236 Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn.237 Mười sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* sai Pháp. Mười sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* đúng Pháp. Mười điều lợi ích của cháo.238 Mười loại thịt không được phép.239 Mười điều tối đa. Vị tỳ khưu mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ. Vị tỳ khưu ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho sa di ni phục vụ.240 Sự đồng ý về việc tiếp độ nên được chấp thuận cho vị tỳ khưu ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Sự học tập nên được ban cho đến người nữ đã kết hôn khi mười tuổi.

Dứt phần Nhóm Mười.

Tóm lược phần này:

[1003]

Mười việc gây nóng giận,
căn bản, tà và chánh,
cực đoan, sự sai trái,
và cả sự đúng đắn,
nghiệp thiện, và bất thiện,
về việc (phân phát) thẻ,
sai pháp và đúng pháp,
sa di, sự trục xuất.

Lời nói, sự tranh tụng,
đề nghị, (tội) nhẹ nữa,
nhẹ nặng các tội này,
hãy biết tối và sáng.
Đại biểu, các điều học,
hậu cung, và các vật,
báu vật, và nhóm mười,
cũng vậy tu bậc trên,
vải paṃsukūla,
các loại y sử dụng,
mười ngày, tinh, người nữ,
người vợ, mười sự việc,
không đảnh lễ, nguyền rủa,
đâm thọc, và sàng tọa,
ước muốn, và sai pháp,
đúng pháp, cháo, và thịt,
tối đa, vị tỳ khưu,
tỳ khưu ni, tiếp độ,
nữ kết hôn, nhóm mười
đã được giảng rõ ràng.

---o0o---

[1004] Mười một hạng người chưa được tu lên bậc trên thì không nên ban phép tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên thì nên trục xuất.241 Mười một loại giày không được phép.242 Mười một loại bình bát không được phép.243 Mười một loại y không được phép.244 Mười một tội vi phạm (khi được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba.245 Mười một pháp chướng ngại của tỳ khưu ni cần được hỏi.246 Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng.247 Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung.248 Khi rạng đông của ngày thứ mười một thì phạm vào *nissaggiya*. Mười một loại khóa thắt lưng được phép. Mười một loại hột nút được phép.249 Mười một loại đất không được phép. Mười một loại đất được phép.250 Mười một trường hợp chấm dứt việc nương nhờ.251 Mười một hạng người không nên đảnh lễ.252 Mười một điều tối đa. Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn.253 Mười một sự sai trái của ranh giới (sīmā).254 Mười một tai họa là điều hiển nhiên cho người chửi rủa và người mắng nhiếc: Khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích là điều hiển nhiên: ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy ác mộng, được mọi người thương mến, được các

phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc chất độc hoặc vũ khí không xâm phạm vị ấy, tâm được nhập định nhanh chóng, sắc mặt được an tịnh, không mê mờ khi từ trần, khi không thể nhập được trạng thái cao thượng thì đi đến thế giới Phạm thiên; khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích này là điều hiển nhiên.

Dứt phần Nhóm Mười Một.

Tóm lược phần này:

[1005]

Nên trục xuất, và giày,
các bình bát, và y,
thứ ba, và nên hỏi,
chú nguyện dùng riêng, chung,
rạng đông, khóa thắt lưng,
hột nút, không được phép,
được phép, việc nương nhờ,
và không nên đảnh lễ,
tối đa, và ước muốn,
sai trái của ranh giới,
chửi rủa, và tâm từ,
hoàn tất nhóm mười một.

Dứt Tăng Theo Từng Bậc.

Tóm lược chương này

[1006]

Nhóm một, và nhóm hai,
nhóm ba, bốn, và năm,
sáu, bảy, tám, và chín,
mười, và nhóm mười một,
các điều tăng theo bậc
đã được đấng Đại Hùng
bậc hiểu Pháp như thế
thuyết giảng không sai sót
nhắm đến điều lợi ích
cho tất cả chúng sanh.

---o0o---

VII. CÁC CÂU VẤN ĐÁP VỀ LỄ *UPOSATHA*, v.v...

[1007] Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự lễ *Uposatha*? Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự lễ *Pavāraṇā*? ...(như trên)... của hành sự khiển trách? ...(như trên)... của hành sự chỉ dạy? ...(như trên)... của hành sự xua đuổi? ...(như trên)... của hành sự hòa giải? ...(như trên)... của hành sự án treo? ...(như trên)... của việc ban cho hành phạt *parivāsa*? ...(như trên)... của việc thực hành lại từ đầu? ...(như trên)... của việc ban cho hành phạt *mānatta*? ...(như trên)... của việc giải tội? Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự tu lên bậc trên?

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của việc thu hồi hành sự khiển trách? ...(như trên)... của việc thu hồi hành sự chỉ dạy? ...(như trên)... của việc thu hồi hành sự xua đuổi? ...(như trên)... của việc thu hồi hành sự hòa giải? Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của việc thu hồi hành sự án treo?

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? ...(như trên)... của hành xử Luật khi không điên cuồng? ...(như trên)... của theo tội của vị ấy? ...(như trên)... của cách dùng cỏ che lấp? ...(như trên)... của việc chỉ định vị giáo giới tỳ khưu ni? ...(như trên)... của việc đồng ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y? ...(như trên)... của việc đồng ý về ngọa cụ? ...(như trên)... của việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc? ...(như trên)... của việc chỉ định vị tiếp nhận y khoác ngoài? ...(như trên)... của việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát? ...(như trên)... của việc đồng ý về gậy? ...(như trên)... của việc đồng ý về dây? Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của việc đồng ý về gậy và dây?

[1008] Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự lễ *Uposatha*?

- Sự hợp nhất là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự chấm dứt là kết cuộc của hành sự lễ *Uposatha*.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự lễ *Pavāraṇā*?

- Sự hợp nhất là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự chấm dứt là kết cuộc của hành sự lễ *Pavāraṇā*.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự khiển trách?

- Sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của hành sự khiển trách.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự chỉ dạy? ...(như trên)... của hành sự xua đuổi? ...(như trên)... của hành sự hòa giải? ...(như trên)... của hành sự án treo? ...(như trên)... của việc ban cho hành phạt *parivāsa*? ...(như trên)... của việc thực hành lại từ đầu? ...(như trên)... của việc ban cho hành phạt *mānatta*? ...(như trên)... của việc giải tội?

- Sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của việc giải tội.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành sự tu lên bậc trên?

- Sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của hành sự tu lên bậc trên.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của việc thu hồi hành sự khiển trách?

– Sự thực hành phận sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của việc thu hồi hành sự khiển trách.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của việc thu hồi hành sự chỉ dạy? ...(như trên)... của việc thu hồi hành sự xua đuổi? ...(như trên)... của việc thu hồi hành sự hòa giải? ...(như trên)... của việc thu hồi hành sự án treo?

– Việc thực hành phận sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của việc thu hồi hành sự án treo.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành xử Luật bằng sự ghi nhớ?

- Sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của hành xử Luật khi không điên cuồng? ...(như trên)... của theo tội của vị ấy ...(như trên)... của cách dùng cỏ che lấp? ...(như trên)... của việc chỉ định vị giáo giới tỳ khưu ni? ...(như trên)... của việc đồng ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y? ...(như trên)... của việc đồng ý về ngọa cụ? ...(như trên)... của việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc? ...(như trên)... của việc chỉ định vị tiếp nhận y khoác ngoài? ...(như trên)... của việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát? ...(như trên)... của việc đồng ý về gậy? ...(như trên)... của việc đồng ý về dây? ...(như trên)... của việc đồng ý về gậy và dây?

- Sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc của việc đồng ý về gậy và dây.

---o0o---

LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐIỀU LỢI ÍCH

[1009] Đức Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của

những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật.

[1010] Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Điều nào nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, điều ấy nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp. Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, điều ấy nhằm sự hỗ trợ Luật.

[1011] Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ Luật.

[1012] Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ Luật. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng.

[1013] Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, ...(như trên)... Điều nào nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, ...(như trên)... Điều nào nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, ...(như trên)... Điều nào nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, ...(như trên)... Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Điều nào nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(như trên)... Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp,

...(như trên)... Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp.

[1014]

Trăm ý nghĩa trăm pháp,
và hai trăm diễn đạt,
thành bốn trăm kiến thức
giải thích điều lợi ích.

Dứt Lời Giải Thích về Điều Lợi Ích.
Dứt Đại Phẩm.

Tóm lược phần này:

[1015]

Trước tiên tám câu hỏi,
lại nữa tám nhân duyên,
là mười sáu điều ấy
của các vị tỳ khưu,
và cũng mười sáu điều
của các tỳ khưu ni.
Sự trùng lặp liên tục,
và các phần phân tích
tăng theo từng bậc một.
Lễ Pavāraṇā,
liên quan đến lợi ích
chính là phần tập hợp
thuộc về Luật Đại Phẩm.

---o0o---

VIII. SƯU TẬP CÁC BÀI KỆ

[1016]

Sao ngươi đến nơi đây
y đắp một bên vai,
tay chắp lại đưa lên,
tỏ vẻ đang mong mỏi?
Các điều đã quy định
ở trong hai bộ Luật
được đưa ra đọc tụng
trong các lễ Bố Tát,
bao nhiêu điều học ấy
đã được quy định ra?
ở bao nhiêu thành phố?
– Ngươi có câu hỏi hay,
ngươi đã hỏi chí lý,
quả vậy, ta sẽ giảng
cho ngươi được tận tường.
Các điều đã quy định
ở trong hai bộ Luật
được đưa ra đọc tụng
trong các lễ Bố Tát,
chúng đã được quy định
ba trăm năm mươi điều
ở trong bảy thành phố.

[1017]

Các điều đã quy định
ở bảy thành phố nào?
Xin Ngài hãy nói ra
cho con biết việc ấy.
Sau khi đã lắng nghe
lời Ngài sẽ trình bày,
chúng con sẽ thực hành
vì lợi ích chúng con.
- Các điều đã quy định
ở thành Vesālī,
thành Rājagaha,
rồi thành Sāvatthi,
và thành Āḷavī,
ở thành Kosambī,
trong xứ sở Sakka,
và ở Bhagga nữa.

[1018]

Bao nhiêu điều quy định
ở thành Vesālī?
Bao nhiêu đã thực hiện
ở Rājagaha?
Sāvatthi bao nhiêu?
Bao nhiêu đã thực hiện
ở thành Āḷavī?
Bao nhiêu điều quy định
ở thành Kosambī?
Bao nhiêu được đề cập
ở trong xứ Sakka?
Bao nhiêu điều quy định
ở trong xứ Bhagga?
Điều đã được con hỏi,
xin Ngài nói điều ấy.
- Mười điều đã quy định
ở thành Vesālī.
Hai mươi mốt đã làm
ở Rājagaha.
Hai trăm chín mươi bốn
tất cả được thực hiện
ở thành Sāvatthi.
Sáu điều được quy định
ở thành Āḷavī.
Tám điều đã quy định
ở thành Kosambī.
Tám điều được đề cập
ở trong xứ Sakka.
Ba điều được quy định
ở trong xứ Bhagga.
Các điều được quy định
ở thành Vesālī,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Chuyện đôi lứa, mạng người,
pháp thượng nhân, phụ trội,
và màu đen, thực chứng,
bữa ăn được thỉnh sau,
tăm xỉa răng và nước,
đạo sĩ phái lõa thể,

nguyền rủa giữa các ni,
mười điều ấy đã làm
ở thành Vesālī.
Các điều được quy định
ở Rājagaha,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Ở Rājagaha,
lấy vật không được cho,
và hai chuyện bôi nhọ,
cả hai việc chia rẽ,
y nội, và vàng bạc,
chỉ sợi, vị phàn nàn,
đồ khất thực môi giới,
vật thực dâng chung nhóm,
sái giờ, đi thăm viếng,
việc tắm, thiếu hai mươi,
sau khi đã cho y,
hướng dẫn sự phục vụ,
các điều ấy đã làm
ở Rājagaha.
Cũng chính ở nơi ấy,
trên đỉnh núi, du hành,
với sự ban thỏa thuận,
(tất cả) hai mươi mốt.
Các điều được quy định
ở thành Sāvatthi,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Bốn pārājika,
tăng tàng là mười sáu,
điều bất định có hai,
hai mươi bốn ưng xả,
một trăm năm mươi sáu
điều nhỏ nhặt được nói,
mười tội đáng chê trách,
bảy mươi hai học pháp,
tất cả đã thực hiện
ở thành Sāvatthi
là hai trăm chín bốn.255

Các điều được quy định
ở thành Āḷavī,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Cốc liêu, sợi tơ tằm,
chỗ nằm, trong việc đào,
"Thiên nhân, hãy đi đi,"
tưới nước có sinh vật,
sáu điều ấy đã làm
ở thành Āḷavī.
Các điều được quy định
ở thành Kosambī,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Trú xá lớn, khó dạy,
(tránh né bằng) điều khác,
cánh cửa lớn, men say,
không tôn trọng, theo Pháp,
uống sữa là thứ tám.
Các điều được quy định
ở trong xứ Sakka,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Lông cừu, và bình bát,
giáo giới, và dược phẩm,
kim, và ở trong rừng,
sáu điều ấy ở thành
Kapilavatthu.
Nước để làm sạch sẽ,
giáo giới được nói lên
ở các tỳ khưu ni.
Các điều được quy định
ở trong xứ Bhagga,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Đã đốt lửa sưởi ấm,
dính thức ăn, cơm cặn.
Bốn pārājika,
tăng tàng là có bảy,
tám nissaggiya,

và các điều nhỏ nhặt
(gồm có) ba mươi hai,
hai điều đáng chê trách,
ba điều ưng học pháp,
như vậy năm mươi sáu
được quy định bởi Phật
là thân quyến mặt trời
ở trong sáu thành phố.
Hai trăm chín mươi bốn
tất cả được thực hiện
ở thành Sāvatthi
bởi Cồ Đàm danh tiếng.

[1019]

Điều gì chúng tôi hỏi
ngài đều đã trả lời
điều ấy được rõ ràng
không có chút sai khác.
Con hỏi đến điều khác,
vậy xin ngài hãy nói:
Tội nặng và tội nhẹ,
dư sót, không dư sót,
xấu xa, không xấu xa,
và đến lần thứ ba,
quy định chung và riêng,
và các sự hư hỏng
được làm cho lắng dịu
với những dàn xếp nào?
Xin Ngài hãy nói rõ
tất cả các điều này
chúng con đang lắng nghe
lời dạy của Ngài đây.
- Những điều nào là nặng
gồm có ba mươi mốt,
ở đây có tám điều
là không còn dư sót,
những tội nào là nặng
những tội ấy xấu xa,
những tội nào xấu xa
là hư hỏng về giới.
Tội pārājika,

saṅghādisesa
được đề cập đến là:
"Sự hư hỏng về giới."
Tội thullaccaya,
và pācittiya,
tội về ưng phát lộ,
tác ác, và ác khẩu,
và tội vị nguyền rủa,
có ý định đùa giỡn,
điều ấy được xác định:
"Hư hỏng về hạnh kiểm."

[1020]

Tuệ kém, si che phủ,
chúng theo tri kiến nghịch
tôn vinh phi chánh Pháp
chê bai bậc Toàn Giác,
điều ấy được xác định:
"Hư hỏng về tri kiến."

[1021] Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: "*Vị (tỳ khưu) nào sống trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khưu ấy là bậc A-la-hán*." Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị tỳ khưu yêu cầu vật thực thượng hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị tỳ khưu ni yêu cầu vật thực thượng hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị không bị bệnh yêu cầu xúp hoặc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực.
Điều ấy được xác định:
"Hư hỏng về nuôi mạng."

[1022]

Mười một điều (nhắc nhở)
cho đến lần thứ ba,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Xu hướng kẻ án treo,
tám điều đến lần ba,
(tỳ khưu) Ariṭṭha,
ni Caṇḍakālī;

đây là những điều ấy
cho đến lần thứ ba.

[1023] Bao nhiêu điều nên được cắt bớt? Bao nhiêu điều nên được đập vỡ? Bao nhiêu điều nên được móc ra? Bao nhiêu điều *pācittiya* "*(chỉ nguyên nhân ấy) không điều nào khác*"? Bao nhiêu sự đồng ý của các tỳ khưu? Bao nhiêu "*sự đúng đắn (trong trường hợp ấy)*"? Bao nhiêu điều "*tối đa*"?

Bao nhiêu điều "dầu biết"
được quy định bởi Phật
là thân quyến mặt trời?

Sáu điều nên được cắt bớt. Một điều nên được đập vỡ. Một điều nên được móc ra. Bốn điều *pācittiya* "*(chỉ nguyên nhân ấy) không điều nào khác*." Bốn sự đồng ý của các tỳ khưu. Bảy "*sự đúng đắn (trong trường hợp ấy)*." Mười bốn điều "*tối đa*."

Mười sáu điều "dầu biết"
được quy định bởi Phật
là thân quyến mặt trời.

[1024] Hai trăm hai mươi điều học của các tỳ khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*, ba trăm lẻ bốn điều học của các tỳ khưu ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*.

Của các vị tỳ khưu
bốn mươi sáu điều học
không được quy định chung
với các tỳ khưu ni.
Của các tỳ khưu ni
một trăm ba mươi điều
không được quy định chung
với các vị tỳ khưu.
Một trăm bảy mươi sáu
không chung cho cả hai,
một trăm bảy mươi bốn
cả hai đều thực hành.

[1025]

Hai trăm hai mươi điều
của các vị tỳ khưu
được đưa ra đọc tụng
trong các lễ Bố Tát,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Bốn pārājika,
tăng tàng là mười ba,

điều bất định có hai,
đúng ba mươi ưng xả,
chín hai điều nhỏ nhặt
bốn điều ưng phát lộ,
bảy mươi hai ưng học.
Hai trăm hai mươi điều học này của các tỳ khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*.

[1026]
Ba trăm lẻ bốn điều
của các tỳ khưu ni
được đưa ra đọc tụng
trong các lễ Bố Tát
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Tám pārājika,
tăng tàng là mười bảy,
đúng ba mươi ưng xả,
một trăm sáu mươi sáu
gọi là điều nhỏ nhặt
tám điều ưng phát lộ,
bảy mươi hai ưng học.
Ba trăm lẻ bốn điều học này của các tỳ khưu ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ *Uposatha*.

[1027]
Của các vị tỳ khưu
bốn mươi sáu điều học
không được quy định chung
với các tỳ khưu ni,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Sáu điều tội tăng tàng,
hai bất định là tám,
thêm mười hai ưng xả
chúng thành hai mươi điều.
Hai mươi hai điều nhỏ
và bốn ưng phát lộ
chúng thành bốn mươi sáu
của các vị tỳ khưu

không được quy định chung
với các tỳ khưu ni.

[1028]
Của các tỳ khưu ni
một trăm ba mươi điều
không được quy định chung
với các vị tỳ khưu,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Bốn pārājika,
mười điều lìa hội chúng,
mười hai điều ưng xả
chín mươi sáu điều nhỏ
và tám ưng phát lộ
chúng thành trăm ba mươi
của các tỳ khưu ni
không được quy định chung
với các vị tỳ khưu.

[1029]
Một trăm bảy mươi sáu
không chung cho cả hai,
lắng nghe các điều ấy
theo như lời giảng giải:
Bốn pārājika,
tăng tàng là mười sáu,
bất định là hai điều,
ưng xả hai mươi bốn,
đúng một trăm mười tám
gọi là điều nhỏ nhặt,
mười hai ưng phát lộ,
các điều này chính là
một trăm bảy mươi sáu
không chung cho cả hai.

[1030]
Một trăm bảy mươi bốn
cả hai đều thực hành,
lắng nghe các điều ấy

theo như lời giảng giải:
Bốn pārājika,
tăng tàng là bảy điều,
điều ưng xả mười tám,
bảy mươi giống như nhau
gọi là điều nhỏ nhặt,
bảy mươi lăm ưng học,
các điều này chính là
một trăm bảy mươi bốn
cả hai đều thực hành.

[1031]
Tội pārājika
đúng tám (điều học) ấy
điều vi phạm xấu xa
như gốc cây thốt nốt,
như chiếc lá úa vàng,
như tảng đá bằng phẳng,
như người đàn ông ấy
đầu đã bị chặt lìa
như thốt nốt cụt ngọn
chúng không còn phát triển.

[1032]
Hai mươi ba tăng tàng,
hai aniyata,
bốn mươi hai ưng xả,
một trăm tám mươi tám
điều pācittiya,
mười hai ưng phát lộ,
bảy mươi lăm học pháp,
chúng được làm lắng dịu
bởi ba cách dàn xếp:
do chính sự hiện diện,
theo như đã thừa nhận,
và dùng cỏ che lấp.

[1033]
Bậc Chiến Thắng đã giảng:
hai Uposatha,

hai Pavāraṇā,
về bốn sự tranh tụng,
đúng năm cách tụng đọc,
bốn cách cũng không khác,
và nhóm tội là bảy.

[1034]
Có bốn sự tranh tụng
chúng được làm lắng dịu
bởi bảy cách dàn xếp:
bởi hai, bốn, và ba,
phận sự yên do một.

[1035]
Điều đã được gọi là
"tội pārājika,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Đã chết, bị thua trận,
đã té, bị khước từ
bởi các việc Chánh Pháp,
ngay cả đồng cộng trú
vị ấy cũng không còn,
vì thế, được nói vậy.

[1036]
Điều đã được gọi là
"saṅghādisesa,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Chính hội chúng ban cho
việc parivāsa,
trở lại từ ban đầu,
ban cho mānatta,
và giải cho khỏi tội,
vì thế, được nói vậy.

[1037]
Điều đã được gọi là
"tội aniyata,"

hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Bất định không chắc chắn,
điều học không quyết định,
vị trí một trong ba
nên gọi là "bất định."

[1038]
Điều đã được gọi là
"tội thullaccaya,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Vị nào khai trình tội
ở chân của vị khác,
và vị ghi nhận tội
sự vi phạm không còn
gây hại cho vị ấy,
vì thế, được nói vậy.

[1039]
Điều đã được gọi là
"tội nissaggiya,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Ở nơi giữa hội chúng,
(hoặc là) ở giữa nhóm,
đến chỉ mỗi một vị,
sau khi đã xả bỏ,
rồi sám hối tội ấy,
vì thế, được nói vậy.

[1040]
Điều đã được gọi là
"tội pācittiya,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Vị đánh rơi thiện pháp
đối nghịch lại Thánh đạo,
do tâm bị mê mờ,
vì thế, được nói vậy.

[1041]

Điều đã được gọi là
"tội tên ưng phát lộ,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Vị tỳ khưu hiện diện
không phải là thân quyến,
sau khi đã tự mình
nhận lãnh rồi thọ thực
vật thực của vị ni
khó nhọc mới thành đạt,
được gọi "đáng chê trách."
Giữa những vị được mời,
trong lúc đang thọ thực,
nơi ấy tỳ khưu ni
hướng dẫn theo ý thích,
sau khi chẳng đuổi đi
vị thọ thực nơi ấy
được gọi "đáng chê trách."
Vị đi đến gia đình
có tâm được tín thành
nghèo nàn ít của cải,
không bệnh ăn nơi ấy
được gọi "đáng chê trách."
Nếu sống ở trong rừng,
kinh hoàng có nguy hiểm
không báo, ăn nơi ấy
được gọi "đáng chê trách."
Tỳ khưu ni hiện diện
không phải là thân quyến,
vật được người khác thích:
là bơ lỏng, dầu ăn,
mật ong, đường mía, cá
thịt, sữa tươi, sữa đông
yêu cầu cho bản thân,
vị tỳ khưu ni ấy
phạm tội đáng chê trách
trong giáo pháp Thiện Thệ.

[1042]
Điều đã được gọi là
"tội tên dukkaṭa,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Điều gọi là tác ác
là đã bị thua trận,
bị thất bại, té ngã;
người làm điều ác ấy
công khai hoặc kín đáo,
chúng gọi: "dukkaṭa,"
vì thế, được nói vậy.

[1043]
Điều đã được gọi là
"tội dubbhāsita,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Câu nói là ác khẩu
được nói lên sái quấy
hoàn toàn bị ô nhiễm,
và các bậc tri thức
chê trách về điều ấy
vì thế, được nói vậy.

[1044]
Điều đã được gọi là
"tội tên sekhiya,"
hãy lắng nghe điều ấy
theo như lời giảng giải:
Và sự thực hành này
là trước tiên, đứng đầu,
kiểm soát, và thu thúc
của các vị đang tiến
theo con đường thẳng tắp,
của vị đang học tập
là đang còn rèn luyện.
Không thể nào có được
sự học tập như vầy,
vì thế, được nói vậy.

Nước mưa bị văng lại
ở vật đã che đậy.
Nước mưa không văng lại
ở vật được mở ra.
Do đó, hãy mở ra
vật đã được che đậy,
như vậy, ở vật ấy
nước mưa không văng lại.
Núi rừng là chỗ nương
của các loài thú vật,
không gian là chỗ nương
của các loài có cánh,
biển hoại là chỗ nương
của các pháp (hữu vi),
Niết Bàn là chỗ nương
của bậc A-la-hán.
Dứt Sưu Tập Các Bài Kệ.

Tóm lược chương này:

[1045]

Ở trong bảy thành phố,
các điều được quy định
và bốn sự hư hỏng,
quy định chung hoặc riêng
của các vị tỳ khưu
và các tỳ khưu ni
nhằm nâng đỡ giáo pháp,
chương này (có tên gọi)
Sưu Tập Các Bài Kệ.

---o0o---

IX. PHÂN TÍCH SỰ TRANH TỤNG

[1046] Bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng.

Bốn sự tranh tụng này có bao nhiêu cách khơi dậy?

- Bốn sự tranh tụng này có mười cách khơi dậy: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có hai cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn cách khơi

dậy, sự tranh tụng liên quan đến tội có ba cách khơi dậy, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một cách khơi dậy. Đây là mười cách khơi dậy của bốn sự tranh tụng này.

Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, vị khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, vị khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội, vị khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, vị khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp?

- Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, vị khơi dậy hai cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, vị khơi dậy bốn cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội, vị khơi dậy ba cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, vị khơi dậy một cách dàn xếp.

[1047] Có bao nhiêu sự khơi dậy? Vị tạo ra sự khơi dậy theo bao nhiêu cách thức? Người khơi dậy sự tranh tụng hội đủ bao nhiêu điều kiện? Bao nhiêu người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng?

- Có mười hai sự khơi dậy. Vị tạo ra sự khơi dậy theo mười cách thức. Người khơi dậy sự tranh tụng hội đủ bốn điều kiện. Bốn hạng người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng.

Mười hai sự khơi dậy là gì?

- Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, hành sự cần được thực hiện lại, hành sự chưa được hoàn tất, hành sự đã được hoàn tất sai, hành sự cần được hoàn tất lại, hành sự chưa được quyết định, hành sự đã được quyết định sai, hành sự cần được quyết định lại, hành sự chưa được giải quyết, hành sự đã được giải quyết sai, hành sự cần được giải quyết lại. Đây là mười hai sự khơi dậy.

Vị tạo ra sự khơi dậy theo mười cách thức gì?

- Vị khơi dậy sự tranh tụng tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng (khi đang đi) nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết (khi đang đi) nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng khi đã đến nơi ấy, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết khi đã đến nơi ấy, vị khơi dậy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, vị khơi dậy hành xử Luật khi không điên cuồng, vị khơi dậy theo tội của vị ấy, vị khơi dậy cách dùng cỏ che lấp. Vị tạo ra sự khơi dậy bằng mười cách thức này.

Vị khơi dậy sự tranh tụng hội đủ bốn điều kiện gì?

- Vị khơi dậy sự tranh tụng trong khi bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(như trên)... bởi sự sân hận, ...(như trên)... bởi sự si mê, vị khơi dậy sự tranh tụng trong khi bị chi phối bởi sự sợ hãi. Vị khơi dậy sự tranh tụng hội đủ bốn điều kiện này.

Bốn hạng người nào vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng?

- Vị đã được tu lên bậc trên vào chính ngày ấy khơi dậy (sự tranh tụng) vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy; vị vãng lai khơi dậy (sự tranh tụng) vi

phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy; vị là người chủ động khơi dậy (sự tranh tụng) vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy; vị trao ra sự tùy thuận khơi dậy (sự tranh tụng) vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khơi dậy. Bốn hạng người này vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng.

[1048] Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến tội có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có tranh cãi là sự mở đầu, có tranh cãi là sự phát sanh, có tranh cãi là sự sanh lên, có tranh cãi là sự hiện khởi, có tranh cãi là sự cốt yếu, có tranh cãi là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có khiển trách là sự mở đầu, có khiển trách là sự phát sanh, có khiển trách là sự sanh lên, có khiển trách là sự hiện khởi, có khiển trách là sự cốt yếu, có khiển trách là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến tội có tội vi phạm là sự mở đầu, có tội vi phạm là sự phát sanh, có tội vi phạm là sự sanh lên, có tội vi phạm là sự hiện khởi, có tội vi phạm là sự cốt yếu, có tội vi phạm là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhiệm vụ là sự mở đầu, có nhiệm vụ là sự phát sanh, có nhiệm vụ là sự sanh lên, có nhiệm vụ là sự hiện khởi, có nhiệm vụ là sự cốt yếu, có nhiệm vụ là nguồn sanh khởi.

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có nhân (hetu) là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự

cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có duyên (paccayo) là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(như trên)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

[1049] Bốn sự tranh tụng có bao nhiêu điều căn bản? có bao nhiêu nguồn sanh khởi?

- Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản, có ba mươi ba nguồn sanh khởi.

Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản gì?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười hai điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có mười bốn điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến tội có sáu điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một điều căn bản là hội chúng. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản này.

Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi gì?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười tám sự việc gây ra chia rẽ là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn sự hư hỏng là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến tội có bảy nhóm tội là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có bốn hành sự là nguồn sanh khởi. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi này.

[1050] Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tội vi phạm hay không phải là tội vi phạm?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không phải là tội vi phạm.

Có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không?

- Có, có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội?

- Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Mắng nhiếc vị đã tu lên bậc trên phạm tội *pācittiya*, mắng nhiếc người chưa tu lên bậc trên phạm tội *dukkaṭa*. Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này.

Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được quy tụ vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu

nguồn sanh tội? Được giải quyết bằng bao nhiêu sự tranh tụng? ở bao nhiêu nơi? với bao nhiêu cách dàn xếp?
- Các tội ấy được phân chia theo một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được quy tụ vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Được giải quyết bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

[1051] Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tội vi phạm hay không phải là tội vi phạm?
- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không phải là tội vi phạm.
Có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không?
- Có, có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.
Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm bao nhiêu tội?
- Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội: Bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika*không có nguyên cớ phạm tội *saṅghādisesa*, bôi nhọ về tội *saṅghādisesa* không có nguyên cớ phạm tội *pācittiya*, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkaṭa*. Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội này.

Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được quy tụ vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được giải quyết bằng bao nhiêu sự tranh tụng? ở bao nhiêu nơi? với bao nhiêu cách dàn xếp?
- Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được quy tụ vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Tội nào là nặng, tội ấy được giải quyết bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở một nơi là ở giữa hội chúng; với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận; các tội nào là nhẹ, các tội ấy được giải quyết bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

[1052] Sự tranh tụng liên quan đến tội (vi phạm) là tội vi phạm hay không phải là tội vi phạm?
- Sự tranh tụng liên quan đến tội (vi phạm) không phải là tội vi phạm.
Có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tội không?
- Có, có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tội.
Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bao nhiêu tội?
- Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội: Vị tỳ khưu ni dầu biết vị vi phạm tội *pārājika* vẫn che giấu bị phạm tội *pārājika*, có sự hoài nghi rồi che giấu phạm tội *thullaccaya*, vị tỳ khưu che giấu tội *saṅghādisesa* (của vị khác) phạm tội *pācittiya*, che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkaṭa*. Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội này.

Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được quy tụ vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được giải quyết bằng bao nhiêu sự tranh tụng? ở bao nhiêu nơi? với bao nhiêu cách dàn xếp?
- Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được quy tụ vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được giải quyết bằng sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không với cách dàn xếp nào; các tội nào là nhẹ, các tội ấy được giải quyết bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

[1053] Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tội vi phạm hay không phải là tội vi phạm?
- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không phải là tội vi phạm.
Có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không?
- Có, có thể vi phạm tội vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.
Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm bao nhiêu tội?
- Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội: Vị tỳ khưu ni xu hướng theo vị bị phạt án treo vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba: do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*, do hai lời thông báo của hành sự phạm các tội *thullaccaya*, khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *pārājika*; các vị tỳ khưu ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng) vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *saṅghādisesa*; các vị vẫn không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến

lần thứ ba phạm tội *pācittiya*. Vì nguyên do là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội này.

Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được quy tụ vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được giải quyết bằng bao nhiêu sự tranh tụng? ở bao nhiêu nơi? với bao nhiêu cách dàn xếp?

- Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được quy tụ vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được giải quyết với sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không bằng cách dàn xếp nào; tội nào là nặng, tội ấy được giải quyết bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận; các tội nào là nhẹ, các tội ấy được giải quyết bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

[1054] Có phải sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? là sự tranh tụng liên quan đến tội? là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không phải là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không phải là sự tranh tụng liên quan đến tội, không phải là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Tuy nhiên, do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có sự tranh tụng liên quan đến tội, có sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Như thế là thế nào?

- Trong trường hợp này, các tỳ khưu tranh cãi rằng: "*Đây là Pháp*," hoặc là "*Đây không phải là Pháp,*" ...(như trên)... hoặc là "*Tội xấu xa*," hoặc là "*Tội không xấu xa.*" Ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây gỗ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói thường của sự nóng nảy, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội.

Do tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có sự tranh tụng liên quan đến tội, có sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là như thế.

[1055] Có phải sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến tội? là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không phải là sự tranh tụng liên quan đến tội, không phải là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không phải là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Tuy nhiên, do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có sự tranh tụng liên quan đến tội, có sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Như thế là thế nào?

- Trong trường hợp này, các tỳ khưu khiển trách vị tỳ khưu với sự hư hỏng vì giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Do tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có sự tranh tụng liên quan đến tội, có sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là như thế.

[1056] Có phải sự tranh tụng liên quan đến tội là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

- Sự tranh tụng liên quan đến tội không phải là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không phải là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không phải là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Tuy nhiên, do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội, có sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Như thế là thế nào?

- Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong sự tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Do tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh

tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, có sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là như thế.

[1057] Có phải sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? là sự tranh tụng liên quan đến tội?

- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không phải là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không phải là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không phải là sự tranh tụng liên quan đến tội. Tuy nhiên, do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có sự tranh tụng liên quan đến tội.

Như thế là thế nào?

- Việc gì cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, là hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Do tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có sự tranh tụng liên quan đến tội là như thế.

[1058] Nơi nào có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, có phải nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện? Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, có phải nơi ấy có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? Nơi nào có hành xử Luật khi không điên cuồng, có phải nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện? Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, có phải nơi ấy có hành xử Luật khi không điên cuồng? Nơi ấy có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có phải nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện? Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, có phải nơi ấy có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? Nơi nào có thuận theo số đông, có phải nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, có phải nơi ấy có thuận theo số đông? Nơi nào có theo tội của vị ấy, có phải nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện? Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, có phải nơi ấy có theo tội của vị ấy? Nơi nào có cách dùng cỏ che lấp, có phải nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện? Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, có phải nơi ấy có cách dùng cỏ che lấp?

[1059] - Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Nơi nào có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) nơi ấy có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, (thì) nơi ấy không có

hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có thuận theo số đông, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông ...(như trên)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy ...(như trên)... bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Nơi nào có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) nơi ấy có cách dùng cỏ che lấp, (thì) nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có thuận theo số đông, nơi ấy không có theo tội của vị ấy.

[1060] "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,*" các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật khi không điên cuồng*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*việc phán xử theo tội đã được thừa nhận*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*thuận theo số đông*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*theo tội của vị ấy*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*cách dùng cỏ che lấp,*" các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này?

- "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,*" các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này. "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật khi không điên cuồng*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*việc phán xử theo tội đã được thừa nhận*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*thuận theo số đông*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*theo tội của vị ấy*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*cách dùng cỏ che lấp,*" các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này.

[1061] Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(như trên)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Thuận theo số đông ...(như trên)... Theo tội của vị ấy ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên khởi (nidāna) là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(như trên)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Thuận theo số đông ...(như trên)... Theo tội của vị ấy ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi.

Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(như trên)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Thuận theo số đông ...(như trên)... Theo tội của vị ấy ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Hành xử Luật với sự hiện diện có nhân (hetu) là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(như trên)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Thuận theo số đông ...(như trên)... Theo tội của vị ấy ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(như trên)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Thuận theo số đông ...(như trên)... Theo tội của vị ấy ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên (paccayo) là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(như trên)... Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Thuận theo số đông ...(như trên)... Theo tội của vị ấy ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát

sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

[1062] Bảy cách dàn xếp có bao nhiêu điều căn bản? có bao nhiêu nguồn sanh khởi?

- Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản, có ba mươi sáu nguồn sanh khởi.

Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản gì?

- Hành xử Luật với sự hiện diện có bốn điều căn bản: sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có bốn điều căn bản. Hành xử Luật khi không điên cuồng có bốn điều căn bản. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có hai điều căn bản: vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội). Thuận theo số đông có bốn điều căn bản. Theo tội của vị ấy có bốn điều căn bản. Cách dùng cỏ che lấp có bốn điều căn bản: sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản này.

Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi gì?

- Hành sự với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có sự thực hiện, có sự hành động, có sự đạt đến, có sự thỏa thuận, có sự chấp nhận, có sự không phản đối. Hành sự với hành xử Luật khi không điên cuồng ...(như trên)... Hành sự với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ...(như trên)... Hành sự với thuận theo số đông ...(như trên)... Hành sự với theo tội của vị ấy ...(như trên)... Hành sự với cách dùng cỏ che lấp có sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi này.

[1063] "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,*" các pháp này khác biệt về nội dung (và) khác biệt về hình thức tên gọi, hay là giống nhau về nội dung chỉ khác biệt về hình thức tên gọi? "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật khi không điên cuồng*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*việc phán xử theo tội đã được thừa nhận*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*thuận theo số đông*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*theo tội của vị ấy*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*cách dùng cỏ che lấp,*" các pháp này khác biệt về nội dung (và) khác biệt về hình thức tên gọi, hay là giống nhau về nội dung chỉ khác biệt về hình thức tên gọi?

- "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,*" các pháp này không những khác biệt về nội dung mà còn khác biệt về hình thức tên gọi. "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*hành xử Luật khi không điên cuồng*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*việc phán xử theo tội đã được thừa nhận*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*thuận theo số đông*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*theo tội của vị ấy*" ...(như trên)... "*Hành xử Luật với sự hiện diện*" hay là "*cách dùng cỏ che*

lấp," các pháp này không những khác biệt về nội dung mà còn khác biệt về hình thức tên gọi.

[1064] Có sự tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi (hay không)? Có sự tranh cãi không phải là sự tranh tụng (hay không)? Có sự tranh tụng không phải là sự tranh cãi (hay không)? Có (sự việc nào) vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi (hay không)?

- Có thể có sự tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Có thể có sự tranh cãi không phải là sự tranh tụng. Có thể có sự tranh tụng không phải là sự tranh cãi. Có thể có (sự việc) vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

Ở đây, sự tranh cãi nào là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Trong trường hợp này, các tỳ khưu tranh cãi rằng: "*Đây là Pháp*," hoặc là "*Đây không phải là Pháp,*" …(như trên)… "*Tội xấu xa*," hoặc là "*Tội không xấu xa*." Ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây gỗ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, cãi vã là thói thường của sự nóng nảy; sự tranh cãi ấy là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, sự tranh cãi nào không phải là sự tranh tụng?

- Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; sự tranh cãi ấy không phải là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không phải là sự tranh cãi?

- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; sự tranh tụng ấy không phải là sự tranh cãi.

Ở đây, sự việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

[1065] Có sự khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách (hay không)? Có sự khiển trách không phải là sự tranh tụng (hay không)? Có sự tranh tụng không phải là sự khiển trách (hay không)? Có (sự việc nào) vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách (hay không)?

- Có thể có sự khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Có thể có sự khiển trách không phải là sự tranh tụng. Có thể có sự tranh tụng không phải là sự khiển trách. Có thể có (sự việc) vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

Ở đây, sự khiển trách nào là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

- Trong trường hợp này, các tỳ khưu khiển trách vị tỳ khưu với sự hư hỏng vì giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; sự khiển trách ấy là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, sự khiển trách nào không phải là sự tranh tụng?

- Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; sự khiển trách ấy không phải là sự tranh tụng.
Ở đây, sự tranh tụng nào không phải là sự khiển trách?
- Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; sự tranh tụng ấy không phải là sự khiển trách.
Ở đây, (sự việc nào) vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách?
- Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

[1066] Có sự vi phạm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội (hay không)? Có sự vi phạm tội không phải là sự tranh tụng (hay không)? Có sự tranh tụng không phải là sự vi phạm tội (hay không)? Có (sự việc nào) vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội (hay không)?
- Có thể có sự vi phạm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội. Có thể có sự vi phạm tội không phải là sự tranh tụng. Có thể có sự tranh tụng không phải là sự vi phạm tội. Có thể có (sự việc) vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội.
Ở đây, sự vi phạm tội nào là sự tranh tụng liên quan đến tội?
- Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội, và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; sự vi phạm tội ấy là sự tranh tụng liên quan đến tội.
Ở đây, *āpatti* (sự vi phạm tội) nào không phải là sự tranh tụng?
- Quả vị Nhập Lưu (Sota-āpatti), sự thành đạt (sam-āpatti) (đây là nghệ thuật chơi chữ với từ *āpatti*); *āpatti*này không phải là sự tranh tụng.
Ở đây, sự tranh tụng nào không phải là sự vi phạm tội?
- Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; sự tranh tụng ấy không phải là sự vi phạm tội.
Ở đây, sự việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội?
- Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội.

[1067] Có nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ (hay không)? Có nhiệm vụ không phải là sự tranh tụng (hay không)? Có sự tranh tụng không phải là nhiệm vụ (hay không)? Có (sự việc nào) vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ (hay không)?
- Có thể có nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Có thể có nhiệm vụ không phải là sự tranh tụng. Có thể có sự tranh tụng không phải là nhiệm vụ. Có thể có (sự việc) vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.
Ở đây, nhiệm vụ nào là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?
- Trong trường hợp này, việc nào cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, là hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư của hội chúng; nhiệm vụ ấy là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, nhiệm vụ nào không phải là sự tranh tụng?
- Nhiệm vụ của thầy dạy học, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị có chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị có chung thầy dạy học; nhiệm vụ ấy không phải là sự tranh tụng.
Ở đây, sự tranh tụng nào không phải là nhiệm vụ?
- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; sự tranh tụng ấy không phải là nhiệm vụ.
Ở đây, sự việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ?
– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.
Dứt Phân Tích Sự Tranh Tụng.

Tóm lược phần này:

[1068]

Tranh tụng, sự khơi dậy,
cách thức, và hạng người,
sự mở đầu, nhân, duyên,
điều căn bản, nguồn sanh,
có tội, và nơi nào,
liên kết, và duyên khởi,
nhân, duyên, điều căn bản,
nguồn sanh khởi, hình thức,
tranh cãi, sự tranh tụng,
đây phân tích tranh sự.

---o0o---

X. SƯU TẬP KHÁC về CÁC BÀI KỆ:

[1069]

Kết tội với ý gì?
Hồi tưởng lại (sự việc)
nguyên nhân của điều gì?
Hội chúng (tụ hội lại)
do bởi mục đích gì?
Hoạt động của trí óc
điều gì là nguyên do?
– Kết tội làm nhớ lại
nhớ lại để kềm chế,
hội chúng để quyết định,
hoạt động của trí óc

dành riêng cho cá nhân.
Nếu ngài vị xét xử
chớ có nói nhanh quá,
chớ có nói thô lỗ,
chớ sanh lên giận dữ,
xin đừng nói gấp gáp
lời nói gây cải vã
không liên hệ mục đích,
hợp theo Kinh và Luật,,
đúng theo điều quy định,
theo tuần tự thích hợp.
Hãy chăm chú theo dõi
bổn phận, việc thực hành
được tiến hành khéo léo
trong lúc luôn giác tỉnh.
Khéo nói có liên hệ
đến các điều học giới,
trong khi không hủy hoại
cảnh giới thời vị lai,
người tầm cầu lợi ích
hãy thực hành đúng thời,
có liên quan đích đến.
Chớ vội vã tin theo
lời phát biểu hai đàng
của người bị cáo giác
và của người buộc tội.
Nguyên cáo nói "phạm tội,"
bị cáo nói "không phạm,"
trong khi đang theo đuổi
cả hai đều tiến hành
hợp theo sự hiểu biết.
Sự hiểu biết được hành
ở những người khiêm tốn,
những kẻ vô liêm sỉ
điều ấy không biết đến,
nhiều kẻ vô liêm sỉ
cũng có thể nói rằng:
"Hãy tiến hành việc ấy
phù hợp điều đã nói."

[1070]
Hạng người vô liêm sỉ,
không có sự hiểu biết
đến cho hạng người ấy,
là hạng người thế nào?
Tôi hỏi ngài điều này:
Hạng người vô liêm sỉ
được nói đến thế nào?
– Kẻ cố ý phạm tội
tội vi phạm giấu diếm
kẻ đi đường sai trái,
được nói đến như thế
là hạng vô liêm sỉ

[1071]
Tôi cũng biết sự thật,
hạng người vô liêm sỉ,
như thế được nói đến.
Tôi hỏi ngài điều khác:
Hạng người có liêm sỉ
được nói đến thế nào?
– Không cố ý phạm tội
tội vi phạm không giấu,
kẻ không đi sai đường,
được nói đến như thế
là người có liêm sỉ.

[1072]
Tôi cũng biết sự thật,
hạng người có liêm sỉ
như thế được nói đến.
Tôi hỏi ngài điều khác:
Hạng cáo tội sai pháp
được nói đến thế nào?
– Vị cáo tội sái thời,
không phải là sự thật,
với (lời nói) thô lỗ,
không liên hệ mục đích,
kẻ nội tâm sân hận
cáo tội thiếu từ tâm,

hạng cáo tội sai pháp
được nói đến như thế.

[1073]
Tôi cũng biết sự thật,
hạng cáo tội sai pháp
như thế được nói đến.
Tôi hỏi ngài điều khác:
Hạng cáo tội đúng pháp
được nói đến thế nào?
– Vị cáo tội đúng thời,
với việc là sự thật,
với (lời nói) mềm mỏng,
có liên hệ mục đích,
nội tâm không sân hận
cáo tội với từ tâm,
hạng cáo tội đúng pháp
được nói đến như thế.

[1074]
Tôi cũng biết sự thật,
hạng cáo tội đúng pháp
như thế được nói đến.
Tôi hỏi ngài điều khác:
Hạng cáo tội ngu dốt
được nói đến thế nào?
– Vị không biết trước sau,
không rành rẽ sau trước,
không biết cách phát biểu,
không rành lối phát ngôn,,
hạng cáo tội ngu dốt
được nói đến như thế.

[1075]
Tôi cũng biết sự thật,
hạng cáo tội ngu dốt
như thế được nói đến.
Tôi hỏi ngài điều khác:
Hạng cáo tội thông thái
được nói đến thế nào?

– Vị biết việc trước sau,
rành rẽ việc sau trước,
hiểu biết cách phát biểu,
rành rẽ lối phát ngôn,
hạng cáo tội thông thái
được nói đến như thế.

[1076]
Tôi cũng biết sự thật,
hạng cáo tội thông thái
như thế được nói đến.
Tôi hỏi ngài điều khác:
Việc cáo tội vi phạm
điều gì được nói đến?
– Vị cáo tội vi phạm
do hư hỏng về giới,
về hạnh kiểm, tri kiến,
vị cáo tội vi phạm
về cả việc nuôi mạng,
việc cáo tội vi phạm
được nói đến như thế.
Dứt Sưu Tập Khác về Các Bài Kệ.

---o0o---

XI. CHƯƠNG CÁO TỘI

[1077] Vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: "*Này đại đức, việc mà đại đức cáo tội vị tỳ khưu này, đại đức cáo tội vị này về điều gì? Có phải đại đức cáo tội với sự hư hỏng về giới? Có phải đại đức cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm? Có phải đại đức cáo tội với sự hư hỏng về tri kiến?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng về giới. Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm. Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng về tri kiến.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Vậy đại đức có biết sự hư hỏng về giới không? Có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không? Có biết sự hư hỏng về tri kiến không?*"
Nếu vị ấy nói như vầy: "*Này đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới. Tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tôi biết sự hư hỏng về tri kiến.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới? Điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm? Điều gì là sự hư hỏng về tri kiến?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Bốn tội pārājika, mười ba tội saṅghādisesa, đó là sự hư hỏng về giới. Tội thullaccaya, tội pācittiya, tội pāṭidesanīya, tội dukkaṭa, tội dubbhāsita, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, tri kiến cực đoan, đó là sự hư hỏng về tri kiến.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức cáo tội vị tỳ khưu này, có phải đại đức cáo tội do đã được thấy,? Có phải đại đức cáo tội do đã được nghe? Có phải đại đức cáo tội do sự nghi ngờ?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Hoặc là tôi cáo tội do đã được thấy. Hoặc là tôi cáo tội do đã được nghe. Hoặc là tôi cáo tội do sự nghi ngờ.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức cáo tội vị tỳ khưu này do đã được thấy, đại đức đã thấy gì? Đại đức đã thấy thế nào? Đại đức đã thấy khi nào? Đại đức đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội pārājika? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội saṅghādisesa? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội thullaccaya? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội pācittiya? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội pāṭidesanīya? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội dukkaṭa? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội dubbhāsita? Và đại đức đã ở đâu? Và vị tỳ khưu này đã ở đâu? Và đại đức đã làm gì? Và vị tỳ khưu này đã làm gì?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Này đại đức, tôi không cáo tội vị tỳ khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi cáo tội do đã được nghe.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức cáo tội vị tỳ khưu này do đã được nghe, đại đức đã nghe gì? Đại đức đã nghe thế nào? Đại đức đã nghe khi nào? Đại đức đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội pārājika'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội saṅghādisesa'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội thullaccaya'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội pācittiya'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội pāṭidesanīya'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội dukkaṭa'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội dubbhāsita'? Có phải đã nghe từ vị tỳ khưu? Có phải đã nghe từ vị tỳ khưu ni? Có phải đã nghe từ cô ni tu tập sự? Có phải đã nghe từ vị sa di? Có phải đã nghe từ vị sa di ni? Có phải đã nghe từ nam cư sĩ? Có phải đã nghe từ nữ cư sĩ? Có phải đã nghe từ các đức vua? Có phải đã nghe từ các quan đại thần của đức vua? Có phải đã nghe từ các ngoại đạo? Có phải đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Này đại đức, tôi không cáo tội vị tỳ khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi cáo tội do sự nghi ngờ.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức cáo tội vị tỳ khưu này do sự nghi ngờ, đại đức nghi ngờ gì? Đại đức nghi ngờ như thế nào? Đại đức nghi ngờ khi nào? Đại đức nghi ngờ ở đâu? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội pārājika'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội saṅghādisesa'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội*

thullaccaya'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội pācittiya'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội pāṭidesanīya'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội dukkaṭa'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội dubbhāsita'? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khưu? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khưu ni? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ cô ni tu tập sự? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di ni? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?"

[1078]
Điều được thấy tương tợ
với điều đã được thấy,
điều được thấy phù hợp
với điều đã được thấy,
do điều đã được thấy
bị nghi không thanh tịnh
dẫu rằng không vi phạm;
người ấy do thú nhận
lễ Uposatha
nên hành với vị ấy.
Điều được nghe tương tợ
với điều đã được nghe,
điều được nghe phù hợp
với điều đã được nghe,
do điều đã được nghe
bị nghi không thanh tịnh
dẫu rằng không vi phạm;
người ấy do thú nhận
lễ Uposatha
nên hành với vị ấy.
Điều cảm nhận tương tợ
với điều được cảm nhận,
điều cảm nhận phù hợp
với điều được cảm nhận,
do điều được cảm nhận
bị nghi không thanh tịnh

dẫu rằng không vi phạm;
người ấy do thú nhận
lễ Uposatha
nên hành với vị ấy.

[1079] Việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc của sự cáo tội?
- Hành động thỉnh ý là đầu tiên, sự tiến hành là ở giữa, sự dàn xếp là kết cuộc của sự cáo tội.
Có bao nhiêu căn nguyên, có bao nhiêu sự việc, có bao nhiêu nền tảng của sự cáo tội? Vị cáo tội với bao nhiêu hình thức?
- Có hai căn nguyên, có ba sự việc, có năm nền tảng của sự cáo tội. Vị cáo tội với hai hình thức.
Hai căn nguyên của sự cáo tội là gì?
- Có nguyên cớ hoặc không có nguyên cớ. Đây là hai căn nguyên của sự cáo tội.
Ba sự việc của sự cáo tội là gì?
- Do đã được thấy, do đã được nghe, do sự nghi ngờ. Đây là ba sự việc của sự cáo tội.
Năm nền tảng của sự cáo tội là gì?
- "*Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận*." Đây là năm nền tảng của sự cáo tội.
Vị cáo tội với hai hình thức gì?
- Vị cáo tội bằng thân hoặc là cáo tội bằng khẩu. Vị cáo tội với hai hình thức này.

[1080] Vị cáo tội nên thực hành thế nào? Vị bị cáo tội nên thực hành thế nào? Hội chúng nên thực hành thế nào? Vị xét xử nên thực hành thế nào?
Vị cáo tội nên thực hành thế nào?
- Vị cáo tội nên cáo tội vị khác sau khi đã an trú trong năm pháp: "*Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận*." Vị cáo tội nên thực hành như thế.
Vị bị cáo tội nên thực hành thế nào?
- Vị bị cáo tội nên an trú trong hai pháp: trong sự chân thật và trong sự không nổi giận. Vị bị cáo tội nên thực hành như thế.
Hội chúng nên thực hành thế nào?
- Hội chúng nên biết điều gì đã được nói ra và chưa được nói ra. Hội chúng nên thực hành như thế.

Vị xét xử nên thực hành thế nào?
- Sự tranh tụng ấy được giải quyết với Pháp nào, với Luật nào, với lời dạy nào của bậc Đạo Sư, vị xét xử nên giải quyết sự tranh tụng ấy theo như thế. Vị xét xử nên thực hành như thế.

[1081]
Lễ Uposatha
do bởi mục đích gì?
Lễ Pavāraṇā
có nguyên nhân là gì?
Phạt parivāsa
do bởi mục đích gì?
Việc trở lại từ đầu
có nguyên nhân là gì?
Hành phạt mānatta
do bởi mục đích gì?
Việc giải tội (phục hồi)
có nguyên nhân là gì?
– Lễ Uposatha
nhằm mục đích hợp nhất.
Lễ Pavāraṇā
nhằm mục đích thanh tịnh.
Phạt parivāsa
để hành mānatta.
Việc trở lại từ đầu
nhằm mục đích kềm chế.
Hành phạt mānatta
nhằm mục đích giải tội.
Việc giải tội (phục hồi)
nhằm mục đích thanh tịnh.
Vì ưa thích, sân hận,
vì sợ hãi, si mê,
sỉ nhục các trưởng lão
khi tan rã xác thân,
trở thành kẻ trí tồi,
tự mình chôn lấy mình,
các giác quan hư hoại,
không tôn kính học tập
kẻ khờ đi địa ngục.
Không nương tựa tài vật

và chẳng nương nhờ người,
sau khi đã buông bỏ
luôn cả hai điều này
Pháp bảo như thế nào
thực hành như thế ấy.
Vị sỉ nhục giận dữ,
thù hằn, và ác độc,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Nói thì thầm bên tai,
tầm cầu điều hư hỏng,
bỏ lơ điều xét đoán,
hành theo đường sai trái,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Vị cáo tội sái thời,
không phải là sự thật,
với (lời nói) thô lỗ,
không liên hệ mục đích,
với nội tâm sân hận
cáo tội không tâm từ,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Đúng Pháp, và sai Pháp,
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
đúng Pháp, và sai Pháp,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Đúng Luật, và sai Luật,
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ

đúng Luật, và sai Luật,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Điều đã nói, chưa nói
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
điều đã hoặc chưa nói,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Tập quán, không tập quán
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
tập quán, không tập quán,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Quy định, chưa quy định
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
quy định, chưa quy định,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Phạm tội, không phạm tội
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
phạm tội, không phạm tội,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Tội nhẹ, hay tội nặng
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ

tội nhẹ, hay tội nặng,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Dư sót, không dư sót
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
dư sót, không dư sót,,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Xấu xa, không xấu xa
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
xấu xa, không xấu xa,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Việc trước, hoặc việc sau
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
việc trước, hoặc việc sau,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Cách phát biểu mạch lạc,
vị ấy không biết đến
và cũng không rành rẽ
cách phát biểu mạch lạc,
vu cáo rằng: "Có tội"
với vị không phạm tội,
kẻ cáo tội như thế
tự thiêu đốt chính mình.
Dứt Chương Cáo Tội.

Tóm lược chương này:

[1082]
Cáo tội và xét xử,
việc đầu tiên, căn nguyên,
lễ Uposatha,
cảnh giới ngày vị lai,
lời dạy được duy trì
ở trong Chương Cáo Tội.

---o0o---

XII. XUNG ĐỘT (PHẦN PHỤ)

[1083] Trong khi đang đi đến hội chúng, vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các tỳ khưu trưởng lão, không buộc các tỳ khưu mới tu phải nhường chỗ ngồi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí, hoặc là nên tự mình nói Pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác (nói Pháp), hoặc là nên tôn trọng trạng thái im lặng thánh thiện.

Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vị có ý định xét xử không nên hỏi về thầy tế độ, không nên hỏi về thầy dạy học, không nên hỏi về người đệ tử, không nên hỏi về người học trò, không nên hỏi về vị đồng thầy tế độ, không nên hỏi về vị đồng thầy dạy học, không nên hỏi về sự xuất thân, không nên hỏi về tên, không nên hỏi về dòng họ, không nên hỏi về sự truyền thừa, không nên hỏi về trú quán của gia đình, không nên hỏi về nơi sanh ra. Vì lý do gì? - Trường hợp ấy có thể có sự thương hoặc là sự ghét. Khi có sự thương hoặc khi có sự ghét, có thể bị chi phối bởi sự ưa thích, có thể bị chi phối bởi sự sân hận, có thể bị chi phối bởi sự si mê, có thể bị chi phối bởi sự sợ hãi.

Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vị có ý định xét xử nên xem trọng hội chúng không nên xem trọng cá nhân, nên xem trọng Chánh Pháp không nên xem trọng tài vật, nên liên hệ đến mục đích, không nên thỏa hiệp với đám đông, nên xét xử đúng thời không phải sái thời, nên xét xử với sự thật không phải với sự không thật, nên xét xử với sự mềm mỏng không phải với sự thô lỗ, nên xét xử có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ mục đích, nên xét xử với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận, không nên có sự nói thì thầm vào tai, không nên nhìn đảo quanh, mắt không nên nhìn soi mói, không nên nhướng mày, không nên ngửa đầu lên, không nên làm cử động bàn tay, không nên làm hiệu bằng bàn tay, nên khéo léo về chỗ ngồi, nên khéo léo khi ngồi xuống. Vị đang theo đuổi mục đích nên ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình, mắt nhìn (phía trước) khoảng cách của cây cày, và không nên từ chỗ ngồi đứng dậy, không nên bỏ qua sự xét đoán, không

nên theo đuổi đường lối sai trái, không nên nói bỏ dở câu, không nên vội vã, không nên hấp tấp, không nên hành xử ác độc, nên có tâm từ và có sự trầm tĩnh trong lời nói, nên có tâm bi với lòng thương tưởng đến lợi ích, nên chăm chú đến lợi ích không lao theo điều phù phiếm, nên nói có giới hạn, không trú vào oan trái, không sanh lòng oán giận.

Nên suy xét về bản thân, nên suy xét về người khác, nên suy xét về vị cáo tội, nên suy xét về vị bị cáo tội, nên suy xét về vị cáo tội sai pháp, nên suy xét về vị bị cáo tội sai pháp, nên suy xét về vị cáo tội đúng pháp, nên suy xét về vị bị cáo tội đúng pháp. Không bỏ qua điều đã được nói, không gợi lên điều không được nói, nên khéo léo ghi nhận những chữ và câu được nói ra, nên hỏi lại vị kia, và nên hành xử theo điều đã được biết. Vị uể oải nên được khích lệ, vị sợ hãi nên được trấn tĩnh, vị dữ tợn nên được răn đe, vị không trong sạch nên được làm minh bạch, vị thẳng thắn và mềm mỏng không nên bị chi phối bởi sự ưa thích, không nên bị chi phối bởi sự sân hận, không nên bị chi phối bởi sự si mê, không nên bị chi phối bởi sự sợ hãi, nên duy trì sự công chính đối với các pháp và các hạng người. Và như vậy, vị xét xử trong khi xét xử vừa là vị thầy vừa là vị thực hành giáo pháp, là người được thương yêu, được quý mến, được kính trọng, và có uy tín đối với các vị đồng Phạm hạnh có sự hiểu biết.

[1084] Điều học nhằm mục đích là sự khẳng định, ví dụ nhằm mục đích là sự minh họa, ý nghĩa nhằm mục đích là sự giảng giải, câu hỏi nhằm mục đích là sự xác định, việc thỉnh ý nhằm mục đích là sự buộc tội, sự buộc tội nhằm mục đích là làm cho nhớ lại, sự làm cho nhớ lại nhằm mục đích là sự bảo ban, sự bảo ban nhằm mục đích là sự ngăn cản, sự ngăn cản nhằm mục đích là sự khẳng định, sự khẳng định nhằm mục đích là sự điều tra, sự điều tra nhằm mục đích là sự đạt đến việc có bằng cớ hay không có bằng cớ, việc có bằng cớ hay không có bằng cớ nhằm mục đích là việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm mục đích là sự ủng hộ các tỳ khưu hiền thiện. Hội chúng nhằm mục đích là sự đồng ý và tán thành, những vị được hội chúng thừa nhận là (những vị) có sự kiên trì, không có sự dối trá. Luật nhằm mục đích là sự thu thúc, sự thu thúc nhằm mục đích là sự không vi phạm, không vi phạm nhằm mục đích là sự khoan khoái, sự khoan khoái nhằm mục đích là hỷ, hỷ nhằm mục đích là tịnh, tịnh nhằm mục đích là lạc, lạc nhằm mục đích là định, định nhằm mục đích là sự thấy biết đúng theo bản thể, sự thấy biết đúng theo bản thể nhằm mục đích là sự nhờm gớm, sự nhờm gớm nhằm mục đích là sự ly tham, sự ly tham nhằm mục đích là sự giải thoát, sự giải thoát nhằm mục đích là sự thấy biết của giải thoát, sự thấy biết của giải thoát nhằm mục đích là Niết Bàn không còn chấp thủ. Lời giảng (về Luật) là mục đích của việc này, bàn bạc (về Luật) là mục đích của việc này, sự diễn tiến theo điều kiện là mục đích của việc này, sự lắng tai nghe là mục đích của việc này, tức là sự giải thoát của tâm do không còn chấp thủ.

[1085]

Hãy suy xét tận tường
trách nhiệm và phận sự
được khéo léo thực hành
bởi bậc đã giác ngộ
đã nói lên rõ ràng
đúng theo các điều học;
chớ có làm hủy hoại
cảnh giới ngày vị lai.
Vị không hiểu vấn đề
không biết về sự việc,
điều hư hỏng, tội phạm,
duyên khởi, sự biểu hiện
việc trước rồi việc sau,
và cũng thế về việc
đã làm hoặc chưa làm,
và cũng không hiểu rõ
hành sự, và tranh tụng,
luôn cả việc dàn xếp,
bị ái nhiễm, xấu xa,
ngu dốt, bị chi phối
do sợ hãi si mê,
không rành điều quy định,
chẳng biết việc dập tắt,
bè phái, không hổ thẹn,
có việc làm đen tối
có sự không tôn trọng,
tỳ khưu như thế ấy
gọi là không đáng trọng.
Vị thông hiểu vấn đề
biết rõ về sự việc,
điều hư hỏng, tội phạm,
duyên khởi, sự biểu hiện
việc trước rồi việc sau,
và cũng thế, về việc
đã làm hoặc chưa làm,
còn là vị hiểu rõ
hành sự, và tranh tụng,
luôn cả việc dàn xếp,
vô nhiễm, chẳng xấu xa,

vô si, không thiên vị
vì sợ hãi si mê,
biết rõ điều quy định,
rành rẽ việc dập tắt,
lập nhóm, biết hổ thẹn,
có việc làm trong sáng,
cùng với sự tôn kính,
tỳ khưu như thế ấy
gọi là đáng kính trọng.
Dứt Chương Xung Đột Nhỏ.

Tóm lược chương này:

[1086]
Kính trọng đến hội chúng
chẳng phải với cá nhân,
tâm nhún nhường nên hỏi.
Điều học nhằm khẳng định,
và để nâng đỡ Luật,
trong chương Xung Đột Nhỏ,
tóm lược được thực hiện
thành phần đọc tụng này.

---o0o---

XIII. XUNG ĐỘT (PHẦN CHÍNH)

[1087] Vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột trong khi phát biểu nơi hội chúng nên biết về sự việc, nên biết về sự hư hỏng, nên biết về tội vi phạm, nên biết về duyên khởi, nên biết về sự biểu hiện, nên biết điều trước và điều sau, nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện, nên biết về hành sự, nên biết về sự tranh tụng, nên biết về sự dàn xếp, không nên bị chi phối bởi sự ưa thích, không nên bị chi phối bởi sự sân hận, không nên bị chi phối bởi sự si mê, không nên bị chi phối bởi sự sợ hãi, nên làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ, nên dập tắt điều cần được dập tắt, nên xem xét điều cần được xem xét, nên tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng, (nghĩ rằng): "*Ta đã đạt được đồ chúng*" không nên đánh giá thấp đồ chúng khác, (nghĩ rằng): "*Ta là người nghe nhiều*" không nên đánh giá thấp vị nghe ít, (nghĩ rằng): "*Ta là vị thâm niên hơn*" không nên đánh giá thấp vị mới tu sau, không nên nói về điều chưa được thành tựu, không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật, sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp

nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo Sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

[1088] Nên biết về sự việc: là nên biết về sự việc của tám điều *pārājika*, nên biết về sự việc của hai mươi ba điều *saṅghādisesa*, nên biết về sự việc của hai điều *aniyata*, nên biết về sự việc của bốn mươi hai điều *nissaggiya*, nên biết về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, nên biết về sự việc của mười hai điều *pāṭidesanīya*, nên biết về sự việc của các điều *dukkaṭa*, nên biết về sự việc của các điều *dubbhāsita*.

[1089] Nên biết về sự hư hỏng: là nên biết về sự hư hỏng về giới, nên biết về sự hư hỏng về hạnh kiểm, nên biết về sự hư hỏng về tri kiến, nên biết về sự hư hỏng về nuôi mạng.

[1090] Nên biết về tội vi phạm: là nên biết về tội *pārājika*, nên biết về tội *saṅghādisesa*, nên biết về tội *aniyata*, nên biết về tội *nissaggiya*, nên biết về tội *pācittiya*, nên biết về tội *pāṭidesanīya*, nên biết về tội *dukkaṭa*, nên biết về tội *dubbhāsita*.

[1091] Nên biết về duyên khởi: là nên biết về duyên khởi của tám điều *pārājika*, nên biết về duyên khởi của hai mươi ba điều *saṅghādisesa*, nên biết về duyên khởi của hai điều *aniyata*, nên biết về duyên khởi của bốn mươi hai điều *nissaggiya*, nên biết về duyên khởi của một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, nên biết về duyên khởi của mười hai điều *pāṭidesanīya*, nên biết về duyên khởi của các điều *dukkaṭa*, nên biết về duyên khởi của các điều *dubbhāsita*.

[1092] Nên biết về sự biểu hiện: là nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện, nên biết về nhóm từ sự biểu hiện, nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện, nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện, nên biết về vị bị cáo tội từ sự biểu hiện.

Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): "*Hội chúng này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư hay là không có (khả năng)*?" Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): "*Nhóm này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư hay là không có (khả năng)*?" Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): "*Cá nhân này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư hay là không có (khả năng)*?" Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): "*Phải chăng đại đức này kết tội vị khác sau khi đã an trú vào năm pháp hay là chưa (an trú)*?" Nên biết về người bị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về người bị cáo tội từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): "*Phải chăng đại đức này đã được an trú trong hai pháp: trong sự chân thật và trong sự không nổi*

giận hay là chưa được (an trú)?" Nên biết về người bị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế.

[1093] Nên biết điều trước và điều sau: là (nghĩ rằng): "*Phải chăng đại đức này tráo trở từ sự việc (này) sang sự việc (khác), hay là tráo trở từ sự hư hỏng (này) sang sự hư hỏng (khác), hay là tráo trở từ tội (này) sang tội (khác), hay là sau khi phủ nhận rồi thừa nhận, hay là sau khi thừa nhận rồi phủ nhận, hay là tránh né điều này bằng điều khác, hay là không có*?" Nên biết điều trước và điều sau là như thế.

[1094] Nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện: là nên biết về việc đôi lứa, nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa, nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa.

Nên biết về việc đôi lứa: là nên biết về sự kết hợp chung lại của hai người.

Nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa: là vị tỳ khưu dùng miệng của mình ngậm lấy dương vật của vị khác.

Nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa: là màu và không màu (của tinh dịch), sự xúc chạm cơ thể, sự nói lời dâm dật, sự hầu hạ tình dục cho bản thân, việc mai mối.

[1095] Nên biết về hành sự: là nên biết về mười sáu hành sự, nên biết về bốn hành sự công bố, nên biết về bốn hành sự với lời đề nghị, nên biết về bốn hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, nên biết về bốn hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư.

[1096] Nên biết về sự tranh tụng: là nên biết về bốn sự tranh tụng, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tội, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[1097] Nên biết về sự dàn xếp: là nên biết về bảy cách dàn xếp, nên biết về hành xử Luật với sự hiện diện, nên biết về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên biết về hành xử Luật khi không điên cuồng, nên biết về việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nên biết về thuận theo số đông, nên biết về theo tội của vị ấy, nên biết về cách dùng cỏ che lấp.

[1098] Không nên bị chi phối bởi sự ưa thích: Trong khi bị chi phối bởi sự ưa thích, vị bị chi phối bởi sự ưa thích như thế nào?

– Trong trường hợp ấy, có vị (nghĩ rằng): "*Đối với ta đây, (vị này) là thầy tế độ, hoặc là thầy dạy học, hoặc là người đệ tử, hoặc là người học trò, hoặc là vị đồng thầy tế độ, hoặc là vị đồng thầy dạy học, hoặc là vị đồng quan điểm, hoặc là vị thân thiết, hoặc là thân quyến đồng huyết thống*" rồi do lòng thương tưởng người ấy, do sự bảo vệ người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: "*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*," tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như

Lai là: "*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*," tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: "*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*," tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: "*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*," tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: "*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*," tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: "*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*," tuyên bố vô tội là: "*Phạm tội*," tuyên bố phạm tội là: "*Vô tội*," tuyên bố tội nhẹ là: "*Tội nặng*," tuyên bố tội nặng là: "*Tội nhẹ*," tuyên bố tội còn dư sót là: "*Tội không còn dư sót*," tuyên bố tội không còn dư sót là: "*Tội còn dư sót*," tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội không xấu xa*," tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội xấu xa*." Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự ưa thích vị (ấy) đã thực hành không vì sự lợi ích của nhiều người, không vì sự an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự ưa thích, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, đáng bị chê trách bởi những người có sự hiểu biết, và gây nên nhiều điều phi công đức. Trong khi bị chi phối bởi sự ưa thích, vị bị chi phối bởi sự ưa thích là như thế.

[1099] Không nên bị chi phối bởi sự sân hận: Trong khi bị chi phối bởi sự sân hận, vị bị chi phối bởi sự sân hận như thế nào?

– Trong trường hợp ấy, có vị (nghĩ rằng): "*Hắn đã gây cho ta điều không lợi ích*" rồi kết oan trái, "*Hắn đang gây cho ta điều không lợi ích*" rồi kết oan trái, "*Hắn sẽ gây cho ta điều không lợi ích*" rồi kết oan trái. (Nghĩ rằng): "*Hắn đã gây điều không lợi ích, đang gây điều không lợi ích, sẽ gây điều không lợi ích cho người được ta thương yêu quý mến*" rồi kết oan trái. (Nghĩ rằng): "*Hắn đã gây điều lợi ích, đang gây điều lợi ích, sẽ gây điều lợi ích cho người không được ta thương yêu quý mến*" rồi kết oan trái; do chín sự việc oan trái này, vị (ấy) trở nên thù hằn, ác cảm, giận dữ, bị chế ngự bởi sự giận dữ rồi tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," ...(như trên)... tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội không xấu xa*," tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội xấu xa*." Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự sân hận vị (ấy) đã thực hành không vì sự lợi ích của nhiều người, không vì sự an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự sân hận, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, đáng bị chê trách bởi những người có sự hiểu biết, và gây nên nhiều điều phi công đức. Trong khi bị chi phối bởi sự sân hận, vị bị chi phối bởi sự sân hận là như thế.

[1100] Không nên bị chi phối bởi sự si mê: Trong khi bị chi phối bởi sự si mê, vị bị chi phối bởi sự si mê như thế nào?

– Bị ái nhiễm, vị (ấy) chịu sự sai khiến của ái dục; bị sân hận vị (ấy) chịu sự sai khiến của sân hận; bị si mê, vị (ấy) chịu sự sai khiến của si mê; bị ô nhiễm, vị (ấy)

chịu sự sai khiến của tà kiến, bị si mê, bị mê mờ hoàn toàn, bị chế ngự bởi sự si mê rồi tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," ...(như trên)... tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội không xấu xa*," tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội xấu xa*." Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự si mê vị (ấy) đã thực hành không vì sự lợi ích của nhiều người, không vì sự an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự si mê, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, đáng bị chê trách bởi những người có sự hiểu biết, và gây nên nhiều điều phi công đức. Trong khi bị chi phối bởi sự si mê, vị bị chi phối bởi sự si mê là như thế.

[1001] Không nên bị chi phối bởi sự sợ hãi: Trong khi bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị bị chi phối bởi sự sợ hãi như thế nào?
– Trong trường hợp ấy, có vị (nghĩ rằng): "*Người này hoặc là cậy vào sự bất công, hoặc là cậy vào sự rối ren, hoặc là cậy vào sức mạnh, tàn bạo, thô lỗ sẽ gây nguy hiểm cho mạng sống hoặc là gây nguy hiểm cho Phạm hạnh,*" do sự sợ hãi của điều ấy vị (ấy) bị hoảng hốt rồi tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," ...(như trên)... tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội không xấu xa*," tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội xấu xa*." Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự sợ hãi vị (ấy) đã thực hành không vì sự lợi ích của nhiều người, không vì sự an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, đáng bị chê trách bởi những người có sự hiểu biết, và gây nên nhiều điều phi công đức. Trong khi bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị bị chi phối bởi sự sợ hãi là như thế.

[1102]
Vì ưa thích, sân hận,
vì sợ hãi, si mê,
ai đối nghịch Chánh Pháp,
danh tiếng của vị ấy
bị hủy hoại như trăng
nửa tháng sau khuyết dần.

[1103] Thế nào là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích?
– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố phi Luật là: "*Phi Luật*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là: "*Luật*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: "*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*" vị (ấy) không bị chi

phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: "*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: "*Điều không được thực hành bởi đức Như Lai*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: "*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: "*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: "*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là: "*Vô tội*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố phạm tội là: "*Phạm tội*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là: "*Tội nhẹ*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là: "*Tội nặng*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là: "*Tội còn dư sót*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là: "*Tội không còn dư sót*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự ưa thích. Vị không bị chi phối bởi sự ưa thích là như thế.

[1104] Thế nào là vị không bị chi phối bởi sự sân hận?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sân hận; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sân hận; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sân hận; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sân hận. Vị không bị chi phối bởi sự sân hận là như thế.

[1105] Thế nào là vị không bị chi phối bởi sự si mê?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự si mê; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự si mê; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự si mê; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự si mê. Vị không bị chi phối bởi sự si mê là như thế.

[1106] Thế nào là vị không bị chi phối bởi sự sợ hãi?

– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sợ hãi; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sợ hãi; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) không bị chi phối bởi sự sợ hãi. Vị không bị chi phối bởi sự sợ hãi là như thế.

[1107]

Vì ưa thích, sân hận,
vì sợ hãi, si mê,
vị không nghịch Chánh Pháp,
danh tiếng của vị ấy
được bồi đắp như trăng
nửa tháng trước tròn dần.

[1108] Thế nào là vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ?
– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ. Vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ là như thế.

[1109] Thế nào là vị dập tắt điều cần được dập tắt?
– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt. Vị dập tắt điều cần được dập tắt là như thế.

[1110] Thế nào là vị xem xét điều cần được xem xét?
– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) xem xét điều cần được xem xét; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) xem xét điều cần được xem xét; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) xem xét điều cần được xem xét; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) xem xét điều cần được xem xét. Vị xem xét điều cần được xem xét là như thế.

[1111] Thế nào là vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng?
– Trong khi tuyên bố phi Pháp là "*Phi Pháp*" vị (ấy) tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; trong khi tuyên bố Pháp là: "*Pháp*" vị (ấy) tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; ...(như trên)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội xấu xa*" vị (ấy) tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: "*Tội không xấu xa*" vị (ấy) tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng. Vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng là như thế.

[1112] Thế nào là vị (nghĩ rằng): "*Ta đã đạt được đồ chúng*" rồi đánh giá thấp đồ chúng khác?
– Trong trường hợp này, có vị đã đạt được đồ chúng, đã đạt được tùy tùng, là vị có đồ chúng, là vị có người thân cận (nghĩ rằng): "*Người này không đạt được đồ chúng, không đạt được tùy tùng, không phải là vị có đồ chúng, không phải là vị có người thân cận*" trong khi đánh giá thấp người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," ...(như trên)... tuyên bố tội xấu xa là: "*Tội không*

xấu xa,” tuyên bố tội không xấu xa là: “*Tội xấu xa*.” Vị (nghĩ rằng): “*Ta đã đạt được đồ chúng*” rồi đánh giá thấp đồ chúng khác là như thế.

[1113] Thế nào là vị (nghĩ rằng): “*Ta là người nghe nhiều*” rồi đánh giá thấp vị nghe ít?

– Trong trường hợp này, có vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe (nghĩ rằng): “*Người này nghe ít, kế thừa ít, ghi nhớ ít*” trong khi đánh giá thấp người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là “*Pháp*,” tuyên bố Pháp là: “*Phi Pháp*,” ...(như trên)... tuyên bố tội xấu xa là: “*Tội không xấu xa*,” tuyên bố tội không xấu xa là: “*Tội xấu xa*.” Vị (nghĩ rằng): “*Ta là người nghe nhiều*” rồi đánh giá thấp vị nghe ít là như thế.

[1114] Thế nào là vị (nghĩ rằng): “*Ta là vị thâm niên hơn*” rồi đánh giá thấp vị mới tu?

– Trong trường hợp này, có vị là trưởng lão, có kinh nghiệm, đã xuất gia lâu dài (nghĩ rằng): “*Người này mới tu, ít được biết, ít được nghe, ít hiểu biết việc đã được làm, lời nói của người ấy sẽ không được thực hiện*” trong khi đánh giá thấp người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là “*Pháp*,” tuyên bố Pháp là: “*Phi Pháp*,” ...(như trên)... tuyên bố tội xấu xa là: “*Tội không xấu xa*,” tuyên bố tội không xấu xa là: “*Tội xấu xa*.” Vị (nghĩ rằng): “*Ta là vị thâm niên hơn*” rồi đánh giá thấp vị mới tu sau là như thế.

[1115] Không nên nói về điều chưa được thành tựu: là không nên đưa ra lời nói đã không được đưa ra.

Không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật: là không nên bỏ qua sự việc đúng Pháp đúng Luật mà hội chúng đã được triệu tập lại vì sự việc ấy.

[1116] Theo Pháp nào: là theo sự việc có thật.

Theo Luật nào: là sau khi đã cáo tội, sau khi đã làm cho nhớ lại.

Theo lời dạy nào của bậc Đạo Sư: là với sự đầy đủ của lời đề nghị, với sự đầy đủ của lời thông báo.

Sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo Sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế: là vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: “*Này đại đức, việc đại đức đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này, đại đức đình chỉ vị ấy với lý do gì? Có phải đại đức đình chỉ với sự hư hỏng về giới? Có phải đại đức đình chỉ với sự hư hỏng về hạnh kiểm? Có phải đại đức đình chỉ với sự hư hỏng về tri kiến*?”

Nếu vị ấy nói như vầy: “*Hoặc là tôi đình chỉ với sự hư hỏng về giới. Hoặc là tôi đình chỉ với sự hư hỏng về hạnh kiểm. Hoặc là tôi đình chỉ với sự hư hỏng về tri kiến*.”

Vị ấy nên được nói như sau: “*Vậy đại đức có biết sự hư hỏng về giới không? Đại đức có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không? Đại đức có biết sự hư hỏng về tri kiến không?*”

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Này các đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới. Tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tôi biết sự hư hỏng về tri kiến.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới? Điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm? Điều gì là sự hư hỏng về tri kiến?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Bốn tội pārājika, mười ba tội saṅghādisesa, đó là sự hư hỏng về giới. Tội thullaccaya, tội pācittiya, tội pāṭidesanīya, tội dukkaṭa, tội dubbhāsita, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, tri kiến cực đoan, đó là sự hư hỏng về tri kiến.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này, có phải đại đức đình chỉ do đã được thấy,? Có phải đại đức đình chỉ do đã được nghe? Có phải đại đức đình chỉ do sự nghi ngờ?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là tôi đình chỉ do đã được nghe, hoặc là tôi đình chỉ do sự nghi ngờ.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này do đã được thấy, đại đức đã thấy gì? Đại đức đã thấy thế nào? Đại đức đã thấy khi nào? Đại đức đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội pārājika? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội saṅghādisesa? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội thullaccaya? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội pācittiya? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội pāṭidesanīya? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội dukkaṭa? Có phải đã thấy (vị này) đang phạm tội dubbhāsita? Và đại đức đã ở đâu? Và vị tỳ khưu này đã ở đâu? Và đại đức đã làm gì? Và vị tỳ khưu này đã làm gì?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Này các đại đức, tôi không đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ Pavāraṇā do đã được nghe.*"

Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này do đã được nghe, đại đức đã nghe gì? Đại đức đã nghe thế nào? Đại đức đã nghe khi nào? Đại đức đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội pārājika'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội saṅghādisesa'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội thullaccaya'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội pācittiya'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội pāṭidesanīya'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội dukkaṭa'? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội dubbhāsita'? Có phải đã nghe từ vị tỳ khưu? Có phải đã nghe từ vị tỳ khưu ni? Có phải đã nghe từ cô ni tu tập sự? Có phải đã nghe từ vị sa di? Có phải đã nghe từ vị sa di ni? Có phải đã nghe từ nam cư sĩ? Có phải đã nghe từ nữ cư sĩ? Có phải đã nghe từ các đức vua? Có phải đã nghe từ các quan đại thần của đức vua? Có phải đã nghe từ các ngoại đạo? Có phải đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?*"

Nếu vị ấy nói như vầy: "*Này các đại đức, tôi không đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ Pavāraṇā do sự nghi*

ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "*Này đại đức, việc mà đại đức đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu này do sự nghi ngờ, đại đức nghi ngờ gì? Đại đức nghi ngờ như thế nào? Đại đức nghi ngờ khi nào? Đại đức nghi ngờ ở đâu? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội pārājika'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội saṅghādisesa'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội thullaccaya'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội pācittiya'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội pāṭidesanīya'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội dukkaṭa'? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội dubbhāsita'? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khưu? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khưu ni? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ cô ni tu tập sự? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di ni? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?*"

[1117]

Điều được thấy tương tợ
với điều đã được thấy,
điều được thấy phù hợp
với điều đã được thấy,
do điều đã được thấy
bị nghi không thanh tịnh
dẫu rằng không vi phạm;
người ấy do thú nhận
lễ Pavāraṇā
nên hành với vị ấy.
Điều được nghe tương tợ
với điều đã được nghe,
điều được nghe phù hợp
với điều đã được nghe,
do điều đã được nghe
bị nghi không thanh tịnh
dẫu rằng không vi phạm;
người ấy do thú nhận
lễ Pavāraṇā
nên hành với vị ấy.
Điều cảm nhận tương tợ
với điều được cảm nhận,

điều cảm nhận phù hợp
với điều được cảm nhận,
do điều được cảm nhận
bị nghi không thanh tịnh
dẫu rằng không vi phạm;
người ấy do thú nhận
lễ Pavāraṇā
nên hành với vị ấy.

[1118] "*Đại đức đã thấy gì?*" là câu hỏi về điều gì? "*Đại đức đã thấy thế nào?*" là câu hỏi về điều gì? "*Đại đức đã thấy khi nào?*" là câu hỏi về điều gì? "*Đại đức đã thấy ở đâu?*" là câu hỏi về điều gì?

[1119] "*Đại đức đã thấy gì?*" là câu hỏi về sự việc, là câu hỏi về sự hư hỏng, là câu hỏi về tội vi phạm, là câu hỏi về sự vi phạm.

Câu hỏi về sự việc: là câu hỏi về sự việc của tám điều *pārājika*, là câu hỏi về sự việc của hai mươi ba điều *saṅghādisesa*, là câu hỏi về sự việc của hai điều *aniyata*, là câu hỏi về sự việc của bốn mươi hai điều *nissaggiya*, là câu hỏi về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, là câu hỏi về sự việc của mười hai điều *pāṭidesanīya*, là câu hỏi về sự việc của các điều *dukkaṭa*, là câu hỏi về sự việc của các điều *dubbhāsita*.

Câu hỏi về sự hư hỏng: là câu hỏi về sự hư hỏng về giới, là câu hỏi về sự hư hỏng về hạnh kiểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về tri kiến, là câu hỏi về sự hư hỏng về nuôi mạng.

Câu hỏi về tội vi phạm: là câu hỏi về tội *pārājika*, là câu hỏi về tội *saṅghādisesa*, là câu hỏi về tội *aniyata*, là câu hỏi về tội *nissaggiya*, là câu hỏi về tội *pācittiya*, là câu hỏi về tội *pāṭidesanīya*, là câu hỏi về tội *dukkaṭa*, là câu hỏi về tội *dubbhāsita*.

Câu hỏi về sự vi phạm: là câu hỏi về sự kết hợp chung lại của hai người.

[1120] "*Đại đức đã thấy thế nào?*" là câu hỏi về đặc điểm, là câu hỏi về tư thế, là câu hỏi về sự biểu hiện, là câu hỏi về sự thay đổi.

Câu hỏi về đặc điểm: là cao, hay là thấp, hay là đen, hay là trắng.

Câu hỏi về tư thế: là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

Câu hỏi về sự biểu hiện: là hình tướng tại gia, hay là hình tướng ngoại đạo, hay là hình tướng xuất gia.

Câu hỏi về sự thay đổi: là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

[1121] "*Đại đức đã thấy khi nào?*" là câu hỏi về thời gian, là câu hỏi về thời điểm, là câu hỏi về ngày, là câu hỏi về mùa tiết.

Câu hỏi về thời gian: là vào lúc sáng sớm, hay là lúc nửa ngày, hay là lúc chiều tối.

Câu hỏi về thời điểm: là vào thời điểm sáng sớm, hay là thời điểm nửa ngày, hay là thời điểm chiều tối.

Câu hỏi về ngày: là trước bữa ăn, hay là sau bữa ăn, hay là ban đêm, hay là ban ngày, hay là nửa tháng sau, hay là nửa tháng trước.

Câu hỏi về mùa tiết: là trong mùa lạnh, hay là trong mùa nóng, hay là trong mùa mưa.

[1122] "*Đại đức đã thấy ở đâu?*" là câu hỏi về nơi chốn, là câu hỏi về địa thế, là câu hỏi về không gian, là câu hỏi về khu vực.

Câu hỏi về nơi chốn: là trên nền đất, hay là trong lòng đất, hay là ở bề mặt trái đất, hay là ở trên đất liền.

Câu hỏi về địa thế: là ở trên đất bằng, hay là trên sườn núi, hay là trên tảng đá, hay là trong tòa lâu đài.

Câu hỏi về không gian: là khoảng không gian phía đông, hay là khoảng không gian phía tây, hay là khoảng không gian phía bắc, hay là khoảng không gian phía nam.

Câu hỏi về khu vực: là khu vực phương đông, hay là khu vực phương tây, hay là khu vực phương bắc, hay là khu vực phương nam.

Dứt Chương Xung Đột Lớn.

Tóm lược chương này:

[1123]

Sự việc, và duyên khởi,
biểu hiện, việc trước sau,
đã làm hoặc chưa làm,
hành sự, sự tranh tụng,
dàn xếp, bị chi phối
bởi ưa thích, sân hận,
si mê, và sợ hãi.
biết rõ, và dập tắt,
xem xét, được tin tưởng,
ta đã có đồ chúng,
nghe nhiều, thâm niên hơn
chưa thành tựu, thành tựu,
theo Pháp, và theo Luật,
lời dạy bậc Đạo Sư,
là phần làm hiểu rõ
về chương Xung Đột Lớn.

---o0o---

XIV. PHÂN TÍCH *KAṬHINA*

[1124] *Kaṭhina* không được thành tựu đến ai? *Kaṭhina* được thành tựu đến ai? Thế nào là *Kaṭhina* không được thành tựu? Thế nào là *Kaṭhina* được thành tựu?

[1125] *Kaṭhina* không được thành tựu đến ai?

– *Kaṭhina* không được thành tựu đến hai hạng người: Vị không làm cho thành tựu và vị không tùy hỷ. *Kaṭhina* không được thành tựu đến hai hạng người này.

[1126] *Kaṭhina* được thành tựu đến ai?

– *Kaṭhina* được thành tựu đến hai hạng người: Vị làm cho thành tựu và vị tùy hỷ. *Kaṭhina* được thành tựu đến hai hạng người này.

[1127] Thế nào là *Kaṭhina* không được thành tựu?

– *Kaṭhina* không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do: 256 *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu về chiều dài, chiều rộng. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn giặt. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v.... *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn cắt theo sự đã tính toán. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may đường viền. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn kết lại phần giữa. *Kaṭhina*không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự ra dấu hiệu gợi ý để thí chủ dâng. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự giảng giải về *Kaṭhina* rồi kêu gọi. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự làm y có tính cách tạm thời. *Kaṭhina*không được thành tựu với sự tích trữ. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự hủy bỏ vì để qua đêm. *Kaṭhina*không được thành tựu với sự không làm thành được phép tức là không làm dấu hoại y. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y *saṅghāṭi* tức là y hai lớp. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là thượng y, thường gọi là y vai trái. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y nội. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là năm điều hoặc (không) nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* không được thành tựu trừ phi do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kaṭhina* đã được thành tựu đúng đắn nhưng vị tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới (sīmā). *Kaṭhina* không được thành tựu là như thế.

[1128] Hành động làm dấu hiệu (nimittakammaṃ) nghĩa là vị làm dấu hiệu rằng: "*Tôi sẽ làm thành tựu Kaṭhina với vải này*."

Sự giảng giải rồi kêu gọi (parikathā) nghĩa là vị thực hiện sự giảng giải rồi kêu gọi: "*Tôi sẽ làm phát sanh vải Kaṭhina với bài thuyết giảng này*."

Được làm có tính cách tạm thời (kukkukataṃ) nghĩa là đề cập đến vật thí không được nhận lấy (anādiyadānaṃ).

Sự tích trữ (sannidhi) nghĩa là có hai sự tích trữ: sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom.

Sự phạm vào *nissaggiya* nghĩa là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện. *Kaṭhina* không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do này.

[1129] Thế nào là *Kaṭhina* được thành tựu?
– *Kaṭhina* được thành tựu bởi mười bảy lý do:257 *Kaṭhina* được thành tựu với (vải) mới. *Kaṭhina* được thành tựu với (vải) được xem như mới. *Kaṭhina* được thành tựu với vải áo choàng cũ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. *Kaṭhina* được thành tựu với sự không ra dấu hiệu gợi ý để thí chủ dâng. *Kaṭhina* được thành tựu không do sự giảng giải về *Kaṭhina* rồi kêu gọi. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm không phải là tạm thời. *Kaṭhina*được thành tựu với sự không tích trữ. *Kaṭhina* được thành tựu do không để qua đêm. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm thành được phép tức là làm dấu hoại y. *Kaṭhina* được thành tựu với y *saṅghāṭi* tức là y hai lớp. *Kaṭhina* được thành tựu với thượng y. *Kaṭhina* được thành tựu với y nội. *Kaṭhina* được thành tựu với y là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* được thành tựu do sự thành tựu của cá nhân. Và *Kaṭhina* ấy còn được thành tựu một cách đúng đắn nếu vị tùy hỷ đứng ở trong ranh giới. Như thế là *Kaṭhina* được thành tựu. *Kaṭhina* được thành tựu bởi mười bảy lý do này.

[1130] Bao nhiêu pháp được sanh lên với sự thành tựu *Kaṭhina*?
– Với sự thành tựu *Kaṭhina*, mười lăm pháp được sanh lên: tám tiêu đề, hai sự vướng bận, năm điều thuận lợi. Với sự thành tựu *Kaṭhina*, mười lăm pháp này được sanh lên.

[1131] Đối với sự tiến hành, các pháp nào là duyên (paccayo) thông qua vô gián duyên (anantarapaccayena), là duyên thông qua đẳng vô gián duyên (samanantarapaccayena), là duyên thông qua y chỉ duyên (nissayapaccayena), là duyên thông qua cận y duyên (upanissayapaccayena), là duyên thông qua tiền sanh duyên (purejātapaccayena), là duyên thông qua hậu sanh duyên (pacchājātapaccayena), là duyên thông qua đồng sanh duyên (sahajātapaccayena)? Đối với việc làm trước, ...(như trên)... Đối với việc nguyện xả (y), ...(như trên)... Đối với việc chú nguyện (y), ...(như trên)... Đối với sự thành tựu (*Kaṭhina*), ...(như trên)...? Đối với các tiêu đề và các điều vướng bận, ...(như trên)...?

Đối với sự vật,258 các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên?

[1132] Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là

duyên thông qua cận y duyên. Đối với việc làm trước, sự tiến hành là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

[1133] Đối với việc làm trước, sự nguyện xả (y) là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự nguyện xả (y), việc làm trước là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với việc làm trước, sự nguyện xả (y) là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

[1134] Đối với sự nguyện xả (y), sự chú nguyện (y) là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự chú nguyện (y), sự nguyện xả (y) là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự nguyện xả (y), sự chú nguyện (y) là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

[1135] Đối với sự chú nguyện (y), sự thành tựu (*Kaṭhina*) là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự thành tựu (*Kaṭhina*), sự chú nguyện (y) là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự chú nguyện (y), sự thành tựu (*Kaṭhina*) là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

[1136] Đối với sự thành tựu (*Kaṭhina*), các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với các tiêu đề và các sự vướng bận, sự thành tựu (*Kaṭhina*) là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự thành tựu (*Kaṭhina*), các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

[1137] Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với niềm mong mỏi và không mong mỏi, sự vật là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

[1138] Việc làm trước có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự nguyện xả (y) có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự chú nguyện (y) có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự thành tựu (*Kaṭhina*) có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh

lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Các tiêu đề và các sự vướng bận có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

– Việc làm trước có sự tiến hành là sự mở đầu, có sự tiến hành là sự phát sanh, có sự tiến hành là sự sanh lên, có sự tiến hành là sự hiện khởi, có sự tiến hành là sự cốt yếu, có sự tiến hành là nguồn sanh khởi. Sự nguyện xả (y) có việc làm trước là sự mở đầu, có việc làm trước là sự phát sanh, có việc làm trước là sự sanh lên, có việc làm trước là sự hiện khởi, có việc làm trước là sự cốt yếu, có việc làm trước là nguồn sanh khởi. Sự chú nguyện (y) có sự nguyện xả (y) là sự mở đầu, có sự nguyện xả (y) là sự phát sanh, có sự nguyện xả (y) là sự sanh lên, có sự nguyện xả (y) là sự hiện khởi, có sự nguyện xả (y) là sự cốt yếu, có sự nguyện xả (y) là nguồn sanh khởi. Sự thành tựu (*Kaṭhina*) có sự chú nguyện (y) là sự mở đầu, có sự chú nguyện (y) là sự phát sanh, có sự chú nguyện (y) là sự sanh lên, có sự chú nguyện (y) là sự hiện khởi, có sự chú nguyện (y) là sự cốt yếu, có sự chú nguyện (y) là nguồn sanh khởi. Các tiêu đề và các sự vướng bận có sự thành tựu (*Kaṭhina*) là sự mở đầu, có sự thành tựu (*Kaṭhina*) là sự phát sanh, có sự thành tựu (*Kaṭhina*) là sự sanh lên, có sự thành tựu (*Kaṭhina*) là sự hiện khởi, có sự thành tựu (*Kaṭhina*) là sự cốt yếu, có sự thành tựu (*Kaṭhina*) là nguồn sanh khởi. Niềm mong mỏi và không mong mỏi có sự vật (y) là sự mở đầu, có sự vật (y) là sự phát sanh, có sự vật (y) là sự sanh lên, có sự vật (y) là sự hiện khởi, có sự vật (y) là sự cốt yếu, có sự vật (y) là nguồn sanh khởi.

Sự tiến hành có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước ...(như trên)... Sự nguyện xả (y) ...(như trên)... Sự chú nguyện (y) ...(như trên)... Sự thành tựu (*Kaṭhina*) ...(như trên)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(như trên)... Sự vật (y) ...(như trên)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Sự tiến hành có nhân (hetu) là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(như trên)... Sự nguyện xả (y) ...(như trên)... Sự chú nguyện (y) ...(như trên)... Sự thành tựu (*Kaṭhina*) ...(như trên)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(như trên)... Sự vật (y) ...(như trên)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

Sự tiến hành có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước ...(như trên)... Sự nguyện xả (y) ...(như trên)... Sự chú nguyện (y) ...(như trên)... Sự thành tựu (*Kaṭhina*) ...(như trên)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(như trên)... Sự vật (y) ...(như trên)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu? có điều gì là sự phát sanh? có điều gì là sự sanh lên? có điều gì là sự hiện khởi? có điều gì là sự cốt yếu? có điều gì là nguồn sanh khởi?

- Sự tiến hành có duyên (paccayo) là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(như trên)... Sự nguyện xả (y) ...(như trên)... Sự chú nguyện (y) ...(như trên)... Sự thành tựu (*Kaṭhina*) ...(như trên)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(như trên)... Sự vật (y) ...(như trên)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

[1139] Việc làm trước được tổng hợp lại với bao nhiêu pháp?

– Việc làm trước được tổng hợp lại với bảy pháp: với việc giặt, với việc tính toán, với việc cắt, với việc kết lại, với việc may, với việc nhuộm, với việc làm thành được phép. Việc làm trước được tổng hợp lại với bảy pháp này.

Việc nguyện xả (y) được tổng hợp lại với bao nhiêu pháp?

– Việc nguyện xả (y) được tổng hợp lại với ba pháp: với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc chú nguyện (y) được tổng hợp lại với bao nhiêu pháp?

– Việc chú nguyện (y) được tổng hợp lại với ba pháp: với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc thành tựu (*Kaṭhina*) được tổng hợp lại với bao nhiêu pháp?

– Việc thành tựu (*Kaṭhina*) được tổng hợp lại với một pháp là sự phát lên lời nói.

[1040] *Kaṭhina* có bao nhiêu căn nguyên? có bao nhiêu sự vật? có bao nhiêu loại vật liệu?

- *Kaṭhina* có một căn nguyên là hội chúng. Có ba sự vật là y hai lớp, thượng y, y nội. Có sáu loại vật liệu: loại bằng sợi lanh (khomaṃ), loại bằng bông vải (kappāsikaṃ), loại bằng tơ lụa (koseyyaṃ), loại bằng sợi len (kambalaṃ), loại bằng gai thô (sāṇam) , loại bằng chỉ bố (bhaṅgaṃ).

[1141] *Kaṭhina* có việc gì là đầu tiên, có việc gì là ở giữa, có việc gì là kết cuộc?

– *Kaṭhina* có việc làm trước là đầu tiên, có sự thực hiện là ở giữa, có sự thành tựu là kết cuộc.

[1142] Người hội đủ bao nhiêu điều kiện không thể thành tựu *Kaṭhina*? Người hội đủ bao nhiêu điều kiện có thể thành tựu *Kaṭhina*?

- Người hội đủ tám điều kiện không thể thành tựu *Kaṭhina*. Người hội đủ tám điều kiện có thể thành tựu *Kaṭhina*.
Người không thể thành tựu *Kaṭhina* hội đủ tám điều kiện gì?
- Vị không biết về việc làm trước, không biết về việc nguyện xả (y), không biết về việc chú nguyện (y), không biết về sự thành tựu (*Kaṭhina*), không biết về tiêu đề, không biết về sự vướng bận, không biết về sự hết hiệu lực, không biết về sự thuận lợi. Người không thể thành tựu *Kaṭhina* hội đủ tám điều kiện này.
Người có thể thành tựu *Kaṭhina* hội đủ tám điều kiện gì?
- Vị biết về việc làm trước, biết về việc nguyện xả (y), biết về việc chú nguyện (y), biết về sự thành tựu (*Kaṭhina*), biết về tiêu đề, biết về sự vướng bận, biết về sự hết hiệu lực, biết về sự thuận lợi. Người có thể thành tựu *Kaṭhina* hội đủ tám điều kiện này.

[1143] Sự thành tựu *Kaṭhina* của những hạng người nào không có tác dụng? Sự thành tựu *Kaṭhina* của những hạng người nào có tác dụng?
- Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người không có tác dụng. Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người có tác dụng.
Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người nào không có tác dụng?
- Vị đứng ở ngoài ranh giới (sīmā) nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ, vị không nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị không làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người này không có tác dụng.
Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người nào có tác dụng?
- Vị đứng ở trong ranh giới (sīmā) nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ, vị nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu *Kaṭhina* của ba hạng người này có tác dụng.

[1144] Bao nhiêu sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực? Bao nhiêu sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực?
- Ba sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực. Ba sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực.
Thế nào là ba sự thành tựu *Kaṭhina* không có hiệu lực?
- Là hư hỏng về sự vật, hư hỏng về thời gian, và hư hỏng về việc làm.259 Đây là ba sự thành tựu *Kaṭhina*không có hiệu lực.
Thế nào là ba sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực?
- Là hoàn hảo về sự vật, hoàn hảo về thời gian, và hoàn hảo về việc làm. Đây là ba sự thành tựu *Kaṭhina* có hiệu lực

[1145] Nên biết về *Kaṭhina*. Nên biết về sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về tháng của sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭhina*. Nên biết về hành động làm dấu hiệu. Nên biết về sự giảng giải (rồi kêu gọi). Nên biết về được làm có tính cách tạm thời. Nên biết về sự tích trữ. Nên biết về sự phạm vào *nissaggiya*.

[1146] Nên biết về *Kaṭhina*: là sự tổng hợp lại của chính các pháp ấy, là sự liên kết lại, là tên gọi, là hành động đặt tên, là hệ thống tên gọi, là sự giải nghĩa, là đặc tính, là sự diễn tả; điều ấy tức là "*Kaṭhina*."

Nên biết về tháng của sự thành tựu *Kaṭhina*: là nên biết tháng cuối cùng của mùa mưa.

Nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭhina*: là nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭhina*với hai mươi bốn lý do.

Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭhina*: là nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭhina* với mười bảy lý do.

Nên biết về hành động ra dấu hiệu: là vị làm dấu hiệu rằng: "*Tôi sẽ làm thành tựu Kaṭhina với vải này*."

Nên biết về sự giảng giải (rồi kêu gọi): là vị thực hiện sự giảng giải rồi kêu gọi: "*Tôi sẽ làm phát sanh vải Kaṭhina với bài thuyết giảng này*."

Nên biết về được làm có tính cách tạm thời: là nói đến vật thí không được nhận lấy.

Nên biết về sự tích trữ: là nên biết về hai sự tích trữ: sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom.

Nên biết về sự phạm vào *nissaggiya*: là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện.

[1147] Nên biết về sự thành tựu *Kaṭhina*: Nếu vải *Kaṭhina* được phát sanh đến hội chúng, hội chúng nên thực hành như thế nào? Vị làm thành tựu (*Kaṭhina*) nên thực hành như thế nào? Vị tùy hỷ nên thực hành như thế nào?

- Hội chúng nên trao cho vị tỳ khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì. Vị tỳ khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên giặt, nên làm cho phẳng, nên tính toán, nên cắt, nên may, nên nhuộm, nên làm thành được phép (làm dấu y), nên làm thành tựu *Kaṭhina* nội trong ngày hôm ấy. Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭhina* với y hai lớp, nên nguyện xả y hai lớp cũ, nên chú nguyện y hai lớp mới, nên nói lên thành câu: "*Tôi làm thành tựu Kaṭhina với y hai lớp này*." Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭhina*với thượng y, nên nguyện xả thượng y cũ, nên chú nguyện thượng y mới, nên nói lên thành câu: "*Tôi làm thành tựu Kaṭhina với thượng y này*." Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭhina* với y nội, nên nguyện xả y nội cũ, nên chú nguyện y nội mới, nên nói lên thành câu: "*Tôi làm thành tựu Kaṭhina với y nội này*."

Vị tỳ khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, và nên nói như vầy: "*Bạch các ngài, Kaṭhina của hội chúng đã được thành tựu đúng pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ sự thành tựu Kaṭhina*." Các vị tỳ khưu là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, và nên nói như vầy: "*Bạch đại đức, Kaṭhina của hội chúng đã được thành tựu đúng pháp, chúng tôi xin tùy hỷ sự thành tựu Kaṭhina*."

Vị tỳ khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên đi đến nhiều vị tỳ khưu, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, và nên nói như vầy: "*Bạch các ngài, Kaṭhina của hội chúng đã được thành tựu đúng pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ sự thành tựu Kaṭhina*." Các vị tỳ khưu là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, và nên nói như vầy: "*Bạch đại đức, Kaṭhina của hội chúng đã được thành tựu đúng pháp, chúng tôi xin tùy hỷ sự thành tựu Kaṭhina*."

Vị tỳ khưu là vị làm thành tựu *Kaṭhina* ấy nên đi đến một vị tỳ khưu, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, và nên nói như vầy: "*Bạch đại đức, Kaṭhina của hội chúng đã được thành tựu đúng pháp, xin đại đức hãy tùy hỷ sự thành tựu Kaṭhina*." Vị tỳ khưu là vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, và nên nói như vầy: "*Bạch đại đức, Kaṭhina của hội chúng đã được thành tựu đúng pháp, tôi xin tùy hỷ sự thành tựu Kaṭhina*."

[1148] Có phải hội chúng làm thành tựu *Kaṭhina*? Có phải nhóm làm thành tựu *Kaṭhina*? Có phải cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*?

- Hội chúng không làm thành tựu *Kaṭhina*. Nhóm không làm thành tựu *Kaṭhina*. Cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*.

Nếu hội chúng không làm thành tựu *Kaṭhina*, nhóm không làm thành tựu *Kaṭhina*, cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*, vậy có phải *Kaṭhina* không được thành tựu cho hội chúng, không được thành tựu cho nhóm, được thành tựu cho cá nhân?

- Có phải hội chúng đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*? Có phải nhóm đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*? Có phải cá nhân đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*?260

Hội chúng không đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*. Nhóm không đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*. Cá nhân đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*.

– Nếu hội chúng không đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, nhóm không đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, cá nhân đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, vậy có phải giới bổn *Pātimokkha* không được đọc tụng cho hội chúng, giới bổn *Pātimokkha* không được đọc tụng cho nhóm, giới bổn *Pātimokkha* được đọc tụng cho cá nhân?

Do sự đọc tụng của cá nhân ở hội chúng hợp nhất, ở nhóm hợp nhất, giới bổn *Pātimokkha* đã được đọc tụng cho hội chúng, giới bổn *Pātimokkha* đã được đọc tụng cho nhóm, giới bổn *Pātimokkha* đã được đọc tụng cho cá nhân.

– Cũng tương tợ như thế, hội chúng không làm thành tựu *Kaṭhina*, nhóm không làm thành tựu *Kaṭhina*, cá nhân làm thành tựu *Kaṭhina*. Do sự thành tựu (*Kaṭhina*) của cá nhân với sự tùy hỷ của hội chúng, với sự tùy hỷ của nhóm, *Kaṭhina* được thành tựu cho hội chúng, *Kaṭhina* được thành tựu cho nhóm, *Kaṭhina* được thành tựu cho cá nhân.

[1149]

Hiệu lực Kaṭhina
liên quan vị ra đi

đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
liên quan vị ra đi
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Sự vướng bận về y
bị cắt đứt trước tiên,
do việc đi ra khỏi
bên ngoài vùng ranh giới
sự vướng bận chỗ ngụ
của vị ấy bị đứt.

[1150]
Hiệu lực Kaṭhina
liên quan việc hoàn tất
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
liên quan việc hoàn tất
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Sự vướng bận chỗ ngụ
bị cắt đứt trước tiên,
khi y được hoàn tất
sự vướng bận về y
(của vị ấy) bị đứt.

[1151]
Hiệu lực Kaṭhina
do tự mình quyết định
đã được đề cập đến

bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
do tự mình quyết định
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Cả hai điều vướng bận
đồng thời bị cắt đứt.

[1152]
Hiệu lực Kaṭhina
liên quan việc bị mất
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
liên quan việc bị mất
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Sự vướng bận chỗ ngụ
bị cắt đứt trước tiên,
khi y bị mất trộm
sự vướng bận về y
của vị ấy bị đứt.

[1153]
Hiệu lực Kaṭhina
liên quan việc nghe tin
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina

liên quan việc nghe tin
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Sự vướng bận về y
bị cắt đứt trước tiên,
bởi vì việc nghe tin
sự vướng bận chỗ ngụ
của vị ấy bị đứt.

[1154]

Hiệu lực Kaṭhina
vì mong ước tan vỡ
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
vì mong ước tan vỡ
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Sự vướng bận chỗ ngụ
bị cắt đứt trước tiên,
khi nỗi niềm mong mỏi
về y bị đoạn lìa
sự vướng bận về y
(của vị ấy) bị đứt.

[1155]

Hiệu lực Kaṭhina
vị vượt qua ranh giới
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
vị vượt qua ranh giới
đã được đề cập đến

bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Sự vướng bận về y
bị cắt đứt trước tiên,
do việc đi ra khỏi
bên ngoài vùng ranh giới
sự vướng bận chỗ ngụ
của vị ấy bị đứt.

[1156]
Hiệu lực Kaṭhina
đồng thời hết hiệu lực
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi hỏi ngài điều ấy:
Sự vướng bận loại nào
bị cắt đứt trước tiên?
- Hiệu lực Kaṭhina
đồng thời hết hiệu lực
đã được đề cập đến
bởi Thân Quyến Mặt Trời,
tôi đáp ngài điều ấy:
Cả hai điều vướng bận
đồng thời bị cắt đứt.

[1157] Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào hội chúng? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào cá nhân? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân?

- Có một sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào hội chúng là sự hết hiệu lực giữa chừng.261 Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* phụ thuộc vào cá nhân: liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc (y) đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết định, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân: liên quan đến việc (y) bị mất, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đến sự tan vỡ niềm mong mỏi, sự đồng thời hết hiệu lực.

[1158] Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở trong ranh giới (antosīmāya)? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới (bahisīmāya)? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới (hoặc) có thể bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới?

- Có hai sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở trong ranh giới: sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Có ba sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới (hoặc) có thể bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: liên quan đến việc (y) đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết định, liên quan đến việc (y) bị mất, liên quan đến việc tan vỡ niềm mong mỏi.

[1159] Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có sự sanh lên cùng một lúc có sự chấm dứt cùng một lúc? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc?

- Có hai sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* có sự sanh lên cùng một lúc có sự chấm dứt cùng một lúc: sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Các sự hết hiệu lực của *Kaṭhina* còn lại có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc.

Dứt Phân Tích *Kaṭhina*.

Tóm lược chương này:

[1160]

Đến ai? Như thế nào?
(sanh lên) mười lăm Pháp,
sự mở đầu, nhân, duyên,
tổng hợp, và căn nguyên, v.v...
phân tích tám hạng người,
(thành tựu) của ba hạng,
ba loại (không hiệu lực),
nên biết sự thành tựu,
với việc đọc (giới bổn),
sự vướng bận, phụ thuộc,
(trong và ngoài) ranh giới,
sanh lên và chấm dứt.

Dứt Tập Yếu
(Parivāraṃ Niṭṭhitaṃ).262

---o0o---

XV. NHÓM NĂM CỦA UPĀLI

[1161] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời?
- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (điều kiện) gì? Vị không biết về lễ *Uposatha,* không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, không biết về giới bổn *Pātimokkha*, không biết về cách đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (điều kiện) gì? Vị biết về lễ *Uposatha*, biết về hành sự của lễ *Uposatha*, biết về giới bổn *Pātimokkha*, biết về cách đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (điều kiện) gì? Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, không biết về giới bổn *Pātimokkha,* không biết về cách đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (điều kiện) gì? Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, biết về giới bổn *Pātimokkha*, biết về cách đọc tụng giới bổn *Pātimokkha*, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (điều kiện) gì? Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết về tội nhẹ hay nặng, không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết về tội xấu xa hay không xấu xa, chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (điều kiện) gì? Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết về tội nhẹ hay nặng, biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết về tội xấu xa hay không xấu xa, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

[1162] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ?
- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho

đệ tử hoặc học trò bị bệnh, (không có khả năng) khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, (không có khả năng) phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo Pháp khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, (không có khả năng) hướng dẫn Thắng Pháp (Abhidhamma) và Thắng Luật (Abhivinaya). 263 Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, (có khả năng) khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, có khả năng) phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo Pháp khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, (có khả năng) hướng dẫn Thắng Pháp và Thắng Luật. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, (không có khả năng) để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh,264 (không có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng giới, (không có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tâm, (không có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tuệ.265 Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ? Với năm (điều kiện) gì? Là vị có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, (có khả năng) để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, (có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng giới, (có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tâm, (có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tuệ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ.

[1163] - Bạch ngài, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến sái quấy, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có hành động sai trái bằng thân, có hành động sai trái bằng khẩu, có hành động sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vi phạm tội đã được thực thi hành sự (vẫn) ban phép tu lên bậc trên, (vẫn) ban cho phép nương nhờ, (vẫn) để cho sa di phục vụ, (vẫn) chấp nhận việc chỉ định giáo giới tỳ khưu ni, (vẫn) giáo giới tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Phần Không Nương Nhờ là phần thứ nhất.
Tóm lược phần này:
[1164]
Lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā,
tội vi phạm, người bệnh,
phần phận sự căn bản,
và vị vô liêm sỉ,
tăng thượng giới, chơi giỡn,
sở hành bị sai trái,
gây ra sự tổn hại,
tà kiến, và tội nữa,
với tội vi phạm nào,
vị chê bai đức Phật,
phần tổng hợp thứ nhất.

---o0o---

[1165] - Bạch ngài, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?
- Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vi phạm tội đã được thực thi hành sự (vẫn) ban phép tu lên bậc trên, (vẫn) ban cho phép nương nhờ, (vẫn) để cho sa di phục vụ, (vẫn) chấp nhận việc chỉ định giáo giới tỳ khưu ni, (vẫn) giáo giới tỳ khưu ni khi đã được chỉ định. Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị gây ra các sự xích mích, và không làm đầy đủ việc học tập trong các

phận sự. Này Upāli, hành sự không nên được thâu hồi đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[1166] - Bạch ngài, vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên an trú nội tâm bao nhiêu pháp rồi đi đến hội chúng?

- Này Upāli, vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên an trú nội tâm năm pháp rồi đi đến hội chúng. Năm (pháp) gì? Này Upāli, vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các tỳ khưu trưởng lão không buộc các tỳ khưu mới tu phải nhường chỗ ngồi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí, hoặc là nên tự mình nói Pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác (nói Pháp), hoặc là nên tôn trọng trạng thái im lặng thánh thiện. Này Upāli, nếu hội chúng thực hiện các hành sự cần được thực hiện với sự hợp nhất, này Upāli, trong trường hợp ấy nếu vị tỳ khưu không đồng ý (điều gì) thì nên bày tỏ quan điểm và nên đạt đến sự hợp nhất. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? (Vị ấy nên nghĩ rằng): "*Ta chớ nên khác biệt với hội chúng*." Này Upāli, vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên an trú nội tâm năm pháp này rồi đi đến hội chúng.

[1167] - Bạch ngài, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng?

- Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị nói khoa trương, là vị nói theo lời nói của người khác, không khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu, là vị khiển trách không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị nói không khoa trương, là vị không nói theo lời nói của người khác, khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu, là vị khiển trách theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị nói tâng bốc, là vị làm mất niềm tin, là vị nắm giữ phi Pháp, là vị chối từ Pháp, và nói các chuyện vớ vẩn.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không nói tâng bốc, là vị không làm mất niềm tin, là vị nắm giữ Pháp, là vị chối từ phi Pháp, và không nói các chuyện vớ vẩn. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị nói một cách thô lỗ, là vị nói khi chưa thỉnh ý, là vị khiển trách không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị không trình bày theo tri kiến. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không nói một cách thô lỗ, là vị không nói khi chưa thỉnh ý, là vị khiển trách theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị trình bày theo tri kiến. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

[1168] - Bạch ngài, có bao nhiêu lợi ích trong sự tinh thông về Luật?

- Này Upāli, có năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật. Thế nào là năm? Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh Pháp. Này Upāli, đây là năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật.

Phần Không Thâu Hồi là phần thứ nhì.

Tóm lược phần này:

[1169]

Phạm tội, lẫn chê bai,
vô liêm sỉ, xung đột,
khoe khoang, và tâng bốc,
thô lỗ, với tinh thông.

---o0o---

[1170] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không nên phát biểu ở hội chúng?
- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội,266 không biết về cách giải quyết tội, không rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, không biết về cách tiến hành sự tranh tụng, không biết về cách giải quyết sự tranh tụng, không rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, biết về cách tiến hành sự tranh tụng, biết về cách giải quyết sự tranh tụng, rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị nói một cách thô lỗ, là vị nói khi chưa thỉnh ý, là vị khiển trách không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị trình bày không theo tri kiến. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không nói một cách thô lỗ, là vị nói sau khi đã thỉnh ý, là vị khiển trách theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị trình bày theo tri kiến. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết về tội nhẹ hay nặng, không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết về tội xấu xa hay không xấu xa, không biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết về tội nhẹ hay nặng, biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết về tội xấu xa hay không xấu xa, biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về hành sự, không biết về sự thực hiện của hành sự, không biết về sự việc của hành sự, không biết về phận sự của hành sự, không biết về cách giải quyết hành sự. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về hành sự, biết về sự thực hiện của hành sự, biết về sự việc của hành sự, biết về phận sự của hành sự, biết về cách giải quyết hành sự. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về sự quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về sự quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị vô liêm sỉ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị có liêm sỉ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị không rành rẽ về Luật. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị

rành rẽ về Luật. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về lời đề nghị, không biết về sự thực hiện của lời đề nghị, không biết về lời thông báo của lời đề nghị, vị không biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị không biết cách giải quyết của lời đề nghị. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về lời đề nghị, biết về sự thực hiện của lời đề nghị, biết về lời thông báo của lời đề nghị, vị biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị biết cách giải quyết của lời đề nghị. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về giới bổn, không biết về điều phù hợp với giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không rành rẽ việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về giới bổn, biết về điều phù hợp với giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị rành rẽ việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không rành rẽ việc trước và việc sau. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị rành rẽ việc trước và việc sau. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này nên phát biểu ở hội chúng.

Phần Phát Biểu là phần thứ ba.

Tóm lược phần này:

[1171]

Tội vi phạm, tranh tụng,
thô lỗ, biết về tội,
về hành sự, sự việc,
và vị vô liêm sỉ,
vị không được rành rẽ,
đối với lời đề nghị,

không biết giới và Pháp,
phần tổng hợp thứ ba.

---o0o---

[1172] - Bạch ngài, có bao nhiêu sự trình bày quan điểm sai pháp?
- Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng không có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội không đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội đã được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối chung một lượt) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng (chỉ sám hối tội) bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai pháp.

Này Upāli, có năm sự trình bày quan điểm đúng pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội chưa được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng không (sám hối chung một lượt) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không (chỉ sám hối tội) bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng pháp.

Này Upāli, có năm sự trình bày quan điểm sai pháp khác nữa. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng (sám hối tội) trong sự hiện diện của vị không đồng cộng trú, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối tội) trong sự hiện diện của vị đứng không cùng ranh giới, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối tội) trong sự hiện diện của vị không trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối chung một lượt) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng (chỉ sám hối tội) bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai pháp.

Này Upāli, có năm sự trình bày quan điểm đúng pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng (sám hối tội) trong sự hiện diện của vị đồng cộng trú, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối tội) trong sự hiện diện của vị đứng chung ranh giới, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối tội) trong sự hiện diện của vị trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng không (sám hối chung một lượt) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không (chỉ sám hối tội) bằng tác ý của tâm. Này Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng pháp.

[1173] - Bạch ngài, có bao nhiêu sự thọ lãnh sai pháp?
- Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh sai pháp. Thế nào là năm? Trong khi được cho bằng thân, (vật thí) đã không được thọ lãnh bằng thân; trong khi được cho bằng thân, (vật thí) đã không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; trong khi được cho bằng vật gắn liền với thân, (vật thí) đã không được thọ lãnh bằng thân; trong khi được cho bằng vật gắn liền với thân, (vật thí) đã không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; trong khi được cho bằng sự buông ra, (vật thí) đã không được thọ

lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh sai pháp.

Này Upāli, có năm sự thọ lãnh đúng pháp. Thế nào là năm? Trong khi được cho bằng thân, (vật thí) đã được thọ lãnh bằng thân; trong khi được cho bằng thân, (vật thí) đã được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; trong khi được cho bằng vật gắn liền với thân, (vật thí) đã được thọ lãnh bằng thân; trong khi được cho bằng vật gắn liền với thân, (vật thí) đã được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; trong khi được cho bằng sự buông ra, (vật thí) đã được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh đúng pháp.

[1174] - Bạch ngài, có bao nhiêu vật không phải là đồ thừa?

- Này Upāli, đây là năm vật không phải là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật chưa được làm thành được phép, việc được thọ lãnh chưa được thực hiện, việc được nâng lên chưa được thực hiện, đã được thực hiện ở ngoài tầm tay, chưa được nói rằng: "*Tất cả chừng này là đủ rồi*." Này Upāli, đây là năm vật không phải là đồ thừa.

Này Upāli, đây là năm vật là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật đã được làm thành được phép, việc được thọ lãnh đã được thực hiện, việc được nâng lên đã được thực hiện, đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được nói rằng: "*Tất cả chừng này là đủ rồi*." Này Upāli, đây là năm vật là đồ thừa.

[1175] - Bạch ngài, việc ngăn (vật thực) được nhận biết với bao nhiêu biểu hiện?

- Này Upāli, việc ngăn (vật thực) được nhận biết với năm biểu hiện. Với năm (biểu hiện) gì? Việc ăn được nhận biết, vật thực được nhận biết, đã đứng ở trong tầm tay, (thí chủ) dâng lên, việc từ chối được nhận biết. Này Upāli, việc ngăn (vật thực) được nhận biết với năm biểu hiện này.

[1176] - Bạch ngài, có bao nhiêu việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp?

- Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Thế nào là năm? Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *pārājika*, trong khi bị khiển trách với tội *pārājika* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *saṅghādisesa*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *saṅghādisesa* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *pārājika*, trong khi bị khiển trách với tội *pārājika* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *pācittiya*, ...(như trên)... tội *pāṭidesanīya*, ...(như trên)... tội *dukkaṭa*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *dukkaṭa* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *saṅghādisesa*, ...(như trên)... tội *pācittiya*, ...(như trên)... tội *pāṭidesanīya*, ...(như trên)... tội *dukkaṭa*, trong khi bị khiển trách với tội *dukkaṭa*vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *pārājika*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *pārājika* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *dukkaṭa*, trong khi bị khiển trách với tội *dukkaṭa* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *saṅghādisesa*, ...(như trên)... tội *pācittiya*,

...(như trên)... tội *pāṭidesanīya*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *pāṭidesanīya* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp.

Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp. Thế nào là năm? Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *pārājika*, trong khi bị khiển trách với tội *pārājika* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *pārājika*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *pārājika* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp. Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *saṅghādisesa*, ...(như trên)... tội *pācittiya*, ...(như trên)... tội *pāṭidesanīya*, ...(như trên)... tội *dukkaṭa*, trong khi bị khiển trách với tội *dukkaṭa* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *dukkaṭa*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *dukkaṭa* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp. Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp.

[1177] - Bạch ngài, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không xứng đáng để được thỉnh ý?

- Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không xứng đáng để được thỉnh ý. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, là vị bản thân không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không xứng đáng để được thỉnh ý.

Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện xứng đáng để được thỉnh ý. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có liêm sỉ, là vị thông thái, là vị bản thân trong sạch, là vị nói có ý định làm cho thoát tội, không với ý định loại trừ. Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này xứng đáng để được thỉnh ý.

[1178] - Bạch ngài, không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về sự quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về sự quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[1179] - Bạch ngài, có bao nhiêu lối hỏi câu hỏi?

- Này Upāli, đây là năm lối hỏi câu hỏi. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ có bản tánh si mê hỏi câu hỏi, vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi hỏi câu hỏi, vị hỏi câu hỏi do sự khinh bỉ, vị hỏi câu hỏi với ý muốn hiểu biết, vị hỏi câu hỏi (nghĩ rằng): "*Nếu được ta hỏi câu hỏi vị (ấy) sẽ trả lời đúng đắn,*

như thế việc này là tốt đẹp. Nếu được ta hỏi câu hỏi vị (ấy) sẽ không trả lời đúng đắn, ta sẽ trả lời đúng đắn cho vị ấy." Này Upāli, đây là năm lối hỏi câu hỏi.
- Bạch ngài, có bao nhiêu lối bày tỏ kiến thức?
- Này Upāli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ có bản tánh si mê bày tỏ kiến thức, vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi bày tỏ kiến thức, vị bày tỏ kiến thức do bị điên do bị mất trí, vị bày tỏ kiến thức với sự tự hào quá đáng, vị bày tỏ kiến thức thật có. Này Upāli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức.

[1180] - Bạch ngài, có bao nhiêu cách làm cho trong sạch?
- Này Upāli, đây là năm cách làm cho trong sạch. Thế nào là năm? Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *aniyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. (Đọc tụng) một cách đầy đủ là cách thứ năm. Này Upāli, đây là năm cách làm cho trong sạch.

[1181] - Bạch ngài, có bao nhiêu loại vật thực mềm?
- Này Upāli, đây là năm loại vật thực mềm. Thế nào là năm? Cơm, xúp, bánh, cá, thịt. Này Upāli, đây là năm loại vật thực mềm.
Phần Trình Bày Quan Điểm là phần thứ tư.
Tóm lược phần này:
[1182]
Việc trình bày quan điểm,
và những điều khác nữa,
việc thọ lãnh, vật thừa,
việc ngăn, đã thừa nhận,
cho phép, và thảo luận,
câu hỏi, bày kiến thức
cách làm cho trong sạch,
luôn cả vật thực mềm.

---o0o---

[1183] - Bạch ngài, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

- Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác. Thế nào là năm? Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "*Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có hội đủ sở hành về thân trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?*" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu không có sở hành về thân trong sạch, không hội đủ sở hành về thân trong sạch không sai sót không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "*Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân*." Như thế là những người nói về vị ấy.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "*Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có hội đủ sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu không có sở hành về khẩu trong sạch, không hội đủ sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "*Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu*." Như thế là những người nói về vị ấy.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "*Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)*?" Này Upāli, nếu tâm từ của vị tỳ khưu là tâm không ác cảm đối với các vị đồng phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: "*Này, đến lúc đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng phạm hạnh*." Như thế là những người nói về vị ấy.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "*Ta có phải là vị nghe nhiều, là vị ghi nhớ được điều đã nghe, có sự tích lũy điều đã nghe không? Những Pháp nào có sự tốt đẹp ở phần đầu, tốt đẹp ở phần giữa, tốt đẹp ở phần cuối, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, có sự thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, các Pháp có hình thức tương tợ như thế có được ta nghe nhiều, có được ghi nhớ, có được tích lũy bằng cách đọc lại, có được dụng tâm quán xét, có được thâm nhập bằng tri kiến không?Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu không phải là vị nghe nhiều, không phải là vị ghi nhớ được điều đã nghe, không có tích lũy điều đã nghe. Những Pháp nào có sự tốt đẹp ở phần đầu, tốt đẹp ở phần giữa, tốt đẹp ở phần cuối, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, có sự thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, các Pháp có hình thức tương tợ như thế không được vị ấy nghe nhiều, không được ghi nhớ, không được tích lũy bằng cách đọc lại, không được dụng tâm quán xét, không được thâm nhập bằng tri kiến, có những người nói với vị ấy rằng: "*Này, đến lúc đại đức nên học tập kinh điển*;" như thế là những người nói về vị ấy.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "*Hai bộ giới bổn Pātimokkha có được truyền lại một cách đầy đủ, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định bởi ta theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)*?" Này Upāli, nếu hai bộ giới bổn *Pātimokkha* không được truyền lại một cách đầy đủ, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định bởi vị tỳ khưu theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ, khi (vị ấy) được hỏi như vầy: "*Này đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở đâu*?" mà không đáp được, có những người nói với vị ấy rằng: "*Này, đến lúc đại đức nên học tập về Luật*." Như thế là những người nói về vị ấy.

Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.

[1184] - Bạch ngài, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

- Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác. Thế nào là năm? Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận. Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác

[1185] - Bạch ngài, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

- Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác. Thế nào là năm? Vì lòng bi mẫn, vì tầm cầu lợi ích, vì lòng thương xót, vì sự thoát khỏi tội, vì sự tôn trọng Luật. Này Upāli, vị tỳ khưu nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp ấy rồi mới nên khiển trách vị khác.

[1186] - Bạch ngài, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không xứng đáng để được thỉnh ý?

- Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không xứng đáng để được thỉnh ý. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, (là vị) ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại khi bị thẩm vấn. Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không xứng đáng để được thỉnh ý.

Này Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện xứng đáng được để thỉnh ý. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, (là vị) thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại khi bị thẩm vấn. Này

Upāli, trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không xứng đáng để được thỉnh ý.

[1187] - Bạch ngài, vị tỳ khưu có ý muốn áp dụng sự hành xử (attādānam) nên áp dụng sự hành xử khi được hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, vị tỳ khưu có ý muốn áp dụng sự hành xử nên áp dụng sự hành xử khi hội đủ năm điều kiện. Thế nào là năm? Này Upāli, vị tỳ khưu có ý muốn áp dụng sự hành xử nên quán xét như sau: "*Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này là đúng thời điểm để áp dụng sự hành xử này hay là không đúng (thời điểm)*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Sái thời điểm để áp dụng sự hành xử này, không phải là đúng thời điểm," này* Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Đúng thời điểm để áp dụng sự hành xử này, không phải là sái thời điểm*;" này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "*Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này, nhưng sự hành xử này là hợp lý hay là không (hợp lý)*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Sự hành xử này là vô lý, là không hợp lý*;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Sự hành xử này là hợp lý, không phải là vô lý*;" này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "*Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này, nhưng sự hành xử này là đem sự lại lợi ích hay là không (đem lại sự lợi ích)*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Sự hành xử này là đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích*;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Sự hành xử này là đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích*;" này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "*Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ đạt được các tỳ khưu cùng tri kiến cùng quan điểm ở trong nhóm theo đúng Pháp theo đúng Luật hay sẽ không (đạt được)*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ không đạt được các tỳ khưu cùng tri kiến cùng quan điểm ở trong nhóm theo đúng Pháp theo đúng Luật;*" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ đạt được các tỳ khưu cùng tri kiến cùng quan điểm ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật*;" này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "*Khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận cho hội chúng, (sẽ xảy ra) sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, sự đa dạng trong hội chúng hay sẽ không xảy ra*?" Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận cho*

hội chúng, (sẽ xảy ra) sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, sự đa dạng trong hội chúng;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét biết rõ như vầy: "*Khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy sẽ không xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận cho hội chúng, (sẽ không xảy ra) sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, sự đa dạng trong hội chúng*;" này Upāli, nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, sự hành xử đã được áp dụng hội đủ năm điều kiện như thế sẽ không đem lại sự ân hận ngay cả về sau này.

[1188] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng?

- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự hạn chế của giới bổn *Pātimokkha*, thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, nắm giữ và tích lũy các điều đã được nghe, các Pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các Pháp có hình thức như thế được (vị ấy) nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích; cả hai bộ giới bổn *Pātimokkha* đã khéo được truyền thừa với chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được phán xét theo từng điều học, theo từng từ ngữ; vị ấy rành rẽ trong Luật không có bối rối; là vị có khả năng để làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, suy nghĩ lại, hiểu được, thấy được, và làm cho hoan hỷ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, (là vị) thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại khi bị thẩm vấn. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về sự quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là có nhiều ích lợi cho các tỳ khưu đã gây nên sự tranh tụng.

[1189] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện là không nên được thẩm vấn?

- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện là không nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về giới bổn, không biết về điều phù hợp với giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không rành rẽ việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là không nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện là nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về giới bổn, biết về điều phù hợp với giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị rành rẽ việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là không nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không rành rẽ việc trước và việc sau. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là không nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị rành rẽ việc trước và việc sau. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là không nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về sự quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là không nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về sự quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là không nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là không nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là không nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, không biết về cách tiến hành sự tranh tụng, không biết về cách giải quyết sự tranh tụng, không rành rẽ trong việc xác định sự

tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là không nên được thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa là nên được thẩm vấn. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, biết về cách tiến hành sự tranh tụng, biết về cách giải quyết sự tranh tụng, rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này là nên được thẩm vấn.

Phần Hành Xử là phần thứ năm.

Tóm lược phần này:

[1190]

Trong sạch, với đúng thời,
bi mẫn, và thỉnh ý,
hành xử, sự tranh tụng,
lại các điều khác nữa,
sự việc, và giới bổn,
Pháp, lại sự việc nữa,
(biết về) tội vi phạm
cùng với sự tranh tụng.

---o0o---

[1191] - Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) ngụ ở rừng?

- Này Upāli, đây là năm hạng (đầu đà) ngụ ở rừng. Thế nào là năm? Hạng (đầu đà) ngụ ở rừng có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê; hạng (đầu đà) ngụ ở rừng có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng (đầu đà) ngụ ở rừng do điên khùng, do mất trí; hạng (đầu đà) ngụ ở rừng (nghĩ rằng): "*Được chư Phật và chư Thinh Văn của đức Phật khen ngợi*;" và cũng có hạng (đầu đà) ngụ ở rừng chính vì sự ham muốn ít, chính vì sự tự biết đủ, chính vì sự ức chế, chính vì sự tách ly, chính vì sự lợi ích của điều này. Này Upāli, đây là năm hạng (đầu đà) ngụ ở rừng.

- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) đi khất thực? ...(như trên)...
- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) mặc y *paṃsukāla*? ...(như trên)...
- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) ngụ ở gốc cây? ...(như trên)...
– Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) ngụ ở mộ địa? ...(như trên)...
– Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) ngụ ở ngoài trời? ...(như trên)...
– Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) mặc ba y? ...(như trên)...
- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) đi khất thực theo từng nhà? ...(như trên)...
– Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) oai nghi ngồi? ...(như trên)...
- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) ngụ chỗ ở theo chỉ định? ...(như trên)...
- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) một chỗ ngồi (khi thọ thực)? ...(như trên)...

- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) không ăn vật thực dâng sau? ...(như trên)...
- Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát?
- Này Upāli, đây là năm hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát. Thế nào là năm? Hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát do điên khùng, do mất trí; hạng thọ thực trong bình bát (nghĩ rằng): "*Được chư Phật và chư Thinh Văn của đức Phật ngợi khen*;" và cũng có hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát chính vì sự ham muốn ít, chính vì sự tự biết đủ, chính vì sự ức chế, chính vì sự tách ly, chính vì sự lợi ích của điều này. Này Upāli, đây là năm hạng (đầu đà) thọ thực trong bình bát.
Phần Đầu Đà là phần thứ sáu.
Tóm lược phần này:
[1192]
Ngụ ở rừng, khất thực,
y quăng bỏ, cội cây,
mộ địa là thứ năm,
ngoài trời, chỉ ba y,
tuần tự, tư thế ngồi,
theo chỉ định, một chỗ,
không vật thực dâng sau,
thọ thực trong bình bát.

---o0o---

[1193] - Bạch ngài, có bao nhiêu loại nói dối?
- Này Upāli, đây là năm loại nói dối. Thế nào là năm? Có loại nói dối đưa đến tội *pārājika*, có loại nói dối đưa đến tội *saṅghādisesa*, có loại nói dối đưa đến tội *thullaccaya*, có loại nói dối đưa đến tội *pācittiya*, có loại nói dối đưa đến tội *dukkaṭa*. Này Upāli, đây là năm loại nói dối.

[1194] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện trong khi đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*ở giữa hội chúng nên bị răn đe rằng: "*Này tỳ khưu, đủ rồi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng*!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*?
- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện trong khi đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng nên bị răn đe rằng: "*Này tỳ khưu, đủ rồi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng*!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, bản thân không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định làm cho thoát tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này trong khi đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng nên bị răn đe rằng:

"*Này tỳ khưu, đủ rồi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng*!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa trong khi đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng nên bị răn đe rằng: "*Này tỳ khưu, đủ rồi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng*!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, ngu dốt không kinh nghiệm, là vị gây nên các sự xung đột (và) gây nên các sự cãi cọ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này trong khi đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng nên bị răn đe rằng: "*Này tỳ khưu, đủ rồi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng*!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*.

[1195] - Bạch ngài, việc thẩm vấn không nên giao cho vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, việc thẩm vấn không nên giao cho vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết về tội nhẹ hay nặng, vị không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết về tội xấu xa hay không xấu xa, vị không biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, việc thẩm vấn không nên giao cho vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết về tội nhẹ hay nặng, vị biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết về tội xấu xa hay không xấu xa, vị biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[1196] - Bạch ngài, vị tỳ khưu vi phạm tội với bao nhiêu biểu hiện?

- Này Upāli, vị tỳ khưu vi phạm tội với năm biểu hiện. Với năm (biểu hiện) gì? Do sự vô liêm sỉ, do sự không biết, do sự thường xuyên sai phạm, tưởng rằng được phép trong việc không được phép, tưởng rằng không được phép trong việc được phép. Này Upāli, vị tỳ khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu vi phạm tội với năm biểu hiện khác nữa. Với năm (biểu hiện) gì? Do sự không thấy, do sự không nghe, do sự ngủ mê, (lầm) tưởng là như vậy, có sự lẫn lộn về niệm. Này Upāli, vị tỳ khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này.

[1197] - Bạch ngài, có bao nhiêu điều tội lỗi?

- Này Upāli, đây là năm điều tội lỗi. Thế nào là năm? Giết hại mạng sống, việc lấy vật không được cho, việc làm sai trái trong các dục, nói dối, trường hợp dễ duôi đối với chất say, chất lên men, rượu mạnh. Này Upāli, đây là năm điều tội lỗi.

[1198] - Bạch ngài, có bao nhiêu sự kiêng cử?

- Này Upāli, đây là năm sự kiêng cử. Thế nào là năm? Sự kiêng cử việc giết hại mạng sống, sự kiêng cử việc lấy vật không được cho, sự kiêng cử việc làm sai trái trong các dục, sự kiêng cử việc nói dối, sự kiêng cử trường hợp dễ duôi đối với chất say, chất lên men, rượu mạnh. Này Upāli, đây là năm sự kiêng cử.

[1199] - Bạch ngài, có bao nhiêu sự mất mát?

- Này Upāli, đây là năm sự mất mát. Thế nào là năm? Sự mất mát về thân quyến, sự mất mát về của cải, sự mất mát vì bệnh hoạn, sự mất mát về giới, sự mất mát về kiến thức. Này Upāli, đây là năm sự mất mát.

[1200] - Bạch ngài, có bao nhiêu sự thành tựu?

- Này Upāli, đây là năm sự thành tựu. Thế nào là năm? Sự thành tựu về thân quyến, sự thành tựu về của cải, sự thành tựu về không bệnh, sự thành tựu về giới, sự thành tựu về kiến thức. Này Upāli, đây là năm sự thành tựu.

Phần Nói Dối là phần thứ bảy.

Tóm lược phần này:

[1201]

Nói dối, và răn đe,
các điều khác, thẩm vấn,
và tội, các điều khác,
tội lỗi, và kiêng cử,
mất mát, và thành tựu,
phần tổng hợp thứ bảy.

---o0o---

[1202] - Bạch ngài, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự đối với vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự là hội chúng tỳ khưu ni không nên đảnh lễ vị tỳ khưu ấy. Với năm (điều kiện) gì? Vị cởi ra rồi cho các tỳ khưu ni thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy hai vai, vị nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Này Upāli, đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự là hội chúng tỳ khưu ni không nên đảnh lễ vị tỳ khưu ấy.

Này Upāli, đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự là hội chúng tỳ khưu ni không nên đảnh lễ vị tỳ khưu ấy. Với năm (điều kiện) gì? Là vị ra sức làm cho các tỳ khưu ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các tỳ khưu ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các tỳ khưu ni không được chỗ ở, là vị mắng nhiếc nói xấu các tỳ khưu ni, là vị chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu ni. Này Upāli, đối với vị tỳ khưu hội đủ

năm điều kiện này, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự là hội chúng tỳ khưu ni không nên đảnh lễ vị tỳ khưu ấy.

Này Upāli, đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự là hội chúng tỳ khưu ni không nên đảnh lễ vị tỳ khưu ấy. Với năm (điều kiện) gì? Là vị ra sức làm cho các tỳ khưu ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các tỳ khưu ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các tỳ khưu ni không được chỗ ở, là vị mắng nhiếc nói xấu các tỳ khưu ni, là vị giao lưu các tỳ khưu với các tỳ khưu ni. Này Upāli, đối với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này, đích thân hội chúng tỳ khưu ni nên thực thi hành sự là hội chúng tỳ khưu ni không nên đảnh lễ vị tỳ khưu ấy.

[1203] - Bạch ngài, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? - Vị ni cởi ra rồi cho các tỳ khưu thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy hai vai, vị ni nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị ni ra sức làm cho các tỳ khưu không được lợi lộc, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khưu không được lợi ích, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khưu không được chỗ ở, là vị ni mắng nhiếc nói xấu các tỳ khưu, là vị ni chia rẽ các tỳ khưu ni với các tỳ khưu. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị ni ra sức làm cho các tỳ khưu không được lợi lộc, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khưu không được lợi ích, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khưu không được chỗ ở, là vị ni mắng nhiếc nói xấu các tỳ khưu, là vị ni giao lưu các tỳ khưu ni với các tỳ khưu. Này Upāli, hành sự nên được thực thi đối với vị tỳ khưu ni hội đủ năm điều kiện này.

[1204] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni?

- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, và bản thân không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định làm cho thoát tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, là vị ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng

đối đáp lại khi bị thẩm vấn. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc và chê bai các tỳ khưu ni, là vị sống thân cận với các tỳ khưu ni với sự chung đụng không thích hợp. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, và bản thân không trong sạch, là vị thường gây ra các sự xung đột và gây ra các sự cãi vã, là vị không làm đầy đủ việc học tập. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khưu ni.

[1205] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu ni?

- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu ni. Với năm (điều kiện) gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc và chê bai các tỳ khưu ni, là vị sống thân cận với các tỳ khưu ni với sự chung đụng không thích hợp. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu ni.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu ni. Với năm (điều kiện) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, và bản thân không trong sạch, là vị ra đi, hoặc là vị bị bệnh. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu ni.

[1206] - Bạch ngài, không nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, là vị không thành tựu vô học định uẩn, là vị không thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị thành tựu vô học giới uẩn, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị không thành đạt sự phân tích về Pháp, là vị không thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị

không thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị không quán xét tâm theo sự giải thoát. Này Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị thành đạt sự phân tích về Pháp, là vị thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị quán xét tâm theo sự giải thoát. Này Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Phần Giáo Giới Tỳ Khưu Ni là phần thứ tám.

Tóm lược phần này:

[1207]

Chính các tỳ khưu ni
nên thực thi (hành sự),
hai phần khác như thế,
ba trường hợp hành sự
của các tỳ khưu ni,
không đình chỉ hai đôi,
không nhận lãnh hai điều
đã được đề cập đến,
và có thêm hai cặp
trong việc cùng thảo luận.

---o0o---

[1208] - Bạch ngài, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không rành rẽ về ý nghĩa, là vị không rành rẽ về Pháp, là vị không rành rẽ về ngôn từ, là vị không rành rẽ về diễn giải, là vị không rành rẽ việc trước và việc sau. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị rành rẽ về ý nghĩa, là vị rành rẽ về Pháp, là vị rành rẽ về ngôn từ, là vị rành rẽ về diễn giải, là vị rành rẽ việc trước và việc sau. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị cáu kỉnh (và) bị chế ngự bởi sự cáu kỉnh; là vị đạo đức giả (và) bị chế ngự bởi sự đạo đức giả; là vị dối trá (và) bị chế ngự bởi sự dối trá; là vị đố kỵ (và) bị chế ngự bởi sự đố kỵ; là vị chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó buông bỏ. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không cáu kỉnh (và) không bị chế ngự bởi sự cáu kỉnh; là vị không đạo đức giả (và) không bị chế ngự bởi sự đạo đức giả; là vị không dối trá (và) không bị chế ngự bởi sự dối trá; là vị không đố kỵ (và) không bị chế ngự bởi sự đố kỵ; là vị không chấp thủ một cách lộ liễu, không ương ngạnh, dễ buông bỏ. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị nóng nảy, hiểm độc, gây sự chống đối, khiêu khích, là vị không nhẫn nại tiếp không nghiêm chỉnh nhận sự giáo huấn. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không nóng nảy, không hiểm độc, không gây sự chống đối, không khiêu khích, là vị nhẫn nại nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị xao lãng không ráng ghi nhớ, là vị phát ngôn khi chưa thỉnh ý, là vị khiển trách không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị không trình bày theo tri kiến. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị ráng ghi nhớ không bị xao lãng, là vị phát ngôn khi đã thỉnh ý, là vị khiển trách theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị trình bày theo tri kiến. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị vô liêm sỉ. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị có liêm sỉ. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị không

rành rẽ về Luật. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị rành rẽ về Luật. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này.

[1209] - Bạch ngài, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về giới bổn, không biết về điều phù hợp với giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không rành rẽ việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về giới bổn, biết về điều phù hợp với giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị rành rẽ việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về giới bổn, không biết về điều phù hợp với giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, là vị không rành rẽ về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về giới bổn, biết về điều phù hợp với giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, là vị rành rẽ về việc trước và việc sau. Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về sự quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về sự quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không rành rẽ

trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện khác nữa. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, không biết về cách tiến hành sự tranh tụng, không biết về cách giải quyết sự tranh tụng, không rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu bị xem là "*kẻ ngu dốt*" hội đủ năm điều kiện này.

Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, biết về cách tiến hành sự tranh tụng, biết về cách giải quyết sự tranh tụng, rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu được xem là "*vị thông thái*" hội đủ năm điều kiện này.

Phần Đại Biểu là phần thứ chín.

Tóm lược phần này:

[1210]

Không rành rẽ ý nghĩa,
là vị (thường) cáu kỉnh,
nóng nảy, và xao lãng,
chi phối bởi ưa thích,
cũng thế không rành rẽ
về giới bổn, và Pháp,
sự việc, tội vi phạm,
và các sự tranh tụng,
hai phần cho mỗi cặp,
tất cả được giảng giải
hãy hiểu thật rõ ràng
phần tối và phần sáng.

---o0o---

[1211] - Bạch ngài, vị tỳ khưu hội đủ bao nhiêu điều kiện không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng?

- Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội,

không rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, rành rẽ trong việc xác định tội. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, không biết về cách tiến hành sự tranh tụng, không biết về cách giải quyết sự tranh tụng, không rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của sự tranh tụng, biết về cách tiến hành sự tranh tụng, biết về cách giải quyết sự tranh tụng, rành rẽ trong việc xác định sự tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị vô liêm sỉ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị có liêm sỉ. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị nghe ít. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị nghe nhiều. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không biết về sự việc,

không biết về duyên khởi, không biết về sự quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về sự quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị không rành rẽ về Luật. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị rành rẽ về Luật. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị tôn trọng cá nhân không tôn trọng hội chúng. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị tôn trọng hội chúng không tôn trọng cá nhân. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện khác nữa không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị tôn trọng tài vật không tôn trọng Chánh Pháp. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị tôn trọng Chánh Pháp không tôn trọng tài vật. Này Upāli, vị tỳ khưu hội đủ năm điều kiện này đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng.

[1212] - Bạch ngài, hội chúng bị chia rẽ do bao nhiêu cách?

- Này Upāli, hội chúng bị chia rẽ do năm cách. Do năm (cách) gì? Do hành sự, do sự đọc tụng (giới bổn), trong khi phát biểu, do lời thông báo, do cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, hội chúng bị chia rẽ do năm cách này.

[1213] - Bạch ngài, có điều nói rằng: "*Sự bất đồng trong hội chúng*." Bạch ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?

- Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khưu vãng lai là phận sự của vị vãng lai. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khưu vãng lai không thực hành các phận sự của vị vãng lai; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khưu thường trú là phận sự của vị thường trú. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khưu thường trú không thực hành các phận sự của vị thường trú; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khưu ở trong nhà ăn là phận sự ở nhà ăn: chỗ ngồi hạng nhất, nước uống hạng nhất, thức ăn hạng nhất tùy theo thâm niên, tùy theo (số lượng) đêm, tùy theo sự chính đáng. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khưu mới tu chiếm chỗ ngồi của các tỳ khưu trưởng lão ở trong nhà ăn; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khưu ở trong chỗ trú ngụ là phận sự đối với chỗ trú ngụ: tùy theo thâm niên, tùy theo (số lượng) đêm, tùy theo sự chính đáng. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khưu mới tu chiếm chỗ trú ngụ của các tỳ khưu trưởng lão; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khưu ở trong ranh giới (sīmā) là chung lễ *Uposatha*, chung lễ *Pavāraṇā*, chung hành sự của hội chúng, chung hành sự có tính tiếp diễn. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, ngay tại nơi ấy ở trong ranh giới, sau khi tách riêng rẽ, sau khi kết thành nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ, thực hiện hành sự có tính tiếp diễn riêng rẽ; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Phần Giải Quyết sự Tranh Tụng là phần thứ mười.

Tóm lược phần này:

[1214]

Tội vi phạm, tranh tụng,
vì ưa thích, nghe ít,
sự việc, không rành rẽ,
cá nhân, với tài vật,

(hội chúng) bị chia rẽ,
sự bất đồng hội chúng,
và chia rẽ hội chúng
đều giống như thế ấy.

---o0o---

[1215] - Bạch ngài, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ bao nhiêu điều kiện là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được?

- Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện quan điểm (sai trái) bằng hành sự. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện quan điểm (sai trái) bằng sự đọc tụng (giới bổn). Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện quan điểm (sai trái) trong khi phát biểu. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện quan điểm (sai trái) bằng lời thông báo. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện quan điểm (sai trái) bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện điều mong mỏi bằng hành sự. ...(như trên)... đã thể hiện điều mong mỏi bằng sự đọc tụng (giới bổn). ...(như trên)... đã thể hiện điều mong mỏi trong khi phát biểu. ...(như trên)... đã thể hiện điều mong mỏi bằng lời thông báo. ...(như trên)... đã thể hiện điều mong mỏi bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện điều khao khát bằng hành sự. ...(như trên)... đã thể hiện điều khao khát bằng sự đọc tụng (giới bổn). ...(như trên)... đã thể hiện điều khao khát trong khi phát biểu. ...(như trên)... đã thể hiện điều khao khát bằng lời thông báo. ...(như trên)... đã thể hiện điều khao khát bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã thể hiện ý định bằng hành sự. ...(như trên)... đã thể hiện ý định bằng sự đọc tụng (giới bổn). ...(như trên)... đã thể hiện ý định trong khi phát biểu. ...(như trên)... đã thể hiện ý định bằng lời thông báo. ...(như trên)... đã thể hiện ý định bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Phần Chia Rẽ Hội Chúng là phần thứ mười một.
Tóm lược phần này:
[1216]
Đã thể hiện quan điểm
bằng hành sự, đọc tụng
lời phát biểu, thông báo,
bằng thẻ, năm cách này
phụ thuộc vào quan điểm,
còn ba đường hướng kia:
điều mong mỏi, khao khát,
ý định, cũng năm phần.

---o0o---

[1217] - Bạch ngài, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ bao nhiêu điều kiện là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?
- Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có đổi thể khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện quan điểm (sai trái) bằng hành sự. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện quan điểm (sai trái) bằng sự đọc tụng (giới bổn). Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện quan điểm (sai trái) trong khi phát biểu. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện

này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện quan điểm (sai trái) bằng lời thông báo. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện quan điểm (sai trái) bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện điều mong mỏi bằng hành sự. ...(như trên)... đã không thể hiện điều mong mỏi bằng sự đọc tụng (giới bổn). ...(như trên)... đã không thể hiện điều mong mỏi trong khi phát biểu. ...(như trên)... đã không thể hiện điều mong mỏi bằng lời thông báo. ...(như trên)... đã không thể hiện điều mong mỏi bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện điều khao khát bằng hành sự. ...(như trên)... đã không thể hiện điều khao khát bằng sự đọc tụng (giới bổn). ...(như trên)... đã không thể hiện điều khao khát trong khi phát biểu. ...(như trên)... đã không thể hiện điều khao khát bằng lời thông báo. ...(như trên)... đã không thể hiện điều khao khát bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu

sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện khác nữa là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (điều kiện) gì? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là "*Pháp*," tuyên bố Pháp là: "*Phi Pháp*," tuyên bố phi Luật là: "*Luật*," tuyên bố Luật là: "*Phi Luật*," đã không thể hiện ý định bằng hành sự. ...(như trên)... đã không thể hiện ý định bằng sự đọc tụng (giới bổn). ...(như trên)... đã không thể hiện ý định trong khi phát biểu. ...(như trên)... đã không thể hiện ý định bằng lời thông báo. ...(như trên)... đã không thể hiện ý định bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng hội đủ năm điều kiện này là kẻ không phải gánh chịu sự bất hạnh, không gánh chịu cảnh địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Phần Chia Rẽ Hội Chúng thứ nhì là phần thứ mười hai.

Tóm lược phần này:

[1218]

Đã thể hiện quan điểm
bằng hành sự, đọc tụng
lời phát biểu, thông báo,
bằng thẻ, năm cách này
phụ thuộc vào quan điểm,
còn ba đường hướng kia:
điều mong mỏi, khao khát,
ý định, cũng năm phần.
Tương tợ hai mươi lối
trong phần tối ở trên,
cũng vậy, hãy hiểu rõ
về hai mươi phần sáng.

---o0o---

[1219] - Bạch ngài, vị tỳ khưu thường trú hội đủ bao nhiêu điều kiện bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế?

- Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị sử dụng vật thuộc về hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện này bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế.

Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện được sanh vào cõi trời tương ứng với việc đã làm như thế. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị không sử dụng vật thuộc về hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện này được sanh vào cõi trời tương ứng với việc đã làm như thế.

[1220] - Bạch ngài, có bao nhiêu cách giải thích Luật sai Pháp?

- Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. Thế nào là năm? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu thuyết phục rằng phi Pháp là "*Pháp*," thuyết phục rằng Pháp là: "*Phi Pháp*," thuyết phục rằng phi Luật là: "*Luật*," thuyết phục rằng Luật là: "*Phi Luật*," vị quy định điều chưa được quy định và hủy bỏ điều đã được quy định. Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp.

Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. Thế nào là năm? Này Upāli, trong trường hợp này vị tỳ khưu thuyết phục rằng phi Pháp là "*Phi Pháp*," thuyết phục rằng Pháp là: "*Pháp*," thuyết phục rằng phi Luật là: "*Phi Luật*," thuyết phục rằng Luật là: "*Luật*," vị không quy định điều chưa được quy định và không hủy bỏ điều đã được quy định. Này Upāli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp.

[1221] - Bạch ngài, vị sắp xếp bữa ăn hội đủ bao nhiêu điều kiện bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế?

- Này Upāli, vị sắp xếp bữa ăn hội đủ năm điều kiện bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị không biết (bữa ăn) đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện này bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế.

Này Upāli, vị sắp xếp bữa ăn hội đủ năm điều kiện được sanh vào cõi trời tương ứng với việc đã làm như thế. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết (bữa ăn) đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện này được sanh vào cõi trời tương ứng với việc đã làm như thế.

Này Upāli, vị phân bố chỗ trú ngụ ...(như trên)... vị giữ kho đồ đạc…(như trên)… vị tiếp nhận y …(như trên)… vị phân chia y …(như trên)… vị phân chia cháo …(như trên)… vị phân chia trái cây …(như trên)… vị phân chia thức ăn khô …(như trên)… vị phân chia vật linh tinh …(như trên)… vị tiếp nhận y khoác ngoài, …(như trên)… vị tiếp nhận bình bát, …(như trên)… vị quản trị các người phụ việc chùa, …(như trên)… vị quản trị các sa di hội đủ năm điều kiện bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế. Với năm (điều kiện) gì? Là vị bị chi phối bởi sự ưa thích, bị chi phối bởi sự sân hận, bị chi phối bởi sự si mê, bị chi

phối bởi sự sợ hãi, là vị không biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện này bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế.

Này Upāli, vị quản trị các sa di hội đủ năm điều kiện được sanh vào cõi trời tương ứng với việc đã làm như thế. Với năm (điều kiện) gì? Là vị không bị chi phối bởi sự ưa thích, không bị chi phối bởi sự sân hận, không bị chi phối bởi sự si mê, không bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Này Upāli, vị tỳ khưu thường trú hội đủ năm điều kiện này được sanh vào cõi trời tương ứng với việc đã làm như thế.

Phần Vị Thường Trú là phần thứ mười ba.

Tóm lược phần này:

[1222]

Vị (tỳ khưu) thường trú,
và các điều giải thích,
bữa ăn, và chỗ ngụ,
đồ đạc, tiếp nhận y,
vị chia y, và cháo,
trái cây, vật thực khô,
cùng các vật linh tinh,
vị tiếp nhận tấm choàng,
bình bát, người ở chùa,
vị quản trị sa di.

---o0o---

[1223] - Bạch ngài, có bao nhiêu điều thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*?

- Này Upāli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*. Thế nào là năm? Việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo (đủ cả ba y), sự thọ thực thành nhóm, (sử dụng được nhiều) y theo như nhu cầu, sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Này Upāli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*.

[1224] - Bạch ngài, có bao nhiêu điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không được giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ?

- Này Upāli, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không được giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị (ấy) ngủ khổ sở, thức dậy khổ sở, thấy mộng điều ác xấu, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này Upāli, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không được giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ.

Này Upāli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm được thiết lập, được giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị (ấy) ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy mộng điều ác xấu, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này Upāli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm được thiết lập, được giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ.

[1225] - Bạch ngài, có bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ?

- Này Upāli, đây là năm hạng người không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đã đi vào trong xóm nhà không nên được đảnh lễ, vị đi ở đường lộ không nên được đảnh lễ, vị ở trong bóng tối không nên được đảnh lễ, vị không chú ý đến (sự đảnh lễ) không nên được đảnh lễ, vị đã ngủ không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Khi húp cháo không nên được đảnh lễ, ở trong nhà ăn không nên được đảnh lễ, vị tách riêng một mình (do oán giận) không nên được đảnh lễ, vị chú ý vào việc khác không nên được đảnh lễ, vị lõa thể không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị trong khi đang nhai (vật thực cứng) không nên được đảnh lễ, trong khi đang ăn (vật thực mềm) không nên được đảnh lễ, vị đang đại tiện không nên được đảnh lễ, vị đang tiểu tiện không nên được đảnh lễ, vị bị án treo không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vị chưa tu lên bậc trên không nên được đảnh lễ, vị không đồng cộng trú, vị thâm niên hơn là vị nói sai Pháp không nên được đảnh lễ, người nữ không nên được đảnh lễ, người vô căn không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

Này Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị thực hành hành phạt *parivāsa* không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng thực thi hành phạt lại từ đầu không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng hành phạt *mānatta* không nên được đảnh lễ, vị thực hành hành phạt *mānatta* không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ.

[1226] - Bạch ngài, có bao nhiêu hạng người nên được đảnh lễ?

- Này Upāli, đây là năm hạng người nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị không đồng cộng trú thâm niên hơn là vị nói đúng Pháp nên được đảnh lễ, thầy dạy học nên được đảnh lễ, thầy tế độ nên được đảnh lễ, trong thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi sa-môn, bà-la-môn, chư thiên, và loài

người, đức Như Lai bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này Upāli, năm hạng người này nên được đảnh lễ.

[1227] - Bạch ngài, vị tỳ khưu mới tu sau trong khi đảnh lễ ở chân của vị tỳ khưu thâm niên hơn nên an trú nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân?

- Này Upāli, vị tỳ khưu mới tu sau trong khi đảnh lễ ở chân của vị tỳ khưu thâm niên hơn nên an trú nội tâm năm pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Thế nào là năm? Này Upāli, vị tỳ khưu mới tu sau trong khi đảnh lễ ở chân của vị tỳ khưu thâm niên hơn nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, chà xát khắp hai chân với hai lòng bàn tay, sau khi an trú với sự quý mến và kính trọng, rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Này Upāli, vị tỳ khưu mới tu sau trong khi đảnh lễ ở chân của vị tỳ khưu thâm niên hơn nên an trú nội tâm năm pháp này rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân.

Phần Thành Tựu *Kaṭhina* là phần thứ mười bốn.

Tóm lược phần này:

[1228]

Thành tựu Kaṭhina,
giấc ngủ, khi húp cháo,
đang nhai, vị tu trước,
vị parivāsa,
vị đáng được đảnh lễ
vị thực hành đảnh lễ.

Dứt Nhóm Năm của Upāli.

Tóm lược những phần này:

[1229]

Không nương nhờ, hành sự,
phát biểu, và trình bày,
sự khiển trách, đầu đà,
dối trá, tỳ khưu ni,
đại biểu, sự tranh tụng,
kẻ chia rẽ (hội chúng)
điều thứ năm trước đây,
thường trú, Kaṭhina,
(tất cả) mười bốn phần
đều được giải thích rõ.

---o0o---

XVI. NGUỒN SANH KHỞI

[1230] Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức. 267 Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức.268 Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội không có ý thức. Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội có ý thức.

Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện.269 Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm bất thiện.270 Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm vô ký.271 Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm vô ký. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký,272 thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, thoát tội với tâm vô ký.

[1231] Tội *pārājika* thứ nhất sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *pārājika* thứ nhất sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Tội *pārājika* thứ nhì sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *pārājika* thứ nhì sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *pārājika* thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *pārājika* thứ ba sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *pārājika* thứ tư sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *pārājika* thứ tư sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt bốn tội *pārājika*.

[1232] Tội *saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Tội *saṅghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Tội *saṅghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *saṅghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người người nữ sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(như trên)...

Tội *saṅghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu) sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu) sanh lên với sáu nguồn sanh tội: ...(như trên)...

Tội *saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với sáu nguồn sanh tội: ...(như trên)...

Tội *saṅghādisesa* đến vị bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika* không có nguyên cớ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika* không có nguyên cớ sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(như trên)...

Tội *saṅghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika* sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(như trên)...

Tội *saṅghādisesa* đến vị tỳ khưu là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị tỳ khưu là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *saṅghādisesa* đến các vị tỳ khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ (hội chúng) không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến các vị tỳ khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ (hội chúng) không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *saṅghādisesa* đến vị tỳ khưu khó dạy không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị tỳ khưu khó dạy không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *saṅghādisesa* đến vị tỳ khưu là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *saṅghādisesa* đến vị tỳ khưu là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt mười ba tội *saṅghādisesa*.

[1233] ...(như trên)... Tội *dukkaṭa* đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Tội *dukkaṭa* đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt các tội *sekhiya*.

[1234] Bốn tội *pārājika* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Bốn tội *pārājika* sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

[1235] Mười ba tội *saṅghādisesa* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Mười ba tội *saṅghādisesa* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

[1236] Hai tội *aniyata* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Hai tội *aniyata* sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

[1237] Ba mươi tội *nissaggiya pācittiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Ba mươi tội *nissaggiya pācittiya* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do

ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

[1238] Chín mươi hai tội *pācittiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Chín mươi hai tội *pācittiya* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

[1239] Bốn tội *pāṭidesanīya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Bốn tội *pāṭidesanīya* sanh lên với bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

[1240] Bảy mươi lăm tội *sekhiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

- Bảy mươi lăm tội *sekhiya* sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt Chương Nguồn Sanh Khởi.

Tóm lược chương này:

[1241]

Vô ý thức, và thiện,
nguồn sanh mọi trường hợp,
hãy biết nguồn sanh khởi
theo Pháp có phương thức.

---o0o---

XVII. SƯU TẬP CÁC BÀI KỆ (PHẦN HAI) 273

[1242]

Bao nhiêu tội do thân?
Nhiêu loại làm do khẩu?
Mấy loại tội che giấu?
Nhiêu do duyên xúc chạm?
- Sáu loại tội do thân.
Sáu được làm do khẩu.274
Ba loại có che giấu.275
Năm do duyên xúc chạm.276

[1243]

Rạng đông bao nhiêu tội?
Bao nhiêu đến ba lần?

Ở đây bao nhiêu tội
liên quan đến tám việc?
Tất cả tổng hợp lại
với bao nhiêu loại tội?
- Rạng đông ba loại tội.277
Hai đến lần thứ ba.278
Ở đây có một loại
liên quan đến tám việc.279
Tất cả tổng hợp lại
chỉ có mỗi một điều.280

[1244]

Luật có mấy căn nguyên
được quy định bởi Phật?
Luật có bao nhiêu tội
nghiêm trọng được nói đến?
Về tội phạm xấu xa
bao nhiêu sự che giấu?
- Luật có hai căn nguyên281
được quy định bởi Phật.
Luật có hai loại tội
nghiêm trọng được nói đến.282
Về tội phạm xấu xa
có hai sự che giấu.283

[1245]

Bao nhiêu tội trong làng?
Bao nhiêu do vượt sông?
Mấy loại thịt trọng tội?
Mấy loại thịt tác ác?
- Bốn loại tội trong làng.284
Bốn loại do vượt sông.285
Một loại thịt trọng tội.
Chín loại thịt tác ác.286

[1246]

Ban đêm, bao nhiêu loại
có liên quan đến khẩu?
Ban ngày bao nhiêu loại
có liên quan đến khẩu?
Khi cho bao nhiêu loại?
Bao nhiêu khi thọ lãnh?
- Ban đêm, hai loại tội

có liên quan đến khẩu.287
Ban ngày hai loại tội
có liên quan đến khẩu.288
Khi cho có ba tội.289
Bốn tội khi thọ nhận.290

[1247]

Có bao nhiêu loại tội
đưa đến việc sám hối?
Bao nhiêu tội đã làm
có sự sửa chữa được?
Ở đây, bao nhiêu tội
không có sự sửa chữa
được nói lên bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
- Có năm loại tội phạm
đưa đến việc sám hối.291
Sáu loại tội đã làm
có sự sửa chữa được.292
Ở đây, một loại tội
không có sự sửa chữa
được nói lên bởi Phật
là thân quyến mặt trời.

[1248]

Bao nhiêu loại tội nặng
của Luật được nói đến
có liên quan thân khẩu?
Lúc sái thời mấy loại
có vị của lúa gạo?
Bao nhiêu sự thỏa thuận
thông báo lần thứ tư?
- Có hai loại tội nặng
của Luật được nói đến
có liên quan thân khẩu.
Lúc sái thời một loại
có vị của lúa gạo.293
Có một sự chỉ định
thông báo lần thứ tư.294

[1249]

Tội pārājika
bao nhiêu thuộc về thân?

Có bao nhiêu nền tảng
của việc đồng cộng trú?
Bao nhiêu việc đứt đêm?
Về việc hai lóng tay
bao nhiêu đã quy định?
- Tội pārājika
hai điều thuộc về thân.295
Và có hai nền tảng
của việc đồng cộng trú.296
Đứt đêm của hai hạng.297
Về việc hai lóng tay
hai điều đã quy định.298
[1250]
Tự đánh mình mấy tội?
Việc chia rẽ hội chúng
bao nhiêu tội vi phạm?
Ở đây có bao nhiêu
tội phạm ngay tức thời?
Bao nhiêu vì thông báo?
- Tự đánh mình hai tội.299
Hội chúng bị chia rẽ
theo hai cách thực hiện.300
Ở đây có hai loại
tội phạm ngay tức thời301
Hai loại do thông báo.
[1251]
Hại mạng sống mấy tội?
Bao nhiêu vì lời nói
phạm pārājika?
Việc nói lời (dâm dục)
mấy tội được nói đến?
Bao nhiêu vì mai mối?
- Hại mạng sống ba tội.
Vì lời nói vi phạm
ba pārājika.302
Việc nói lời (dâm dục)
ba tội được nói đến.303
Ba tội vì mai mối.
[1252]

Có bao nhiêu hạng người
không được tu bậc trên?
Bao nhiêu việc hợp lại
thuộc về các hành sự?
Những kẻ bị trục xuất
bao nhiêu được nói đến?
Một tuyên ngôn mấy người?
- Có đến ba hạng người
không được tu bậc trên.
Có ba việc hợp lại
thuộc về các hành sự.304
Những kẻ bị trục xuất
ba người được nói đến.305
Một tuyên ngôn ba người306

[1253]

Mấy tội về trộm cắp?
Mấy vì việc đôi lứa?
Chặt đứt bao nhiêu tội?
Bao nhiêu do quăng bỏ?
- Ba tội về trộm cắp.
Bốn vì việc đôi lứa.
Chặt đứt ba loại tội.
Năm do việc đổ bỏ.307

[1254]

Các tội dukkaṭa
và pācittiya
thuộc phần giáo giới ni
trường hợp ấy bao nhiêu
nhóm chín được nói đến?
Và y của mấy hạng?
- Dukkaṭa đã làm
và pācittiya
thuộc phần giáo giới ni
trường hợp ấy có bốn
nhóm chín được nói đến.308
Và y của hai hạng.

[1255]

Nói về tỳ khưu ni
bao nhiêu ưng phát lộ?
Còn các vị thọ thực

hạt thóc lúa chưa xay
bao nhiêu dukkaṭa
và pācittiya?
- Nói về tỳ khưu ni
tám phát lộ đã làm.
Còn các vị thọ thực
hạt thóc lúa chưa xay
đã có dukkaṭa
và pācittiya.309

[1256]
Đi đến bao nhiêu tội?
Hoặc đứng có bao nhiêu?
Ngồi xuống bao nhiêu tội
Và nằm xuống bao nhiêu?
- Đi đến bốn loại tội.
Hoặc đứng cũng bấy nhiêu.
Ngồi xuống bốn loại tội.
Nằm xuống cũng thế ấy.

[1257]
Tất cả khác sự vật
vi phạm đồng một lượt
không trước và không sau
mấy điều ưng đối trị?
- Tất cả khác sự vật
vi phạm đồng một lượt
không trước và không sau
năm điều ưng đối trị.310

[1258]
Tất cả khác sự vật
vi phạm đồng một lượt
không trước và không sau
mấy điều ưng đối trị?
- Tất cả khác sự vật
vi phạm đồng một lượt
không trước và không sau
chín điều ưng đối trị.311

[1259]
Tất cả khác sự vật
bao nhiêu ưng đối trị?
Có thể sám hối tội

với bao nhiêu lời nói
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời?
- Tất cả khác sự vật
năm tội ưng đối trị.
Có thể sám hối tội
chỉ với một lời nói
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời.

[1260]

Tất cả khác sự vật
bao nhiêu ưng đối trị?
Có thể sám hối tội
với bao nhiêu lời nói
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời?
- Tất cả khác sự vật
chín tội ưng đối trị.
Có thể sám hối tội
chỉ với một lời nói
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời.

[1261]

Tất cả khác sự vật
bao nhiêu ưng đối trị?
Có thể sám hối tội
sau khi báo điều gì
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời?
- Tất cả khác sự vật
năm tội ưng đối trị.
Có thể sám hối tội
sau khi báo sự việc
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời.

[1262]

Tất cả khác sự vật
bao nhiêu ưng đối trị?
Có thể sám hối tội
sau khi báo điều gì

đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời?
- Tất cả khác sự vật
chín tội ưng đối trị.
Có thể sám hối tội
sau khi báo sự việc
đã được đề cập đến
bởi thân quyến mặt trời.

[1263]

Bao nhiêu tội vi phạm
cho đến lần thứ ba?
Bao nhiêu do phát biểu?
Bao nhiêu tội khi nhai?
Bao nhiêu do vật thực?
- Ba loại tội vi phạm
cho đến lần thứ ba.312
Sáu loại do phát biểu.313
Ba loại tội khi nhai.314
Năm tội vì vật thực.315

[1264]

Tất cả các điều học
cho đến lần thứ ba
đưa đến bao nhiêu tội?
Tội của bao nhiêu người?
Tranh tụng của bao nhiêu?
- Tất cả các điều học
cho đến lần thứ ba
đưa đến năm loại tội.316
Tội của năm hạng người.317
Tranh tụng của năm hạng.

[1265]

Công việc xét xử (tội)
là của bao nhiêu hạng?
Giải quyết của bao nhiêu?
Vô tội của bao nhiêu?
Mấy nơi vị chói sáng?
- Công việc xét xử (tội)
là của năm hạng người.
Giải quyết của năm hạng.

Vô tội của năm hạng.
Vị chói sáng ba nơi.318

[1266]

Bao nhiêu về ban đêm
có liên hệ đến thân?
Bao nhiêu về ban ngày
có liên hệ đến thân?
Nhìn chăm chú mấy tội?
Bao nhiêu do khất thực?
- Hai loại về ban đêm
có liên hệ đến thân.
Hai loại về ban ngày
có liên hệ đến thân.319
Nhìn chăm chú một tội.320
Một tội do khất thực.321

[1267]

Bao nhiêu điều lợi ích
thấy được rồi sám hối
vì niềm tin kẻ khác?
Về vị phạt án treo
nói đến bao nhiêu loại?
Thực hành đúng bao nhiêu?
- Trong tám điều lợi ích
thấy được rồi sám hối
vì niềm tin kẻ khác.322
Về vị phạt án treo
nói đến có ba loại.323
Hành đúng bốn mươi ba.324

[1268]

Nói dối mấy trường hợp?
Bao nhiêu gọi "tối đa"?
Bao nhiêu ưng phát lộ?
Thú tội của bao nhiêu?
- Nói dối năm trường hợp325
Mười bốn gọi "tối đa."326
Mười hai ưng phát lộ.327
Thú tội của bốn hạng.328

[1269]

Nói dối mấy chi phần?
Lễ Bố Tát mấy việc?

Sứ giả bao nhiêu điều?
Ngoại đạo mấy sở hành?
- Nói dối tám chi phần.
Lễ Bố Tát tám việc.
Sứ giả tám đức tánh.329
Ngoại đạo tám sở hành.330

[1270]

Việc tu lên bậc trên
có bao nhiêu lời đọc?
Mấy người nên đứng dậy?
Nhường chỗ cho mấy người?
Giáo giới tỳ khưu ni
cần bao nhiêu điều kiện?
- Việc tu lên bậc trên
có đến tám lời đọc.331
Tám người nên đứng dậy.
Nhường chỗ cho tám người.332
Giáo giới tỳ khưu ni
vị có tám điều kiện.333

[1271]

Chia rẽ của bao nhiêu?
Bao nhiêu phạm trọng tội?
Vô tội là bao nhiêu?
Một việc cho tất cả?
- Một vị bị đứt đoạn.
Bốn vị phạm trọng tội.
Vô tội cho bốn vị.
Một việc cho tất cả.334

[1272]

Mấy sự việc phá hoại?
Hội chúng bị chia rẽ
bởi số lượng bao nhiêu?
Trường hợp này bao nhiêu
vị phạm tội tức thời?
Bao nhiêu do thông báo?
- Chín sự việc phá hoại.
Hội chúng bị chia rẽ
bởi chín vị tỳ khưu.
Trường hợp này có chín

vị phạm tội tức thời.
Chín việc do thông báo.

[1273]

Có bao nhiêu hạng người
không nên được đảnh lễ
chắp tay đúng lễ nghi?
Và tội dukkaṭa
là của bao nhiêu người?
Cất giữ y nhiêu ngày?
- Có đến mười hạng người
không nên được đảnh lễ
chắp tay đúng lễ nghi.335
Và tội dukkaṭa
đối với mười hạng người.336
Cất giữ y mười ngày.

[1274]

Y này dâng nhiêu vị
đã trải qua mùa mưa?
Nên dâng khi hiện diện
đến được bao nhiêu vị?
Bao nhiêu chẳng nên dâng?
- Y này dâng năm vị
đã trải qua mùa mưa.337
Nên dâng khi hiện diện
(tổng cộng) là bảy vị.338
Mười sáu chẳng nên dâng.339

[1275]

Che giấu mấy trăm tội
thời gian một trăm đêm?
Vị parivāsa
bao nhiêu đêm trú ngụ
có thể được tự do?
- Che giấu mười trăm tội
thời gian một trăm đêm.
Vị parivāsa
đã trú ngụ mười đêm
thời có thể tự do.340

[1276]

Việc hư hỏng hành sự
bao nhiêu nói bởi Phật

là thân quyến mặt trời?
Trong sự việc về Luật
ở Campā sai pháp
tất cả là bao nhiêu?
- Việc hư hỏng hành sự
mười hai nói bởi Phật341
là thân quyến mặt trời.
Trong sự việc về Luật
đã làm ở Campā
tất cả đều sai pháp.

[1277]

Việc thành tựu hành sự
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời
trong sự việc về Luật
ở Campā đúng pháp
tất cả là bao nhiêu?
- Việc thành tựu hành sự
bốn được nói bởi Phật342
là thân quyến mặt trời.
Trong sự việc về Luật
đã làm ở Campā
tất cả đều đúng pháp.

[1278]

Có bao nhiêu hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Trong sự việc về Luật
ở Campā đúng pháp
sai pháp là bao nhiêu?
- (Cả thảy) sáu hành sự343
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Trong sự việc về Luật
đã làm ở Campā
nơi ấy một đúng pháp,
năm (hành sự) sai pháp
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.

[1279]

Có bao nhiêu hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Trong sự việc về Luật
ở Campā đúng pháp
sai pháp là bao nhiêu?
- (Cả thảy) bốn hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Trong sự việc về Luật
đã làm ở Campā
nơi ấy một đúng pháp,
ba (hành sự) sai pháp
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.

[1280]

Các nhóm tội vi phạm
được giảng bởi vị ấy
đấng Chiến Thắng vô biên
bậc thấy được thoát ly
ở đây bao nhiêu tội
lắng dịu không dàn xếp?
- Các nhóm tội vi phạm
được giảng bởi vị ấy
đấng Chiến Thắng vô biên
bậc thấy được thoát ly
ở đây có một tội
lắng dịu không dàn xếp344
hỡi vị rành phân giải
tôi đáp ngài điều ấy.

[1281]

Bao nhiêu kẻ chịu khổ
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Một trăm bốn mươi bốn
kẻ chịu khổ địa ngục
tồn tại tròn một kiếp
hạng chia rẽ hội chúng

được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.345
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1282]

Bao nhiêu không chịu khổ
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Mười tám không chịu khổ
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1283]

Có bao nhiêu nhóm tám
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Có mười tám nhóm tám
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1284]

Có bao nhiêu hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Có mười sáu hành sự346
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1285]

Việc hư hỏng hành sự
bao nhiêu nói bởi Phật

là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Việc hư hỏng hành sự
mười hai nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1286]

Việc thành tựu hành sự
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Việc thành tựu hành sự
bốn được nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1287]

Có bao nhiêu hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Có đến sáu hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1288]

Có bao nhiêu hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Có đến bốn hành sự
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.

Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1289]

Tội pārājika
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Tội pārājika
tám được nói bởi Phật347
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1290]

Saṅghādisesa
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Saṅghādisesa
Phật nói hai mươi ba
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1291]

Tội aniyata
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Tội aniyata
hai được nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1292]

Tội nissaggiya
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải

của ngài vị giảng Luật.
- Tội nissaggiya
Phật nói bốn mươi hai
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1293]

Tội pācittiya
bao nhiêu nói bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Tội pācittiya
một trăm tám mươi tám
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1294]

Bao nhiêu ưng phát lộ
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Mười hai ưng phát lộ
được nói đến bởi Phật
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.
Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.

[1295]

Bao nhiêu ưng học pháp
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời?
Chúng tôi nghe lời giải
của ngài vị giảng Luật.
- Bảy mươi lăm học pháp
được nói đến bởi Phật
được nói đến bởi Phật
là thân quyến mặt trời.

Hãy nghe lời giải đáp
của tôi vị giảng Luật.
Khi ngài còn khéo hỏi
tôi sẽ còn giải đáp,
do việc hỏi và đáp
không có gì không rõ.
Dứt Sưu Tập các Bài Kệ (Phần Hai).

---o0o---

XVIII. CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MỒ HÔI 348

[1296]
Vị không đồng cộng trú
cùng với các tỳ khưu
và các tỳ khưu ni,
vị ấy không có được
một việc đồng thọ hưởng,
và không bị phạm tội
do việc không xa rời?349
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1297]
Không phân tán phân chia,
năm vật được nói đến
bởi vị Đại Ẩn Sĩ.
Vị trong lúc phân chia
và trong lúc thọ dụng
sao lại không phạm tội?350
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1298]
Tôi không đề cập đến
về mười hạng cá nhân,
(và) hạng thứ mười một
cũng cần phải tách ra?351
Khi đảnh lễ vị lớn
tại sao lại phạm tội?352
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1299]

Vị không bị án treo
không parivāsa
không chia rẽ hội chúng
không thay đổi phe nhóm,
tồn tại trên nền tảng
cùng chung đồng cộng trú,
vì sao việc học tập
được áp dụng riêng biệt?353
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1300]

Vị được hỏi về Pháp
đạt đến chân thiện mỹ
có liên hệ mục đích,
vị không sống không chết
cũng không phải Niết Bàn;
hạng người ấy là gì
được chư Phật nói đến?354
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1301]

Tôi không đề cập đến
phần trên của xương đòn
nên tránh phần dưới rốn,
do duyên việc đôi lứa
vì sao lại vi phạm
tội pārājika?355
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1302]

Tỳ khưu tự yêu cầu
rồi xây dựng cốc liêu
nền đất chưa xác định
và vượt quá kích thước
ở chỗ có nguy hiểm
không trống trải, không tội?356
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1303]

Tỳ khưu tự yêu cầu
rồi xây dựng cốc liêu
nền đất được xác định
và theo đúng kích thước
ở chỗ không nguy hiểm
trống trải, lại phạm tội?357
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1304]

Vị không làm hành động
có liên quan đến thân
và cũng không nói về
những người khác bằng lời
lại vi phạm tội nặng
nền tảng bị cắt rời?358
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1305]

Người tốt không làm ác
bằng thân, khẩu, hoặc ý,
sao vị ấy bị đuổi
bị trục xuất toàn diện?359
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1306]

Không chuyện trò với ai,
không nói những người khác
lời nói nào bằng khẩu
sao lại vi phạm tội
bằng khẩu không bằng thân?360
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1307]

Đức Phật vị cao quý
ca ngợi các điều học
có thể là bốn điều
saṅghādisesa,
có thể phạm tất cả
chỉ do một điều kiện?361

Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1308]

Hai vị tỳ khưu ni
được tu một hội chúng
(tỳ khưu) thọ nhận y
từ tay của hai vị
sao tội lại khác nhau?362
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1309]

Bốn vị hẹn hò trước
đã lấy trộm trọng vật
ba pārājika
còn một vị không phạm?363
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1310]

Người nữ ở bên trong
tỳ khưu ở bên ngoài
ngôi nhà không lổ hỗng
do duyên việc đôi lứa
vì sao lại vi phạm
tội pārājika?364
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1311]

Dầu ăn, mật, đường, bơ,
tự thọ lãnh, để riêng
chưa trải qua bảy ngày
khi có duyên thọ dụng
vì sao lại phạm tội?365
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1312]

Tội nissaggiya
và tội kia thuần túy
là pācittiya,
sao phạm chung một lượt?366

Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1413]

Hai mươi vị tỳ khưu
hội tụ làm hành sự
tưởng rằng có hợp nhất
có vị tỳ khưu đứng
xa mười hai do-tuần
làm hỏng hành sự ấy
vì lý do phe nhóm?367
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1314]

Vị nói lên bằng lời
với khoảng cách bước dài
vi phạm chung một lượt
sáu mươi bốn tội phạm
tất cả đều tội nặng
có sự sửa chữa được?368
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1315]

Đã quấn vào y nội
trùm lên y hai lớp,
tất cả các y ấy
phạm nissaggiya?369
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1316]

Không có lời đề nghị
không tuyên ngôn hành sự
đấng Chiến Thắng không nói:
"Hãy đến, này tỳ khưu"
vị ấy cũng chẳng có
sự nương tựa (Tam Quy)
sự tu lên bậc trên
bền vững cho vị ấy?370
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1317]

Giết người nữ và nam
không phải mẹ hoặc cha
kẻ ngu giết người phàm
do vậy, vô gián nghiệp?371
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1318]

Giết người nữ là mẹ
giết người nam là cha
giết cả cha lẫn mẹ
không phạm vô gián nghiệp?372
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1319]

Sau khi không khiển trách
sau khi không nhắc nhở
hội chúng làm hành sự
đến vị không hiện diện
hành sự đã được làm
đã được làm hoàn hảo
hội chúng, vị tiến hành
không bị vi phạm tội?373
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1320]

Sau khi đã khiển trách
sau khi đã nhắc nhở
hội chúng làm hành sự
đến vị đang hiện diện
hành sự đã được làm
trở thành chưa thực hiện
hội chúng, vị tiến hành
đều bị vi phạm tội?374
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1321]

Vị chặt đứt phạm tội,
vị chặt đứt không phạm,
vị che đậy phạm tội,
vị che đậy không phạm?375

Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1322]

Nói sự thật tội nặng,
và nói dối tội nhẹ,
nói dối phạm tội nặng,
nói sự thật tội nhẹ?376
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1323]

Chú nguyện để dùng riêng,
đã nhuộm bằng thuốc nhuộm,
vật có làm đúng phép
sử dụng lại phạm tội?377
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1324]

Khi mặt trời đã lặn,
vị tỳ khưu nhai thịt,
không điên, tâm không loạn,
không bị thọ khổ hành,
vị ấy không phạm tội,
và do đức Thiện Thệ
đã giảng giải điều ấy.378
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1325]

Không có tâm nhiễm dục,
không có ý trộm cắp,
vị không có ý nghĩ
việc giết hại người khác,
vị trao thẻ bị đoạn,
người nhận chịu trọng tội?379
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1326]

Không phải chỗ ở rừng
xác định có nguy hiểm,
đồng ý của hội chúng
cũng chưa được ban cho,

Kaṭhina vị ấy
đã không được thành tựu,
bỏ y ngay chỗ ấy
vị đi nửa do-tuần
khi rạng đông đã đến
không tội cho vị ấy?380
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1327]

Tất cả khác sự việc
do thân không do khẩu
không trước và không sau
vi phạm chung một lượt?381
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1328]

Tất cả khác sự việc
do khẩu không do thân
không trước và không sau
vi phạm chung một lượt?382
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1329]

Không làm việc đôi lứa
nơi ba hạng người nữ,
ba hạng phàm, vô căn,
và ba hạng người nam,
không hành việc lứa đôi
ở chỗ vật biểu tượng
sao lại bị cắt đứt
vì duyên việc đôi lứa?383
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1330]

Vị xin y, cho mẹ,
của hội chúng không màng,
ở thân quyến không tội ,
phạm tội do điều gì?384
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1331]
Vị giận lại hài lòng,
giận dữ đáng chê bai,
nổi giận lại bật cười
điều ấy có tên gì?385
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1332]
Vị hoan hỷ hài lòng
hoan hỷ đáng chê bai,
hoan hỷ lại đáng chê
điều ấy có tên gì?
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1333]
Saṅghādisesa,
tội thullaccaya,
tội pācittiya,
thêm tội ưng phát lộ,
và tội dukkaṭa,
bị phạm chung một lượt?386
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1334]
Hai vị đều tròn đủ
hai mươi tuổi cả hai
chung vị thầy tế độ
cùng chung thầy giáo thọ
chung tuyên ngôn hành sự,
một được lên bậc trên
một vị lại không được?387
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.
[1335]
Chưa làm thành được phép,
chưa được nhuộm với màu
vị quấn vào y ấy
rồi đi theo ý thích
không tội cho vị ấy,388
do chính đức Thiện Thệ

đã giảng giải điều ấy.
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1336]

Không cho, không thọ nhận,
vị nhận không rõ việc
phạm do duyên thọ dụng
tội ấy nặng không nhẹ?389
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1337]

Không cho, không thọ nhận,
vị nhận không rõ việc
phạm do duyên thọ dụng
tội ấy nhẹ không nặng?390
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

[1338]

Vi phạm rồi che giấu
tội nặng còn dư sót
bởi vì không tôn trọng
tỳ khưu ni không phạm
và không đưa đến tội?391
Nghĩ ra câu hỏi này
là các vị rành rẽ.

Dứt Các Bài Kệ Xuất Mồ Hôi.

Tóm lược phần này:

[1339]

Không được đồng cộng trú,
không phân tán, mười (hạng),
vị không bị án treo,
vị đi đến với Pháp,
phần trên của xương đòn,
hai điều tự yêu cầu,
không tội nặng do thân,
không liên hệ đến thân
bị trục xuất toàn diện,
không nói, và điều học,
cả hai, và bốn vị,
người nữ, và dầu ăn,

tội nissaggiya,
và các vị tỳ khưu,
với khoảng cách bước dài,
đã quấn vào y nội,
và không lời đề nghị,
không giết mẹ giết cha,
sau khi không khiển trách
sau khi không nhắc nhở,
chặt đứt, và sự thật,
chú nguyện, trời đã lặn,
không có tâm nhiễm dục,
không phải chỗ ở rừng,
do thân và do khẩu,
ba người nữ, và mẹ,
giận, hài lòng, hoan hỷ,
tội tăng tàng, cả hai,
chưa làm thành được phép,
không cho, và không cho,
vị vi phạm tội nặng,
lời kệ là câu hỏi
làm xuất ra mồ hôi
được giải nhờ bậc trí.

---o0o---

XIX. NĂM PHẦN

[1340] Bốn loại hành sự: hành sự công bố, hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì bao nhiêu nguyên nhân?

- Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì năm nguyên nhân: hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời thông báo, hoặc là vì ranh giới (sīmā), hoặc là vì tập thể.

[1341] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc?

- Vị thực hiện loại hành sự nên được thực hiện với sự có mặt theo lối vắng mặt; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện loại hành sự nên được thực hiện với sự thẩm vấn theo lối không có sự thẩm vấn; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện loại hành sự nên được thực hiện với sự thú nhận theo lối không có sự thú nhận; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai

pháp. Thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị xứng đáng cách hành xử Luật khi không điên cuồng; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự khiển trách đối với vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị xứng đáng hành sự khiển trách; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị xứng đáng hành sự chỉ dạy; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự hòa giải đối với vị xứng đáng hành sự xua đuổi; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự án treo đối với vị xứng đáng hành sự hòa giải; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Ban cho hành phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho thực hành lại từ đầu vị xứng đáng hành phạt *parivāsa*; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Ban cho hành phạt *mānatta* đến vị xứng đáng sự thực hành lại từ đầu; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Giải tội vị xứng đáng hành phạt *mānatta*; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên vị xứng đáng sự giải tội; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện lễ *Uposatha* không vào ngày *Uposatha*; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Thực hiện lễ *Pavāraṇā* không vào ngày *Pavāraṇā*; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc.

[1342] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị?

- Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị bởi năm nguyên nhân: không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghị, hoặc là xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị bởi năm nguyên nhân này.

[1343] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời thông báo?

- Các hành sự bị hư hỏng vì lời thông báo bởi năm nguyên nhân: không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần thông báo, hoặc là thông báo không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời thông báo bởi năm nguyên nhân này.

[1344] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới?

- Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới bởi mười một nguyên nhân: thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không có điểm mốc, thỏa thuận ranh giới khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở trong giòng sông, thỏa thuận ranh giới ở trong biển cả, thỏa thuận ranh giới ở trong hồ thiên nhiên, gối ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ), trùm ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ). Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới bởi mười một nguyên nhân này.

[1345] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể?

- Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể bởi mười hai nguyên nhân: trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự (kammappattā) các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(như trên)... trong hành sự là công việc của nhóm mười vị, ...(như trên)... trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể bởi mười hai nguyên nhân này.

[1346] Trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực thi hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Trong hành sự là công việc của nhóm năm vị, năm vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực thi hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Trong hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực thi hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực thi hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự.

[1347] Bốn loại hành sự: hành sự công bố, hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì bao nhiêu nguyên nhân?

- Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì năm nguyên nhân: hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời thông báo, hoặc là vì ranh giới (sīmā), hoặc là vì tập thể.

[1348] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc?

- Cho tu lên bậc trên kẻ vô căn; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu); (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ đã chuyển sang ngoại đạo; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên loài thú; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết mẹ; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết cha; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết A-la-hán; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm nhơ nhớp tỳ khưu ni; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ chia rẽ hội chúng; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm (đức Phật) chảy máu; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ lưỡng căn; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi; (hành sự) bị hư hỏng vì sự việc là hành sự sai pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc.

[1349] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị?

- Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị bởi năm nguyên nhân: không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghị, hoặc là xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị bởi năm nguyên nhân này.

[1350] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời thông báo?

- Các hành sự bị hư hỏng vì lời thông báo bởi năm nguyên nhân: không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần thông báo, hoặc là thông báo không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời thông báo bởi năm nguyên nhân này.

[1351] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới?

- Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới bởi mười một nguyên nhân: thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không điểm mốc, thỏa thuận ranh giới trong khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở trong giòng sông, thỏa thuận ranh giới ở trong biển cả, thỏa thuận ranh giới ở trong hồ thiên nhiên, gối ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ), trùm ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ). Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới bởi mười một nguyên nhân này.

[1352] Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể?

- Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể bởi mười hai nguyên nhân: trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(như trên)... trong hành sự là công việc của nhóm mười vị, ...(như trên)... trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các vị tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể bởi mười hai nguyên nhân này.

[1353] Hành sự công bố hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời thông báo hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư hành xử bao nhiêu trường hợp?

- Hành sự công bố hành xử năm trường hợp. Hành sự với lời thông báo hành xử chín trường hợp. Hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp. Hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp.

[1354] Hành sự công bố hành xử năm trường hợp nào?

- Sự phục hồi, sự đuổi đi,392 hành sự cạo tóc (bhaṇḍukamma), hành phạt *Brahma* (Phạm Đàn), và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm.393 Hành sự công bố hành xử năm trường hợp này.

[1355] Hành sự với lời thông báo hành xử chín trường hợp nào?

- Sự phục hồi,394 sự đuổi đi,395 lễ *Uposatha*,396 lễ *Pavāraṇā*, sự đồng ý,397 sự cho lại,398 sự ghi nhận (tội),399 việc dời lui (ngày lễ *Pavāraṇā*), và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ chín.400 Hành sự với lời thông báo hành xử chín trường hợp này.

[1356] Hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp nào?

- Sự phục hồi, sự đuổi đi,401 sự đồng ý,402 sự ban cho,403 sự thâu hồi (Kaṭhina), sự xác định (nền đất),404 và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy.405 Hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp này.

[1357] Hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp nào?

- Sự phục hồi, sự đuổi đi, sự đồng ý, sự ban cho, sự kềm chế, sự nhắc nhở, và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy.406 Hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp này.

[1358] Trong hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực thi hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Trong hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(như trên)... Trong hành sự là công việc của nhóm mười vị, ...(như trên)... Trong hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực thi hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự.

Dứt phần Hành Sự là phần thứ nhất.

[1359] Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Dứt phần Điều Lợi Ích là phần thứ nhì.

[1360] Giới bổn *Pātimokkha* được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: ...(như trên)... Sự đọc tụng giới bổn *Pātimokkha* được quy định ... Sự đình chỉ giới bổn *Pātimokkha* được quy định ... Lễ *Pavāraṇā* được quy định ... Sự đình chỉ lễ *Pavāraṇā* được quy định ... Hành sự khiển trách được quy định ... Hành sự chỉ dạy được quy định ... Hành sự xua đuổi được quy định ... Hành sự hòa giải được quy định ... Hành sự án treo được quy định ... Sự ban cho hành phạt *parivāsa* được quy định ... Sự cho thực hành lại từ đầu được quy định ... Sự ban cho hành phạt *mānatta* được quy định ... Sự giải tội được quy định ... Sự phục hồi được quy định ... Sự đuổi đi được quy định ... Sự tu lên bậc trên được quy định ... Hành sự công bố được quy định ... Hành sự với lời thông báo được quy định ... Hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì được quy định ... Hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư được quy định ...(như trên)...

Dứt phần Sự Quy Định là phần thứ ba.

[1361] Điều đã được quy định ở điều chưa được quy định, điều đã được quy định thêm ở điều đã được quy định ...(như trên)... Cách hành xử Luật với sự hiện diện đã được quy định ...(như trên)... Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được quy định ...(như trên)... Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được quy định ...(như trên)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đã được quy định ...(như trên)... Thuận theo số đông đã được quy định ...(như trên)... Theo tội của vị ấy đã được quy định ...(như trên)... Cách dùng cỏ che lấp đã được quy định nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu

hoặc trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.
Dứt phần Đã Được Quy Định là phần thứ tư.

[1362] Chín cách xếp loại: xếp loại theo sự việc, xếp loại theo sự hư hỏng, xếp loại theo tội, xếp loại theo duyên khởi, xếp loại theo nhân sự, xếp loại theo nhóm, xếp loại theo nguồn sanh tội, xếp loại theo sự tranh tụng, xếp loại theo sự dàn xếp.

[1363] Khi sự tranh tụng sanh khởi, nếu cả hai phe đối địch của sự kiện đều đi đến, sự việc nên được công bố cho cả hai bên; sau khi sự việc đã được công bố cho cả hai bên, sự thừa nhận của cả hai bên nên được lắng nghe; sau khi đã lắng nghe sự thừa nhận của cả hai bên, cả hai bên nên được nói rằng: "*Khi sự tranh tụng này của chúng ta được giải quyết, cả hai bên sẽ được hoan hỷ*." Nếu cả hai bên nói rằng: "*Chúng tôi sẽ hoan hỷ*," hội chúng nên gánh vác sự tranh tụng ấy. Nếu tập

thể có đông kẻ vô liêm sỉ, nên giải quyết bằng đại biểu. Nếu tập thể có đông kẻ ngu dốt, nên tìm kiếm vị rành rẽ về Luật. Sự tranh tụng ấy được giải quyết bằng Pháp nào bằng Luật nào bằng lời dạy nào của bậc Đạo Sư, thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết theo như thế ấy.

[1364] Cần hiểu biết về sự việc. Cần hiểu biết về thể loại. Cần hiểu biết về tên gọi. Cần hiểu biết về tội vi phạm. "*Việc đôi lứa*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Lấy vật không được cho*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Mạng sống con người*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Pháp Thượng nhân*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Pārājika*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Sự xuất ra tinh dịch*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Sự xúc chạm cơ thể*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Lời nói dâm dục*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Tình dục cho bản thân*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Sự mai mối*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc cho xây dựng cốc liêu do tự mình yêu cầu (vật liệu)*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc cho xây dựng trú xá lớn*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc bôi nhọ tỳ khưu về tội pārājika không có nguyên cớ*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc bôi nhọ tỳ khưu về tội pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khưu là người chia rẽ hội chúng*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các vị tỳ khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng)*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khưu khó dạy*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. "*Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khưu là kẻ làm hư hỏng các gia đình*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Saṅghādisesa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm. ...(như trên)... "*Việc đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng*" vừa là sự việc vừa là thể loại. "*Dukkaṭa*" vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

Dứt phần Chín Cách Xếp Loại là phần thứ năm.

Tóm lược chương này:

[1365]

Công bố, và thông báo,
thứ nhì, và thứ tư,,

sự việc, lời đề nghị,
lời thông báo, ranh giới,
và cả tập thể nữa.
Hiện diện, và thẩm vấn,
thú nhận, xứng đáng Luật.
Sự việc, và hội chúng,
nhân sự, (thiếu) đề nghị,
lập lời đề nghị sau.
Sự việc, hội chúng, người,
thông báo, và sái thời.
Quá nhỏ, và lớn rộng,
các điểm mốc gián đoạn,
bóng râm, ở bên ngoài,
giòng sông, và biển cả,
hồ nước, và gối lên,
trùm lên ranh giới (cũ).
Các nhóm bốn và năm,
nhóm mười, và hai mươi,
không đem, đã đem lại,
thiết yếu với hành sự,
xứng đáng gởi tùy thuận,
người xứng đáng hành sự.
Công bố năm trường hợp,
thông báo chín trường hợp,
thông báo đến lần hai
có đến bảy trường hợp,
lần tư bảy trường hợp.
Sự tốt đẹp, an lạc,
kẻ ác xấu, hiền thiện,
và cả các lậu hoặc,
oán hận, và lỗi lầm,
và cả sự sợ hãi,
bất thiện, hàng tại gia,
ác xấu, không niềm tin,
đã có được đức tin,
sự tồn tại Chánh Pháp,
và sự hỗ trợ Luật,
việc đọc tụng giới bổn
Pātimokkha nữa,
Và về sự thiết lập

giới Pātimokkha,
thiết lập lễ Tự Tứ,
khiển trách, và chỉ dạy,
xua đuổi, và hòa giải,
án treo, và hành phạt
tên parivāsa,
từ đầu, mānatta,
việc giải tội, phục hồi,
đuổi đi, cũng như thế
việc tu lên bậc trên,
công bố, và thông báo,
thứ nhì, và thứ tư.
Điều chưa được quy định,
điều được quy định thêm,
Luật hiện diện, ghi nhớ,
không điên, được thừa nhận,
thuận số đông, theo tội,
cách dùng cỏ che lấp.
Sự việc, điều hư hỏng,
tội phạm, sự mở đầu,
với nhân sự, và nhóm,
luôn cả nguồn sanh khởi,
và sự tranh tụng nữa,
dàn xếp, và xếp loại,
tên và tội tương tợ.
Tập Yếu được chấm dứt.

---o0o---

Sau khi hỏi đường lối
các vị thầy tiền bối
ở nơi nầy nơi khác,
bậc có đại trí tuệ
tên gọi là Dīpa
ghi nhớ điều đã nghe,
có tầm nhìn bao quát
suy nghĩ rồi ghi lại
tóm lược chi tiết này
đem lại niềm an lạc
cho những ai học hành

bằng đường lối học tập
theo phương thức trung gian;
tập ấy được gọi là
"Bộ Parivāra."
Tất cả các sự việc,
cùng với điểm đặc biệt,
ý nghĩa theo ý nghĩa
đều ở trong Chánh Pháp,
giáo lý theo giáo lý
ở trong điều quy định.
Trải đều khắp lời dạy
như biển cả bao quanh
xứ Jambūdīpa,
hiểu được bộ Tập Yếu
xác định pháp từ đâu,
điều hư hỏng, sự việc,
quy định, quy định thêm,
nhân vật, một hội chúng,
và luôn cả hai bên,
xuất phát từ lỗi lầm
phổ biến trong thế gian.
Ai hoài nghi sanh khởi
dứt bỏ nhờ Tập Yếu,
như vua Chuyển Luân Vương
giữa đoàn quân vĩ đại,
sư tử giữa bầy nai,
mặt trời tỏa ánh sáng,
như trăng giữa đám sao,
như vị Đại Phạm Thiên
giữa tập thể Phạm Thiên,
như là vị lãnh đạo
ở giữa đám đông người;
cũng tương tợ như thế,
Chánh Pháp và Luật này
chói sáng nhờ Tập Yếu.

---o0o---

Hết

1 Dịch giả I. B. Horner ghi lại theo Winternitz, A History of Indian Literature, Volume ii, p. 33

2 Oskar Von Hinüber, A Handbook of Pāli Literature, xem phần giải thích về Parivāra

3 Vào khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây Lịch

4 Khandhakapucchā = Các câu hỏi về bộ Khandhaka (Chúng tôi đặt tên cho bộ Luật Khandhaka là Hợp Phần gồm có Đại Phẩm và Tiểu Phẩm)

5 Phần này đề cập đến chương I của Đại Phẩm – Mahāvagga, chín phần kế đề cập đến chín chương còn lại. Từ [928] trở đi đề cập đến Tiểu Phẩm – Cullavagga

6 Pācittiya 65 về việc cho tu lên bậc trên người chưa đủ 20 tuổi, thầy tế độ phạm tội pācittiya, các vị còn lại phạm tội dukkaṭa; như vậy là hai loại tội (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

7 Tội thullaccaya cho các vị có dự tính chia rẽ rồi thực hiện lễ Uposatha ... được đề cập ở Đại Phẩm – Mahāvagga, chương II, [195], tội pācittiya trong việc thực hiện lễ Uposatha với vị bị án treo ... [201] và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

8 Tức là tội dukkaṭa

9 Tội thullaccaya đến các vị có dự tính chia rẽ rồi thực hiện lễ Pavāraṇā (Sđd., chương IV, [237]), tội pācittiya trong việc thực hiện lễ Pavāraṇā với vị bị án treo [243], và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

10 Tội thullaccaya về việc sờ mó bộ phận sinh dục bò cái tơ do tâm dâm dục (Sđd., chương V, [13]), tội pācittiya 61 trong việc dìm nước các con bò cái tơ và giết chết, và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

11 Tội thullaccaya về việc mổ xẻ ở xung quanh chỗ kín hai lóng tay (Sđd., chương VI, [57]), tội pācittiya 33 về việc thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

12 Tội thullaccaya về việc mặc biểu tượng của ngoại đạo là (che thân bằng) da linh dương ... (Sđd., chương VIII, [168]), tội nissaggiya pācittiya thứ nhất trong việc sử dụng y phụ trội, và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

13 Một loại tội nên được hiểu là tội dukkaṭa

14 Ngài Buddhaghosa đề cập đến tội pācittiya 79 về vị đã trao sự thỏa thuận rồi lại phê phán hành sự đúng pháp; Tiểu Phẩm – Cullavagga đề cập đến tội pācittiya 12 của vị nói tránh né và gây khó khăn (Chương IV, [614]), tội thứ nhì là tội dukkaṭa

15 Tội thullaccaya đối với vị cắt đi dương vật của bản thân (Sđd., chương V, [28]), tội pācittiya 37 về việc nhai lại, và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
16 Tội thullaccaya về việc phân tán các trọng vật của hội chúng (Sđd., chương VI, [292]), tội pācittiya 17 về việc lôi kéo ra khỏi trú xá của hội chúng, và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
17 Tội thullaccaya đối với các vị xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng (Sđd., chương VII, [395]), tộipācittiya 32 về vật thực dâng chung nhóm (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
18 Tức là chương VIII nói về Phận Sự (Sđd.).
19 Tội pācittiya 57 của tỳ khưu ni do không hành lễ Pavāraṇā (điều này cũng được đề cập đến ở Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương X, [584]) và tội dukkaṭa trong nhiều trường hợp khác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
20 Không thấy trình bày các phần kế tiếp; không rõ do lầm lẫn trong khi kết tập hay bị thất thoát trong việc truyền thừa
21 Tức là sáu nguồn sanh tội theo ba cửa thân, khẩu, và ý (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
22 Tức là bảy pháp dàn xếp sự tranh tụng (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
23 Nếu không tính nhóm tội pārājika, thì nhóm tội saṅghādisesa là tội nặng, năm nhóm tội còn lại là tội nhẹ (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
24 Anavasesā āpatti (tội không còn dư sót) là nhóm tội pārājika, sāvasesā āpatti (tội còn dư sót) là sáu nhóm tội còn lại (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
25 Tội xấu xa là nhóm tội pārājika và saṅghādisesa, tội không xấu xa là năm nhóm tội còn lại (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa)
26 Vi phạm bất cứ tội nào với sự cố ý là chướng ngại cho cõi trời và là chướng ngại cho sự giải thoát. Còn vi phạm tội vì không biết cũng đáng chê trách nhưng không là chướng ngại cho cõi trời và sự giải thoát (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
27 Sāvajjapaññatti nghĩa là lokavajja tức là sự chê trách của thế gian (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
28 Tội do không làm ví dụ như tội không chú nguyện y mới (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
29 Tội do làm và không làm ví dụ như tội bảo xây dựng cốc liêu (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
30 Ngài Buddhaghosa trích dẫn lời giải thích của bộ chú giải Kurundī rằng: Tội vi phạm đầu tiên (pubbāpatti) là tội phạm trước hết. Tội vi phạm đến sau (aparāpatti)

là tội phạm thêm trong thời kỳ xứng đáng hành phạt mānatta. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên (pubbātīnaṃ antarāpatti) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hành phạt parivāsa. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau (aparāpattīnaṃ antarāpatti) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hành phạt mānatta.

31 Khi đã sám hối (nghĩ rằng): "Sau khi buông bỏ gánh nặng, ta sẽ không vi phạm nữa" (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

32 Ngài Buddhaghosa giải thích là tội nặng và tội nhẹ (như phần ở trên).

33 Tội (có nghiệp) xác định (niyatā āpatti): là năm nghiệp vô gián (giết cha, giết mẹ, v.v...).

34 Người không thể phạm tội là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chư Phật Độc Giác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

35 Là sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương IX).

36 Ví dụ như hai tội về việc tuyên bố pháp thượng nhân của vị có thực chứng và của vị không có thực chứng (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

37 Như tội dạy đọc Pháp theo từng câu, v.v... (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

38 Ví dụ như tội vi phạm do việc trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời đến khi ra đi không thu dọn, v.v... (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

39 Nói lời dâm dật với người nữ dầu là sự thật bị vi phạm tội nặng, nói dối cố tình là nói láo vi phạm tội nhẹ (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

40 Khoác lác về pháp thượng nhân không chứng đắc là nói láo vi phạm tội nặng, nói về pháp thượng nhân có chứng đắc đến người chưa tu lên bậc trên là nói sự thật vi phạm tội nhẹ (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

41 Liên quan đến phận sự của vị tỳ khưu xuất hành và vãng lai lúc ra đi hoặc lúc đi đến tu viện (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

42 Có tội vi phạm trong khi áp dụng, ví dụ như vị tỳ khưu ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lóng tay, còn tội vi phạm trong khi không áp dụng ví dụ như vị tỳ khưu không áp dụng cách làm hoại sắc y mới (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

43 Có tội vi phạm trong khi thọ trì ví dụ như thọ trì pháp câm nín của ngoại đạo, có tội vi phạm trong khi không thọ trì ví dụ như vị bị hành phạt không thực hành các phận sự (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

44 Có tội vi phạm trong khi cắt đứt ví dụ như việc vị tỳ khưu cắt đứt dương vật, có tội vi phạm trong khi không cắt đứt ví dụ như không cắt tóc và móng tay chân (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

45 Có tội vi phạm trong khi che đậy ví dụ như che đậy tội lỗi, có tội vi phạm trong khi không che đậy ví dụ như vị tỳ khưu bị mất y không dùng cỏ hoặc lá cây che lại rồi đi (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

46 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương X, [240].
47 Ngài Buddhaghosa giải thích về người không thành tựu về thân thể như là người vô căn, người lưỡng căn, loài thú, người đã làm sai trái trong hành động như là kẻ trộm tướng mạo sa-môn, kẻ giết cha, kẻ giết mẹ, v.v....
48 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương IX, [194].
49 Sđd., chương IX, [195].
50 Sự thọ dụng bên trong là sự thọ thực và và sự thọ dụng bên ngoài là việc thoa xức dầu ở đầu, tay, chân, v.v... (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
51 Điều này và hai điều kế xin xem giới pācittiya tương ứng (2, 3, 32).
52 Sđd., chương III, [206].
53 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương IX, [468].
54 Ví dụ như tội làm đức Phật chảy máu là loại thứ nhất, vấn đề xưng hô vị thâm niên hơn là "āvuso" và "āyasmā" là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
55 Ví dụ như tội ăn thêm thức ăn không phải là còn thừa là loại thứ nhất, ăn sái giờ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
56 Ví dụ như tội ngủ chung nhà là loại thứ nhất, nghỉ ban ngày không đóng cửa lớn là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
57 Ví dụ như trường hợp vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm trên mười năm thâm niên làm thầy tế độ cho tu lên bậc trên là loại thứ nhất, vị tỳ khưu thông thái có kinh nghiệm dưới mười năm thâm niên làm thầy tế độ cho tu lên bậc trên là loại thứ hai (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [90, 91]), các tội còn lại là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
58 Giải nghĩa tương tợ như trên với trường hợp sống nương nhờ (Sđd., chương I, [115]).
59 Ví dụ như trường hợp vị tỳ khưu dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu hoặc thuyết Pháp đến người nữ quá năm sáu câu là loại thứ nhất, các tội như cố gắng làm xuất ra tinh dịch, xúc chạm với người nữ là loại thứ hai, bậc Thánh A-la-hán vi phạm tội với tâm vô ký ví dụ như việc ngài Anuruddha ngủ chung nhà với người nữ là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
60 Thực hiện việc đôi lứa là loại thứ nhất, sân hận bất bình rồi bôi nhọ vị tỳ khưu khác với tội pārājika là loại thứ hai, các tội khác là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
61 Tiểu Phẩm – Cullavagga, IV, [681]
62 Chỉ có tám Trọng Pháp của tỳ khưu ni là sự quy định khi (sự việc) chưa xảy ra (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

63 Ngài Buddhaghosa đề cập đến tội không vào mùa (an cư) mưa vào hậu bán nguyệt là loại thứ nhất, và không thực hiện lễ Pavāraṇā vào ngày cuối của mùa (an cư) thời kỳ đầu là loại thứ hai, các tội khác là loại thứ ba. Phần được phép và không được phép kế tiếp được giải thích tương tợ.
64 Ngài Buddhaghosa đề cập đến việc không chú nguyện để dùng chung y tắm mưa sau bốn tháng mùa mưa là loại tội vi phạm trong mùa lạnh, tìm kiếm y tắm mưa trong mùa nắng lúc chưa đến thời kỳ là tội vi phạm trong mùa nóng, có y tắm mưa vẫn tắm lõa thể là loại tội vi phạm trong mùa mưa.
65 Vấn đề này và vấn đề kế tiếp được ngài Buddhaghosa giải thích có liên quan đến việc hành lễ Uposathavà Pavāraṇā của hội chúng, của nhóm, và của cá nhân.
66 Ngày kế ngày rằm của tháng Āsāḷhā (tương đương ngày 16 tháng sáu âm lịch, tức là ngày đầu tiên của mùa an cư mùa mưa đợt đầu) là thời điểm trước nên phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng Āsāḷhālà thời điểm sau nên phân phối, một ngày sau lễ Pavāraṇā (Tự Tứ) cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên phân phối (Sđd., chương VI, [282]).
67 Ví dụ như trường hợp vị bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác là loại thứ nhất, vị không bị bệnh yêu cầu dược phẩm là loại thứ nhì, các tội còn lại là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
68 Sđd., chương IX, [473, 474].
69 Vấn đề này và vấn đề kế xem ở Sđd., chương III. Hành phạt mānatta nửa tháng dành cho tỳ khưu ni (Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni, chương II, [92]).
70 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương II, [331].
71 Ví dụ như tội chen vào chỗ ngụ có vị tỳ khưu khác đã đến trước rồi nằm xuống là loại thứ nhất, tội trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời là loại thứ nhì, các tội còn lại là loại thứ ba (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
72 Ngài Buddhaghosa giải thích ba vấn đề này có liên quan đến các phận sự của vị vãng lai là loại thứ nhất, vị xuất hành là loại thứ nhì, và các phận sự còn lại là loại thứ ba (Sđd., chương VIII).
73 Sđd., chương IV, [602-607].
74 Sđd., chương I, [28].
75 Sđd., chương I, [69].
76 Sđd., chương I, [88, 105].
77 Điều saṅghādisesa 13
78 Sđd., chương I, [159] đối với đặc tính thứ ba
79 Sđd., chương I, [174, 200].
80 Sđd., chương I, [226, 251].
81 Sđd., chương I, [278, 303].
82 Liên quan đến tội pācittiya 32 về vật thực dâng chung nhóm.
83 Sđd., chương V, [142].

84 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương V, [12].
85 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương V, [127].
86 Tóm lược lời giải thích của ngài Buddhaghosa như sau: có tội vi phạm do lời nói của bản thân là phạm tội do khẩu, thoát tội do lời nói của bản thân là do việc sám hối, có tội vi phạm do lời nói của người khác là tội có tuyên ngôn nhắc nhở, thoát tội do lời nói của người khác là thoát tội do tuyên ngôn trong việc giải tội saṅghādisesa.
87 Ngài Buddhaghosa giải thích việc thoát tội do thân là cách dùng cỏ che lấp của bảy pháp dàn xếp sự tranh tụng.
88 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Có tội vi phạm vô ý thức (acittakāpattiṃ) là vị vi phạm tội không có sự liên quan của tâm, thoát tội có ý thức là vị thoát khỏi tội có sự liên quan của tâm, có tội vi phạm có ý thức là vị vi phạm tội có sự liên quan của tâm, thoát tội vô ý thức là cách dùng cỏ che lấp
89 Ngài Buddhaghosa giải thích liên quan đến việc các tỳ khưu phạm tội giống nhau (ví dụ tội pācittiya): trong lúc sám hối tội pācittiya thì vi phạm tội dukkaṭa, trong lúc vi phạm tội dukkaṭa thì thoát khỏi tội pācittiya, trong lúc thoát khỏi tội pācittiya thì vi phạm tội dukkaṭa
90 Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Có tội vi phạm do hành sự (như việc không chịu từ bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở của hội chúng) thoát tội không do hành sự (như trong lúc sám hối), có tội vi phạm không do hành sự (như việc làm xuất ra tinh dịch) thoát tội do hành sự (thực hành hành phạt parivāsa, v.v...), phần còn lại được giải thích tương tợ
91 Pācittiya 1, Phân Tích Giới Tỳ Khưu, Chương VIII, [174].
92 Vật dụng của bản thân là loại thứ nhất, vật dụng của hội chúng là loại thứ nhì, vật dụng dùng ở bảo tháp là loại thứ ba, vật dụng của hàng tại gia là loại thứ tư (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
93 Ngài Buddhaghosa giải thích là với sự hiện diện hoặc với sự vắng mặt của hội chúng. Được giải thích như phần "do hành sự (của hội chúng)" ở trên.
94 Tương tợ phần vô ý thức và có ý thức ở trên
95 Là sự thay đổi giới tính của vị tỳ khưu hoặc vị tỳ khưu ni. Ngủ chung chỗ trú ngụ là tội được đề cập đến (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
96 Khi thay đổi giới tính, những tội thuộc loại quy định riêng (cho các tỳ khưu hoặc các tỳ khưu ni) đã vi phạm thì được thoát tội (Pārājika 1, Sđd., [56]).
97 Có liên quan đến việc thay đổi giới tính của vị tỳ khưu hoặc vị tỳ khưu ni.
98 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương II, [365].
99 Ngài Buddhaghosa giải thích là "cattāro sāmukkaṃsāti cattāro mahāpadesā" nên được dịch như trên, xem chi tiết ở Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VI, [92].
100 Pācittiya 40, Phân Tích Giới Tỳ Khưu, [526], Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VI, [43].

101 Sđd., chương IX, [176].
102 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương IV, [632].
103 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Các tội do không thực hành phận sự của vị vãng lai là phần thứ nhất, các tội do không thực hành phận sự của vị thường trú là phần thứ nhì, các tội do không thực hành các phận sự khác, các tội được quy định riêng cho một hội chúng thì vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm. Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tợ
104 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm (ví dụ như bốn tội pārājika có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm), có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc (ví dụ như việc xúc chạm cơ thể, tỳ khưu phạm saṅghādisesacòn tỳ khưu ni phạm pārājika; hoặc việc nhai tỏi, tỳ khưu phạm dukkaṭa, còn tỳ khưu ni phạm pācittiya), có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm (khi so sánh các nhóm tội này với nhóm tội khác), không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm (là các tội quy định chung cho các tỳ khưu và các tỳ khưu ni). Nhóm bốn kế tiếp nên được giải thích tương tợ.
105 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Có tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không (vi phạm) là phận sự của thầy tế độ, có tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không (vi phạm) là phận sự của đệ tử, có tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm là các phận sự còn lại, có tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm là các tội được quy định riêng cho một hội chúng (hội chúng kia không vi phạm). Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tợ
106 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương III, [214-216].
107 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Trong khi tự tay lấy đi (bước đi) một bước hoặc hơn một bước vi phạm tội nặng, trong khi ra lệnh vị khác với lời chỉ thị rằng: 'Hãy mang đi chưa tới một bước' vi phạm tội nhẹ, và ba phần còn lại nên giải thích theo cách thức tương tợ."
108 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng trường hợp vị đang thọ thực trong nhà ăn không thể đứng dậy đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ nhất, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn đang thực hành parivāsa là trường hợp thứ nhì, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ ba, và ngược lại là trường hợp thứ tư. Nhóm bốn kế được giải thích tương tợ
109 Ba trường hợp đầu xem lại ở nhóm ba, trường hợp thứ tư liên quan đến các điều được quy định riêng cho một hội chúng (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
110 Theo ngài Buddhaghosa, vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không được phép lúc sái thời (như vật thực thọ lãnh trước bữa ăn), thức uống là vật được phép thọ lãnh vào lúc sái thời và không được phép lúc đúng thời nghĩa là đã để qua ngày

hôm sau, có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời (như là vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng đến suốt đời), có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời (ví dụ như thịt chưa làm thành được phép).

111 Theo ngài Buddhaghosa, có tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không (vi phạm) ở trung tâm (như việc kết ranh giới ở trên biển), có tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không (vi phạm) ở biên địa (cho tu lên bậc trên với nhóm năm vị, tắm rửa thường xuyên, đồ trải lót bằng da thú, dép có nhiều lớp, xin xem Đại Phẩm – Mahāvagga, chương V, [23]), có tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm (các tội còn lại), có tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm (các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia dầu có thực hiện cũng không vi phạm). Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tợ.

112 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: có tội vi phạm ở làng không (vi phạm) ở rừng (là các ưng học pháp), có tội vi phạm ở rừng không (vi phạm) ở làng (như vị tỳ khưu ni đang chờ đợi trời sáng), có tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng (như tội nói dối, v.v...), có tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng (là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia không phạm)

113 Bốn nhiệm vụ đầu tiên là đề cập đến các nhiệm vụ trong ngày Uposatha hoặc Pavāraṇā như quét dọn, đèn, nước, chỗ ngồi; hoặc bốn nhiệm vụ đầu tiên khác là việc đem lại sự tùy thuận và bày tỏ sự trong sạch, tính đếm mùa tiết, tính đếm số lượng tỳ khưu, và việc giáo giới (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

114 Bốn thời điểm thích hợp là: vào ngày lễ Uposatha, các vị tỳ khưu với số lượng cần thiết cho hành sự đã đến, các vị không phạm đồng tội, các nhân vật phạm tội không hiện diện (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

115 Là các tội pācittiya 16, 42, 77, 78 vì có câu "etadeva paccayaṃ karitvā anaññaṃ pācittiyaṃ" nghĩa là "Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội ưng đối trị" (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

116 Là đề cập đến việc không phạm các tội nissaggiya pācittiya thứ 2, 14, 29 và tội pācittiya thứ 9 do sự đồng ý của hội chúng (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

117 Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Có tội vị bị bệnh vi phạm (là vị bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác), có tội vị không bị bệnh vi phạm (là vị không bị bệnh yêu cầu dược phẩm) có tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm (như tội nói dối, v.v...), có tội vị bị bệnh và cả vị không bị bệnh đều không vi phạm (là các tội quy định riêng cho một hội chúng).

118 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương IX, [475, 476].

119 Xem lại [845] ở phần trước

120 Giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, làm (đức Phật) chảy máu, và chia rẽ hội chúng.
121 Là năm hạng người đã thực hiện năm nghiệp vô gián ở trên (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
122 Là năm tội pācittiya 87, 89, 90, 91, 92 liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa, và y có kích thước y của đức Thiện Thệ
123 Ngài Buddhaghosa giải thích là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép
124 Tội pārājika, thullaccaya, dukkaṭa, saṅghādisesa, và pācittiya (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
125 Ngài Buddhaghosa giải thích về "đi không phải xin phép" là không phải báo cho vị tỳ khưu hiện diện khi đi đến các gia đình trước hay sau bữa ăn, hai điều kế là giới pācittiya 32 và 33 của tỳ khưu, về "không phải xác định" là không phải bận tâm xác định trường hợp được phép trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm (gaṇabhojane aññatra samayā), "không phải chuyển nhượng bữa ăn" là liên quan đến vật thực thỉnh sau (paramparabhojane).
126 Pācittiya 39, Phân Tích Giới Tỳ Khưu, Chương VIII, [518].
127 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VI, [27].
128 Sđd., chương I, [97].
129 Câu chuyện tráo thăm được thấy ở điều pārājika thứ nhì ở phần các câu chuyện dẫn giải (Phân Tích Giới Tỳ Khưu, Chương II, [135]).
130 Pārājika 4, Sđd., Chương IV, [230].
131 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VI, [292].
132 Sđd., chương VI, [293].
133 Hội chúng tỳ khưu với nhóm bốn vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm năm vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm mười vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng tỳ khưu với nhóm trên hai mươi vị (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương IX, [187]).
134 Sđd., chương II, [167].
135 Sđd., chương V, [23].
136 Sđd., chương VII, [96].
137 Năm loại hành sự là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và hành sự án treo gồm có ba được tính gộp chung thành một (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
138 Giới pārājika thứ 3 của tỳ khưu ni đề cập 3 loại tội là pārājika, thullaccaya, dukkaṭa, và tội saṅghādisesa của tỳ khưu về việc chia rẽ hội chúng và pācittiya về tội không chịu từ bỏ tà kiến ác (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

139 Vấn đề này và hai vấn đế kế tiếp liên quan đến tội pārājika thứ nhì về trộm cắp.
140 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: vị không biết về tội (như pārājika, saṅghādisesa, v.v...), vị không biết gốc của tội (là thân và khẩu), vị không biết nguồn sanh tội (do thân không do khẩu không do ý, v.v...), vị không biết sự đoạn diệt của tội (là sự sám hối), vị không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội (là bảy cách dàn xếp).
141 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: không biết về sự tranh tụng (là bốn sự tranh tụng), vị không biết nguồn sanh khởi của sự tranh tụng (có 33: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có 12, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có 14, sự tranh tụng liên quan đến tội có 6, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có 1), không biết nhân sanh sự tranh tụng (sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi sanh lên nương vào 18 sự việc làm chia rẽ hội chúng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách sanh lên do bốn điều hư hỏng, sự tranh tụng liên quan đến tội sanh lên do bảy nhóm tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ sanh lên với bốn hành sự của hội chúng), không biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng (không xác định được quan điểm theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư), không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng (không biết các sự tranh tụng được giải quyết bằng các cách dàn xếp nào).
142 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: không biết về sự việc (là không biết về sự việc của tội pārājika, của tội saṅghādisesa, ... của bảy nhóm tội), không biết về sự mở đầu (không biết về các tội đã được quy định ở đâu), không biết về sự quy định (về sự quy định ban đầu của mỗi điều học), không biết về sự quy định thêm (sự quy định thêm về sau), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc (không biết sự việc theo phương thức liên hệ đến lời nói và liên hệ đến sự xác định)
143 Liên quan đến hành sự và tuyên ngôn hành sự
144 Bốn điều đầu được đề cập ở Sđd., chương II, [176] và điều cuối ở chương I, [115].
145 Pācittiya 11 (Phân Tích Giới Tỳ Khưu, chương VIII, [355]).
146 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương V, [25].
147 Tức là năm cách đọc tụng giới bổn Pātimokkha (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương II, [167]).
148 Ba nhóm sáu này đã được đề cập ở chương IV, [849-851] ở phần trước.
149 Ngài Buddhaghosa giải thích "sự thực hành đúng đắn" là các điều giới có câu "ayaṃ tattha sāmīci" tức là các giới saṅghādisesa 13, nissaggiya pācittiya 10, 22, pācittiya 34, 71, 84

150 Gồm năm pācittiya của tỳ khưu đã được trình bày ở phần Nhóm Năm thêm vào tội pācittiya của tỳ khưu ni về việc may y choàng tắm quá kích thước (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
151 Ngài Buddhaghosa giải thích là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ.
152 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng năm điều đã được giải thích ở trên thêm vào điều thứ sáu là "Lễ Uposatha là phần trách nhiệm của vị ấy" (tass'ādheyyo uposatho).
153 Ngài Buddhaghosa giải thích là các điều giới có từ "paramaṃ" như là dasāhaparamaṃ, māsaparamaṃ, santaruttaraparamaṃ, v.v... và nêu rõ trong hai bộ giới bổn có tất cả là 14 giới. Sáu giới đầu lập thành một Nhóm Sáu, sáu giới kế tiếp là Nhóm Sáu thứ nhì, còn hai giới thì sau khi bớt đi một giới của mỗi một nhóm rồi thêm vào một giới để lập thành các Nhóm Sáu khác nữa.
154 Câu này được trích dẫn từ giới nissaggiya pācittiya 29 về vị tỳ khưu có thể để y ở trong làng tối đa sáu đêm khi ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng.
155 Sáu loại y được đức Phật cho phép: loại bằng sợi lanh (khomaṃ), loại bằng bông vải (kappāsikaṃ), loại bằng tơ lụa (koseyyaṃ), loại bằng sợi len (kambalaṃ), loại bằng gai thô (sāṇaṃ, loại bằng chỉ bố (bhaṅgaṃ) (Sđd., chương VIII, [139]).
156 Sáu loại thuốc nhuộm được đức Phật cho phép: thuốc nhuộm làm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây (Sđd., chương VIII, [147]).
157 Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Bốn loại hành sự là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự án treo gồm có ba được chia thành hai là hành sự án treo vì không nhìn nhận tội và hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi được gom thành một, và thứ sáu là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác
158 Đã được đề cập ở chương IV, [854] ở phần trước
159 Đã được đề cập ở chương IV, [855] ở phần trước
160 Câu này được trích dẫn từ giới pācittiya 91 về chiều dài y tắm mưa của các tỳ khưu.
161 Câu này được trích dẫn từ giới pācittiya 92 về chiều rộng y của đức Thiện Thệ.
162 Sđd., chương I, [97].
163 Giới pācittiya 57 của tỳ khưu đề cập sáu trường hợp được quy định thêm trong việc tắm là: "'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa như vậy là hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trường hợp mưa gió."
164 Nhóm sáu này và nhóm sáu kế tiếp xem ở Sđd., chương VII, từ [100] trở đi.

165 Toàn bộ đoạn [989] này được đề cập ở Sđd., chương I, [99].
166 Nhóm sáu này và nhóm sáu kế tiếp được đề cập ở Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương IX, [479, 480].
167 Ngài Buddhaghosa giải thích "sự thực hành đúng đắn" là các điều giới có câu "ayaṃ tattha sāmīci" tức là sáu giới gồm có saṅghādisesa 13, nissaggiya pācittiya 10, 22, pācittiya 34, 71, 84 của tỳ khưu và một ở phần tổng kết giới saṅghādisesa của tỳ khưu ni là bảy.
168 Sđd., chương IV, [609], nhóm bảy kế tiếp xem [610].
169 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương III [211, 212].
170 Ngài Buddhaghosa cho biết đã giải thích ở nhóm năm, giờ thêm vào "Lễ Uposatha và lễ Pavāraṇā là phần trách nhiệm của vị ấy" (tass'ādheyyo uposatho parāraṇā).
171 Điều nissaggiya pācittiya 29
172 Bảy loại hành sự là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự án treo vì không nhìn nhận tội, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, và thứ bảy là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác
173 Là lúa gạo sāli, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrūsaka (bắp?) được đề cập ở điều pācittiya 7 của tỳ khưu ni
174 Được trích dẫn từ điều saṅghādisesa 6 về việc xây dựng cốc liêu của tỳ khưu.
175 Điều pācittiya 32 của tỳ khưu
176 Được đề cập ở điều nissaggiya pācittiya 23 của tỳ khưu.
177 "Bảy trường hợp cầm lấy" được đề cập ở Sđd., chương VII, [100]. "Bảy trường hợp mang theo" kế tiếp được đề cập ở [101].
178 Nhóm bảy này và hai nhóm bảy kế được đề cập ở Đại Phẩm – Mahāvagga, chương IX, [196-198].
179 Sđd., chương X, [239].
180 Sđd., chương X, [239].
181 Tội saṅghādisesa 10, 11, 12, 13 của tỳ khưu và 7, 8, 9, 10 của tỳ khưu ni (theo ngài Buddhaghosa).
182 Tội saṅghādisesa 13, Phân Tích Giới Tỳ Khưu, Chương VI, [624].
183 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VIII, [172].
184 Sđd., chương VII, [99].
185 Tám loại thức uống: nước xoài (amba), nước táo hồng (jambu), nước chuối hột (coca), nước chuối không hột (moca), nước mật ong (madhu), nước nho (muddika), nước ngó sen (sāluka), nước dâu (phārusaka) được đề cập ở Sđd., chương VI, [86].
186 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VII, [401].
187 Tám Trọng Pháp của tỳ khưu ni (Sđd., chương X, [516]).
188 Tám tội pāṭidesanīya của tỳ khưu ni
189 Điều pācittiya thứ nhất của tỳ khưu

190 Sđd., chương VII, [398].
191 Sđd., chương IX, [449-456].
192 Sđd., chương IX, [457-464].
193 Câu này và câu kế được đề cập ở điều pācittiya 35 của tỳ khưu, phần định nghĩa từ.
194 Điều nissaggiya pācittiya 23 liên quan đến năm loại dược phẩm
195 Tám tội pārājika của tỳ khưu ni.
196 Điều pārājika thứ tám của tỳ khưu ni đề cập đến tám hành động của vị tỳ khưu ni nhiễm dục vọng đối với người nam là sự nắm lấy cánh tay (của người nam), sự nắm lại lấy chéo áo choàng, đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích xúc chạm cơ thể. Vị tỳ khưu ni làm đủ tám hành động này phạm pārājika, nên bị trục xuất
197 Đề cập đến sự tu lên bậc trên của tỳ khưu ni ở cả hai hội chúng tỳ khưu ni và tỳ khưu.
198 Sđd., chương X, [582].
199 Bà Visākhā đã thỉnh cầu đức Phật để dâng vải choàng (tắm) mưa đến hội chúng, dâng thức ăn dành cho vị đi đến, dâng thức ăn dành cho vị ra đi, dâng thức ăn dành cho vị bị bệnh, dâng thức ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng tỳ khưu ni đến trọn đời (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VIII, [153]).
200 Được đề cập ở pācittiya 21 của tỳ khưu
201 Ngài Buddhaghosa cho biết đã giải thích ở nhóm năm, giờ thêm vào "Lễ Uposatha lễ Pavāraṇā, và hành sự của hội chúng là phần trách nhiệm của vị ấy" (tass'ādheyyo uposatho parāraṇā saṅghakammaṃ).
202 Ngài Buddhaghosa đề cập đến tám phận sự sau: không nên đình chỉ lễ Uposatha, (hoặc) không nên đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lối đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở (vị tỳ khưu trong sạch), không nên tạo bè phái với các tỳ khưu.
203 Nhóm chín này và nhóm chín kế được đề cập ở Kinh Phúng Tụng – Saṅgītisutta, Kinh Trường Bộ – Dīghanikāya III và Pháp 9 chi ở Kinh Tăng Chi – Aṅguttaranikāya III
204 Ngài Buddhaghosa giải thích là: hạn chế, kềm chế, tự chế, chặt đứt sự tiếp nối với chín sự việc gây nóng giận
205 Chín tội saṅghādisesa từ 1 đến 9 của tỳ khưu
206 Câu trả lời của đức Phật cho đại đức Upāli về sự chia rẽ hội chúng Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VII, [404].

207 Pācittiya 39 của tỳ khưu đề cập đến chín loại vật thực thượng hạng là bơ lỏng (sappi), bơ đặc (navanītaṃ), dầu ăn (telaṃ), mật (madhu), đường mía (phāṇitaṃ), cá (maccho), thịt (maṃsaṃ), sữa tươi (khīraṃ), sữa đông (dadhi).
208 Tức là năm cách áp dụng cho tỳ khưu và bốn cách áp dụng cho tỳ khưu ni
209 Ngài Buddhaghosa giải thích về chín pháp là gốc của tham ái như sau: tầm cầu do duyên tham ái, đạt được do duyên tìm cầu, quyết định do duyên đạt được, tham dục do duyên quyết định, vướng mắc do duyên tham dục, nắm giữ do duyên vướng mắc, bỏn xẻn do duyên nắm giữ, bảo vệ do duyên bỏn xẻn, do duyên bảo vệ có các sự tranh chấp bằng cách cầm gậy, cầm kiếm, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, nói ác độc, nói dối (Kinh Đại Duyên – Mahānidānasutta, thuộc Kinh Trường Bộ – Dīghanikāya).
210 So sánh hơn, bằng, và thua theo chín cách
211 Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngọa cụ, y đắp ghẻ, khăn lau mặt, và y phụ thuộc là chín (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VIII, [160]).
212 Sau khi đã chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
213 Câu này được trích dẫn từ giới pācittiya 92 về chiều dài y của đức Thiện Thệ.
214 Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, thuyết phục dâng cho hội chúng khác hoặc bảo tháp, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, vị thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp (được đề cập ở pācittiya 82 của tỳ khưu). Năm câu kế được hiểu tương tợ.
215 Câu này và câu kế được đề cập ở Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương IV, [587, 588].
216 Câu này và câu kế được đề cập ở điều pācittiya 21 của tỳ khưu (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
217 Mười tà kiến căn bản: không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại (Kinh Sa-môn quả – Sāmaññaphalasutta, Kinh Trường Bộ – Dīghanikāya, lời dịch của H.T. Minh Châu). Mười chánh kiến căn bản ở câu kế được hiểu đối nghịch lại (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
218 Ngài Buddhaghosa giải thích về mười tri kiến cực đoan: (Có phải) thế giới là vĩnh viễn? (Có phải) thế giới là không vĩnh viễn? (Có phải) thế giới là hữu biên? (Có phải) thế giới là vô biên? (Có phải) mạng sống và thân thể là chung? (Có phải)

mạng sống và thân thể là khác biệt? Như Lai còn tồn tại sau khi chết? Như Lai không còn tồn tại sau khi chết? Như Lai còn và không còn tồn tại sau chết? Như Lai không phải còn tồn tại và cũng không phải không tồn tại sau khi chết? (Aṅguttaranikāya, pháp 10 chi, phẩm Upāli).

219 Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, ... tà trí, tà giải thoát. Câu kế có ý nghĩa đối nghịch lại.

220 Thân có ba nghiệp: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu có bốn, ý có ba. Câu kế có ý nghĩa đối nghịch lại.

221 Câu này và câu kế được đề cập ở Sđd., chương IV, [612, 613].

222 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [120].

223 Sđd., chương I, [124].

224 Pārājika 1, Phân Tích Giới Tỳ Khưu, chương I, [20].

225 Pācittiya 83, Sđd., chương VIII, [733].

226 Ngài Buddhaghosa giảng về mười vật bố thí như sau: cơm, nước, vải, xe cộ, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ trú ngụ, đèn.

227 Mười loại báu vật được đề cập Tiểu Phẩm – Cullavagga là: ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo (chương IX, [455]).

228 Chín loại y đã được kể ở phần Nhóm Chín thêm vào vải choàng tắm hay áo lót của tỳ khưu ni là mười (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

229 Điều nissaggiya pācittiya 1 của tỳ khưu

230 Xem saṅghādisesa 1 của tỳ khưu

231 Mười hạng người nữ và mười hạng vợ được đề cập ở điều saṅghādisesa 5 của tỳ khưu

232 Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành Uposatha riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỳ khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (Sđd., chương XII, [630]).

233 Mười hạng người không nên đảnh lễ được đề cập ở Sđd., chương VI, [264].

234 Được đề cập ở điều pācittiya 2 của tỳ khưu

235 Được đề cập ở điều pācittiya 3 của tỳ khưu

236 Ngài Buddhaghosa liệt kê đến mười một loại sàng tọa như sau: giường, ghế, gối, nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, tấm da thú, tấm lót ngồi, thảm cỏ, thảm lá

237 Ngài Buddhaghosa giải thích là tám điều ước muốn do bà Visākhā thỉnh cầu, một điều do đức vua Suddhodana yêu cầu về việc xuất gia phải có phép của cha mẹ (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [118]), và một do thầy thuốc Jīvaka xin đức

Phật cho phép các tỳ khưu được phép nhận y của gia chủ cúng dường (Sđd, chương VIII, [135]).
238 Sđd., chương VI, [61].
239 Mười loại thịt không được phép: người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, hổ, beo, gấu, chó sói (Sđd., [58-60]).
240 Đúng ra là "mười hai" cho điều này và hai điều kế.
241 Mười một hạng người trên là: kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), kẻ bỏ theo ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ, kẻ giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm nhơ nhớp tỳ khưu ni, kẻ chia rẽ hội chúng, kẻ làm (đức Phật) chảy máu, kẻ lưỡng tánh (Sđd., chương VI, [125-133]).
242 Ngài Buddhaghosa giảng về mười loại giày làm bằng vật quý giá và loại giày làm bằng gỗ là mười một
243 Ngài Buddhaghosa giảng về loại bình bát bằng gỗ và mười loại bình bát làm bằng vật quý giá là làm bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng đá quý, bằng pha-lê, bằng đồng đỏ, bằng thủy tinh, bằng thiếc, bằng chì, bằng đồng thau (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương V, [33,34]).
244 Mười một loại y không được phép: y toàn màu xanh đậm, y toàn màu vàng, y toàn màu đỏ, y toàn màu đỏ sậm, y toàn màu đen, y toàn màu nổi bật, y toàn màu sáng chói, y không cắt đường viền, y có đường viền rộng, y có đường viền vẽ bông hoa, y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VIII, [169]).
245 Pārājika 3 của tỳ khưu ni, 8 saṅghādisesa, pācittiya 68 về tỳ khưu Ariṭṭha, và pācittiya 36 của tỳ khưu ni Caṇḍakāḷī (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
246 Được đề cập ở Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương X, [573].
247 Ngài Buddhaghosa liệt kê mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng là: ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngọa cụ, y đắp ghẻ, khăn lau mặt, y phụ thuộc, vải choàng tắm và áo lót của tỳ khưu ni.
248 Sau khi đã chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
249 Sđd., chương V, [165, 167].
250 Pācittiya 10 đề cập đến mười loại đất không màu mỡ là: thuần đá, thuần sỏi, thuần mảnh sành, thuần sạn, thuần cát, có ít đất, có ít đất sét, phần lớn là đá, phần lớn là sỏi, phần lớn là mảnh sành, phần lớn là sạn, phần lớn là cát, đã được đốt cháy, đống đất hoặc đống đất sét được thấm nước mưa chưa tới bốn tháng
251 Ngài Buddhaghosa giảng giải về mười một sự chấm dứt sự nương nhờ: Năm đối với thầy tế độ, sáu đối với thầy dạy học (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [97]).

252 Ngài Buddhaghosa giảng rằng hạng người lõa thể là thứ mười một (Mười hạng đã được trình bày ở nhóm mười ở trên).
253 Ngài Buddhaghosa giảng rằng điều ước muốn thứ mười một là của bà Mahāpajāpati Gotamī về việc các tỳ khưu và tỳ khưu ni thực hành phận sự thích hợp là sự đảnh lễ, đứng dậy chào, chắp tay tính theo thâm niên (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương V, [521]) nhưng đức Phật từ chối. Mười điều kia đã được trình bày ở trên
254 Được trình bày không liên tục ở Đại Phẩm – Mahāvagga, chương II.
255 Tổng cộng lại các giới đã được trình bày ở trên chỉ có 284 (?).
256 Xin xem thêm ở Đại Phẩm – Mahāvagga, chương 07, [97].
257 Xin xem thêm ở Sđd, chương 07, [98].
258 Tức là sự vật của Kaṭhina. Ngài Buddhaghosa giải thích là y hai lớp, hoặc thượng y, hoặc y nội
259 Hư hỏng về sự vật nghĩa là y không được làm thành được phép (tức là chưa được làm dấu y), hư hỏng về thời gian nghĩa là các thí chủ dâng y ngày hôm nay và hội chúng để đến ngày hôm sau mới giao y cho vị tỳ khưu để làm thành tựu Kaṭhina, hư hỏng về việc làm nghĩa là vải đã được cắt vào ngày hôm ấy nhưng y chưa được làm xong nội trong ngày ấy (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
260 Đây là câu trả lời bằng cách hỏi ngược lại.
261 Do tuyên ngôn thâu hồi Kaṭhina. Vấn đề này được đề cập ở điều pācittiya 30 của tỳ khưu ni
262 Phải chăng bộ Tập Yếu – Parivāra lúc được kết tập lần đầu tiên chỉ có 14 chương và các phần sau mới được thêm vào về sau này? Chúng tôi không nghĩ rằng câu "parivāraṃ niṭṭhitaṃ" này được giữ lại do sự thiếu sót của các nhà kết tập.
263 Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Hướng dẫn về Thắng Pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt Danh Sắc, và hướng dẫn về Thắng Luật là hướng dẫn về toàn bộ Tạng Luật
264 Các điều học thuộc về phận sự căn bản tức là nói đến các phận sự trong bộ Luật Hợp Phần – Khandhakagồm có Đại Phẩm và Tiểu Phẩm, còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh là các điều học đã được quy định ở hai giới bổn.
265 Adhisīla: Tăng thượng giới là giới bổn Pātimokkha. Adhicitta: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thế. Adhipaññā: Tăng thượng tuệ là sự tu tập (các tâm) Đạo Siêu Thế (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
266 Là tiến hành bằng thân hay bằng khẩu (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
267 Vi phạm không có cố ý gọi là vi phạm không có ý thức, trong khi sám hối là thoát tội có ý thức (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

268 Ngài Buddhaghosa giải thích vi phạm có ý thức là có sự cố ý trong khi vi phạm, còn thoát tội không có ý thức là thoát tội do cách dùng cỏ che lấp
269 Vị nghĩ rằng: "Ta sẽ bố thí Pháp" rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu là vi phạm tội với tâm thiện. Rồi trong lúc sám hối có tâm hướng thượng nghĩ rằng: "Ta đang hành theo lời đức Phật dạy" là thoát tội với tâm thiện (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
270 Ngài Buddhaghosa giải thích về thoát tội với tâm bất thiện là vị có trạng thái bực bội trong khi sám hối
271 Vị sám hối trong khi bị ngái ngủ là thoát tội với tâm vô ký (ghi theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).
272 Ngài Buddhaghosa cho ví dụ về việc phạm tội với tâm vô ký là vị bị ngái ngủ rồi vi phạm việc nằm chung chỗ ngụ với người nữ
273 Phần cước chú được ghi lại theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa, nguồn trích dẫn được chọn lọc từ bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner, một phần khác thuộc về công sức của người dịch
274 Tội vi phạm do thân là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ tư là do thân và do ý, không do khẩu. Xin xem chương IV đoạn [870]. Tội vi phạm do khẩu là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ năm là sanh lên do khẩu và do ý, không do thân [871
275 Ba loại tội có che giấu là tội pārājika thứ nhì đến vị tỳ khưu ni che giấu tội lỗi (của tỳ khưu ni khác), tội pācittiya 64 đến vị tỳ khưu che giấu tội xấu xa (của tỳ khưu khác), và tội dukkaṭa đến vị che giấu tội xấu xa của bản thân
276 Là tội pārājika thứ nhất của tỳ khưu ni, về phần của tỳ khưu là tội saṅghādisesa thứ nhì do việc xúc chạm thân thể, tội thullaccaya do việc thân chạm vào vật được gắn liền với thân, tội dukkaṭa do vật được ném ra chạm vào vật được gắn liền với thân, và tội pācittiya 52 do việc thọt lét bằng ngón tay
277 Rạng đông ba loại tội là các tội nissaggiya pācittiya do cất giữ các loại vật dụng vượt quá 1 đêm, 6 đêm, 7 ngày, 10 ngày, hoặc 1 tháng, tội saṅghādisesa 3 của tỳ khưu ni cư ngụ riêng rẽ qua đêm, và tội dukkaṭa do che giấu tội
278 Tội do không dứt bỏ khi được nhắc nhở đến lần thứ ba áp dụng cho tỳ khưu và tỳ khưu ni nên được tính là hai
279 Tội pārājika 4 đến vị tỳ khưu ni làm đầy đủ tám sự việc
280 Phần mở đầu của việc đọc tụng giới bổn Pātimokkha có đoạn: "yassa siyā āpatti, so āvikareyya" nghĩa là "vị nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ" (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương II, [149]).
281 Hai căn nguyên là thân và khẩu.
282 Là tội pārājika và tội saṅghādisesa
283 Vị tỳ khưu ni che giấu tội lỗi của vị tỳ khưu ni khác thì phạm tội pārājika thứ nhì, vị tỳ khưu che giấu tội xấu xa của vị tỳ khưu khác thì phạm tội pācittiya 64

284 Tỳ khưu hẹn với tỳ khưu ni hoặc với người nữ đi đường xa phạm dukkaṭa (xem pācittiya 27, 67), vị tỳ khưu cùng đi chung vào làng thì phạm tội pācittiya, vị tỳ khưu ni đi vào làng một mình có liên quan đến hai tội là tội thullaccaya và tội saṅghādisesa (xem điều saṅghādisesa 3 của tỳ khưu ni).
285 Tỳ khưu hẹn với tỳ khưu ni đi chung thuyền phạm dukkaṭa (xem pācittiya 28), rồi lên chung thuyền thì phạm tội pācittiya, vị tỳ khưu ni vượt sang sông một mình có liên quan đến hai tội là thullaccaya và tội saṅghādisesa (xem điều saṅghādisesa 3 của tỳ khưu ni).
286 Tội thullaccaya đến vị thọ dụng thịt người, tội dukkaṭa đối với chín loại thịt không được phép còn lại (Sđd., chương VI, [58-60]).
287 Vị tỳ khưu ni đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối không đèn trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội pācittiya 11, ngoài tầm tay thì phạm tội dukkaṭa
288 Trường hợp ban ngày là vị tỳ khưu ni đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che khuất trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội pācittiya 12, ngoài tầm tay thì phạm tội dukkaṭa
289 Vị tỳ khưu cho thuốc độc và đã hại chết người thì phạm tội pārājika, đối với dạ-xoa và phi nhân thì phạm tội thullaccaya, đối với thú vật thì phạm tội pācittiya (xem điều pārājika thứ ba của tỳ khưu), hoặc cho y đến tỳ khưu ni thì phạm tội pācittiya 25
290 Vị tỳ khưu chạm vào (thọ nhận) tay và tóc của người nữ phạm tội saṅghādisesa thứ nhì, đưa dương vật vào miệng có sự đụng chạm phạm tội pārājika thứ nhất, thọ lãnh y từ tay của vị tỳ khưu ni không phải là thân quyến phạm tội nissaggiya pācittiya 5, vị tỳ khưu ni nhiễm dục vọng thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng (nhưng chưa thọ dụng) phạm tội thullaccaya (xem tội saṅghādisesa 5 của tỳ khưu ni).
291 Là các loại tội nhẹ.
292 Trừ ra tội pārājika
293 Là cháo chua có bỏ muối đối với vị bị bệnh (Sđd., chương VI, [48]).
294 Là hành sự chỉ định vị tỳ khưu là vị giáo giới tỳ khưu ni (xem pācittiya 21 của tỳ khưu).
295 Tội pārājika thứ nhất của tỳ khưu và tội pārājika thứ nhất của tỳ khưu ni
296 Xem Sđd., chương X, [240].
297 Của vị thực hành hành phạt parivāsa và của vị thực hành hành phạt mānatta.
298 Tội pācittiya 5 về việc tỳ khưu ni làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lóng tay và tội dukkaṭa về việc tỳ khưu để tóc dài
299 Vị tỳ khưu ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc phạm tội pācittiya 20, tự đánh đấm chính mình mà không khóc phạm tội dukkaṭa

300 Là chia rẽ bằng cách thực hiện hành sự hoặc là bằng cách phân phát thẻ biểu quyết.
301 Phân theo tỳ khưu và tỳ khưu ni
302 Liên quan đến tội pārājika 2, 3, 4 của tỳ khưu ni.
303 Là tội saṅghādisesa, thullaccaya, và tội dukkaṭa (Xem điều saṅghādisesa 3 của tỳ khưu). Tương tợ đối với việc làm mai mối ở câu kế tiếp, xin xem điều saṅghādisesa 5 của tỳ khưu.
304 Là việc tiến hành tuyên ngôn hành sự gồm ba phần: phần đầu với lời đề nghị, phần giữa với phần thông báo, và phần cuối là câu kết luận.
305 Đề cập đến tỳ khưu ni Mettiyā (xem phần duyên khởi điều saṅghādisesa 8 của tỳ khưu), kẻ vô căn được xuất gia ở nơi các tỳ khưu rồi đã làm điều nhơ nhớp (Sđd., chương I, [125]), và sa di Kantaka (xem điều pācittiya 70 của tỳ khưu).
306 Có thể tiến hành tuyên ngôn tu lên bậc trên hoặc tuyên ngôn nhắc nhở đối với hai hoặc ba vị một lượt
307 Do việc đổ bỏ thuốc độc và đã hại chết người, hoặc dạ-xoa, hoặc loài thú phạm tội pārājika, hoặc tội thullaccaya, hoặc tội pācittiya (xem điều pārājika thứ ba của tỳ khưu), đổ bỏ tinh dịch liên quan tội saṅghādisesa thứ nhất, và việc đổ bỏ chất thải do tiêu tiểu lên cỏ xanh phạm tội dukkaṭa ở phần sekhiya
308 Hai nhóm chín về hành sự sai pháp và đúng pháp ở điều pācittiya 21 của tỳ khưu.
309 Xem hai loại tội dukkaṭa và pācittiya ở điều pācittiya 7 của tỳ khưu ni
310 Vị tỳ khưu sau khi thọ lãnh năm loại dược phẩm rồi trộn chung vào trong vật chứa khác nhau hoặc trong cùng một vật chứa rồi để quá bảy ngày. Vị ấy phạm năm tội nissaggiya pācittiya khác sự vật đồng một lúc, không thể phân biệt tội nào trước tội nào sau
311 Vị tỳ khưu không bị bệnh sau khi yêu cầu chín loại vật thực thượng hạng trộn chung lại với nhau rồi thọ thực phạm chín tội pācittiya 39
312 Tội pārājika thứ ba đến vị tỳ khưu ni xu hướng theo tỳ khưu tà kiến, tội saṅghādisesa 11 đến vị tỳ khưu ủng hộ việc chia rẽ hội chúng, tội pācittiya 68 đến vị tỳ khưu không dứt bỏ tà kiến, cả ba tội này được thành lập với sự nhắc nhở đến lần thứ ba
313 Xin xem lại chương VIII ở trên, đoạn [1021] nói về sáu trường hợp hư hỏng vì nguyên nhân nuôi mạng
314 Vị tỳ khưu nhai thịt người phạm tội thullaccaya, nhai chín loại thịt không được phép còn lại phạm tội dukkaṭa, tỳ khưu ni nhai tỏi phạm tội pācittiya
315 Ba loại tội ở trên thêm vào tội saṅghādisesa đến vị tỳ khưu ni nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ thực, và tội pāṭidesanīya đến vị tỳ khưu ni yêu cầu vật thực hảo hạng rồi thọ dụng; tổng cộng là năm loại tội

316 Là tội dukkaṭa, tội thullaccaya, tội pārājika (điều pārājika 3 của tỳ khưu ni có ba loại tội này), tội saṅghādisesa 10, và tội pācittiya 68 của tỳ khưu
317 Năm hạng người là tỳ khưu, tỳ khưu ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni.
318 Ba nơi là ở giữa hội chúng, ở nhóm, và trong sự hiện diện của cá nhân
319 Xin xem lại hai loại về ban đêm và ban ngày ở cước chú 15 và 16 của chương này.
320 Tỳ khưu ni nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh phạm tội dukkaṭa (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương X, [563]).
321 Nhìn vào mặt thí chủ khi thọ lãnh vật thực phạm tội dukkaṭa (Sđd., chương VIII, [427]).
322 Có tám điều được đề cập ở Đại Phẩm – Mahāvagga, chương X, [239] nhưng không xác định rõ là tám điều lợi ích
323 Ba loại hành phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương I, [174-]).
324 Bốn mươi ba phận sự của vị tỳ khưu thực thi hành sự án treo (Sđd., chương I, [206]).
325 Nói dối có thể phạm năm tội là pārājika, saṅghādisesa, thullaccaya, pācittiya và dukkaṭa.
326 Là các điều giới có từ "paramaṃ" như là dasāhaparamaṃ, māsaparamaṃ, santaruttaraparamaṃ, v.v... tổng cộng trong hai bộ giới bổn có tất cả là 14 giới.
327 Về tội pāṭidesanīya, tỳ khưu có bốn điều còn tỳ khưu ni có tám điều.
328 Sự sám hối của những người do Devadatta sai đi đến giết đức Thế Tôn (Sđd., chương VII, [369]), của người đàn bà đã quyến rũ ngài Anuruddha ở phần duyên khởi của điều pācittiya 7, của Vaḍḍha Licchavī bị hành phạt úp ngược bình bát (Sđd., chương V, [110-116]), và việc sám hối của các vị tỳ khưu đến đại đức Kassapagotta ở làng Vāsabha (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [174]).
329 Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VII, [398]).
330 Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [100]),
331 Việc tu lên bậc trên của tỳ khưu ni ở hai hội chúng
332 Hai điều này áp dụng cho tỳ khưu ni ở trong nhà ăn.
333 Xem điều pācittiya 21 của tỳ khưu
334 Liên quan đến việc chia rẽ hội chúng: Một vị là Devadatta, bốn vị phạm trọng tội là Kokālika và ba vị còn lại, bốn vị nói đúng Pháp thì vô tội, việc chia rẽ hội chúng là sự việc có liên quan đến tất cả
335 Mười hạng người không nên được đảnh lễ được đề cập ở Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VI, [264].
336 Vị thực hiện các hành động chắp tay, đảnh lễ, v.v... đối với mười hạng người trên phạm tội dukkaṭa

337 Năm vị đã trải qua mùa (an cư) mưa là tỳ khưu, tỳ khưu ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni
338 Bảy vị là vị đi xa, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, và ba vị bị ba loại án treo
339 Là mười sáu vị được đề cập ở Chương Y Phục (Đại Phẩm – Mahāvagga, Chương VIII) bắt đầu là kẻ vô căn, v.v...
340 Vị tỳ khưu phạm nhiều tội saṅghādisesa nhưng mỗi một tội chỉ che giấu mười ngày nên chỉ chịu hành phạt parivāsa là mười ngày đêm
341 Là bốn loại hành sự gồm có: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư được thực hành sai trái theo ba cách là: sai Pháp theo phe nhóm, sai Pháp có sự hợp nhất, đúng Pháp theo phe nhóm; tổng cộng lại là mười hai
342 Là bốn loại hành sự trên được thực hành đúng Pháp có sự hợp nhất
343 Sáu loại hành sự là: Hành sự sai Pháp theo phe nhóm, hành sự sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự đúng Pháp có sự hợp nhất, hành sự có hình thức bên ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự có hình thức bên ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương IX, [178]).
344 Là loại tội pārājika
345 Mười tám cách tuyên bố sai trái phân theo tám trường hợp tức là một trăm bốn mươi bốn (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VII, [411]).
346 Xem chương XIII, đoạn [1095] ở trên
347 Con số tám điều pārājika và các số liệu ở bên dưới được cộng lại từ hai giới bổn của tỳ khưu và tỳ khưu ni
348 Trong chương này, các câu trả lời được ghi lại theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa ở Aṭṭhakathāđồng thời cũng phải xem đến Ṭīkā để hiểu rõ thêm vấn đề, còn các phần trích dẫn nhờ vào công lao của dịch giả I. B. Horner. Tuy nhiên, có một số câu hỏi chúng tôi vẫn không xác định được chính xác vấn đề
349 Câu này có liên quan đến việc biến đổi tánh giống từ tỳ khưu thành tỳ khưu ni. Đoạn "vị ấy không có được một việc đồng thọ hưởng" nghĩa là không còn có được sự đụng chạm, và "không bị phạm tội do việc không xa rời" được giải thích là không phạm tội khi nằm chung chỗ ngụ với người nữ
350 Năm trọng vật thuộc về hội chúng không được phân tán và không được phân chia (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương VI, [292, 293]. Trường hợp không phạm tội đề cập đến việc tách riêng vị tỳ khưu ni là người mẹ của đứa bé trai
351 Đề cập đến mười hạng người không nên đảnh lễ: vị tu lên bực trên sau, vị chưa tu lên bậc trên, vị thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói sai Pháp, phụ nữ, người vô căn, vị bị hành phạt parivāsa, vị xứng đáng bị phạt (thực hành) trở lại từ đầu, vị xứng đáng hành phạt mānatta, vị thực hành hành phạt mānatta, vị chưa được giải tội (Sđd., [264]). Hạng thứ mười một là vị tỳ khưu lõa thể

352 Ngài Buddhaghosa không giải thích câu này, có thể là vị thâm niên nói sai pháp ở câu trên
353 Nói đến vị tỳ khưu trước đây làm nghề thợ cạo (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương VI, [89]).
354 Nói về hình tượng đức Phật
355 Thực hiện việc đôi lứa qua đường miệng với hạng phi nhân có các con mắt và miệng thì ở trên ngực, hạng này được đề cập ở điều pārājika thứ tư
356 Vị tỳ khưu thực hiện cốc liêu lợp bằng cỏ
357 Vị làm cốc liêu toàn bằng đất sét. Xem câu chuyện của đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm ở phần duyên khởi của điều pārājika 2.
358 Vị tỳ khưu ni che giấu tội pārājika của vị tỳ khưu ni khác phạm tội pārājika.
359 Đề cập đến các hạng người như người vô căn, v.v... (Sđd., chương I, [125]).
360 Liên quan đến phần mở đầu (nidāna) của giới bổn Pātimokkha có đoạn: "... vị tỳ khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đã có thì vị ấy cố tình nói dối..." (Sđd., chương II, [149]).
361 Liên quan đến bốn việc làm của vị tỳ khưu ni ở điều saṅghādisesa thứ 3: Vào rạng sáng, vị tỳ khưu ni rời khỏi nhóm sang sông đi vào làng, khi đã sang ngày mới vị ni ấy phạm bốn tội saṅghādisesa: đi vào làng một mình, đi sang bờ sông bên kia một mình, trong đêm trú ngụ riêng một mình, một mình tách rời ra khỏi nhóm.
362 Vị tỳ khưu ni thọ nhận y từ tay vị tỳ khưu ni chỉ được tu ở hội chúng tỳ khưu phạm pācittiya (các vị tỳ khưu ni này gồm có 500 vị tỳ khưu ni dòng Sākya được tu lên bậc trên sau bà Mahāpajāpati Gotamī), từ tay vị tỳ khưu ni chỉ được tu ở hội chúng tỳ khưu ni phạm dukkaṭa
363 Vị thầy dạy học và ba học trò đã trộm vật sáu māsaka. Vị thầy tự tay lấy trộm 3 māsaka, tuy nhiên 3 māsaka kia là do sự ra lệnh nên tội vi phạm là thullaccaya; còn mỗi người học trò trộm một māsaka, nhưng liên quan đến việc ra lệnh là 5 māsaka nên đã phạm tội pārājika. Chúng tôi không tìm được câu chuyện chi tiết ở điều pārājika thứ nhì theo như lời giải thích của ngài Buddhaghosa
364 Ngôi nhà làm bằng vải, ý nói âm vật đã được che phủ lại.
365 Có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng
366 Đối với vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng cho bản thân mình và dâng cho vị khác nữa nên phạm luôn cả hai tội.
367 Liên quan đến gāmasīmā như ở thành Bārāṇasī rộng 12 do-tuần
368 Liên quan đến việc làm mai mối. Vị ấy đem lại sự trả lời của sáu mươi bốn người nữ
369 Vị tỳ khưu đang mặc ba y bị phân chim quạ hoặc bị lấm bùn rồi bảo vị tỳ khưu ni không phải là thân quyến dùng nước rửa sạch lúc còn đang mặc ở trên người.
370 Bà Mahāpajāpati Gotamī trở thành tỳ khưu ni do chấp nhận tám Trọng Pháp (Tiểu Phẩm – Cullavagga, chương X, [516]).

371 Có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng: người mẹ biến đổi thành đàn ông và người cha biến đổi thành đàn bà
372 Trường hợp cha và mẹ là loài thú.
373 Vị ni tu lên bậc trên thông qua người đại diện (Sđd., chương X, [595, 596]).
374 Cho tu lên bậc trên người vô căn.v.v...
375 Vị chặt đứt cây gỗ theo lối trộm cắp phạm tội pārājika, vị chặt đứt dây leo, cỏ phạm tội pācittiya, vị cắt đứt dương vật phạm thullaccaya. Vị cắt tóc và móng tay không phạm tội. Vị che đậy tội vị khác vi phạm tội, vị che đậy mái nhà không phạm tội
376 Nói sự thật đề cập đến các bộ phận kín của người nữ vi phạm tội nặng, nói dối cố tình vi phạm tội nhẹ. Nói dối về pháp thượng nhân không thực chứng vi phạm tội nặng, nói sự thật về pháp thượng nhân có thực chứng vi phạm tội nhẹ.
377 Liên quan đến y đã bị phạm vào nissaggiya mà vẫn sử dụng
378 Vị có tật nhai lại như trâu bò (Sđd., chương V, [144]).
379 Liên quan đến vị chia rẽ hội chúng và các vị xu hướng theo.
380 Liên quan đến điều nissaggiya pācittiya 29
381 Nắm ngón tay hoặc tóc của nhiều người nữ cùng một lúc
382 Liên quan đến việc nói lời dâm dục đến nhiều người nữ, ví dụ: "Tất cả các cô đều là ...."
383 Điều pārājika thứ 8 của tỳ khưu ni liên quan đến việc làm đủ sự việc thứ tám
384 Liên quan đến vị xin y choàng tắm mưa ngoài thời hạn cho phép.
385 Bài kệ này và bài kế liên quan đến ba sự thực hành của ngoại đạo (không được giải thích chi tiết).
386 Vị tỳ khưu ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ lãnh vật thực từ tay người nam nhiễm dục vọng, trộn lẫn với thịt người, tỏi, thức ăn thượng hạng còn thừa, với thịt không được phép rồi nuốt vào
387 Vị sa di không được thành tựu là vị có thần thông ngồi hỏng lên khỏi mặt đất dầu chỉ là khoảng cách của sợi tóc
388 Liên quan đến vị tỳ khưu có y bị cướp đoạt
389 Liên quan đến điều saṅghādisesa 6 về vị tỳ khưu ni xúi giục vị tỳ khưu ni khác thọ nhận vật thực từ tay người đàn ông nhiễm dục vọng. Bản thân vị ni xúi giục "không cho, không thọ nhận", còn vị tỳ khưu ni kia là "vị nhận không rõ việc." Khi vị này thọ dụng thì vị ni xúi giục phạm tội saṅghādisesa
390 Vị tỳ khưu ni nhiễm dục vọng thọ nhận nước và tăm xỉa răng từ tay người nam nhiễm dục vọng phạm tội dukkaṭa
391 Vị tỳ khưu ni vi phạm saṅghādisesa dầu có che giấu hay không che giấu không phạm thêm tội mới và chỉ phải chịu hành phạt mānatta nửa tháng
392 Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp "đuổi đi" sa di Kantaka trong phần sự việc ở điều pācittiya 70, sau đó thâu nhận lại là trường hợp "phục hồi." Hiện

nay, được áp dụng cho vị sa di chê bai đức Phật, chê bai Giáo Pháp, chê bai Hội chúng, tuyên bố về điều không được phép là được phép, v.v...
393 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng hành sự của các tỳ khưu ni đối với vị tỳ khưu có những hành động khiếm nhã như rảy nước, mở ra cho thấy thân thể, cho thấy đùi, v.v... là loại hành sự này
394 Ngài Buddhaghosa nói đến trường hợp vị tỳ khưu ācāriya sau khi giảng giải về các pháp chướng ngại trong hành sự tu lên bậc trên cho giới tử rồi gọi người ấy đi vào trong hội chúng để cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên: "Suṇātu me bhante saṅgho, itthannāmo itthannāmassa āyasmato upasampadāpekkho, anusiṭṭho so mayā. yadi saṅghassa pattakallaṃ, itthannāmo āgaccheyyāti, 'āgacchāhīti' vattabbo" (Đại Phẩm – Mahāvagga, chương I, [142]).
395 Ngài Buddhaghosa giải thích sự đuổi đi là trong khi đang phán xét sự tranh tụng bằng lối đại biểu, các vị tỳ khưu dùng lời thông báo để mời ra vị tỳ khưu là Pháp sư nhưng kiến thức của chính vị ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về giới bổn, v.v... (Sđd., chương IV, [678])
396 Ngài Buddhaghosa nói về hành sự trong ngày lễ Uposatha với tuyên ngôn: "Suṇātu me bhante saṅgho, ajj'uposatho paṇṇaraso. Yadi saṅghassa pattakallaṃ, saṇgho uposathaṃ kareyyāti." Tương tợ cho trường hợp lễ Pavāraṇā.
397 Ngài Buddhaghosa cho ví dụ về trường hợp hai vị tỳ khưu thỉnh cầu sự đồng ý của hội chúng để hỏi và đáp về Luật trong ngày lễ Uposatha, v.v...
398 Ngài Buddhaghosa giải thích là hành sự với tuyên ngôn cho lại y trong trường hợp sám hối tội nissaggiya pācittiya
399 Ngài Buddhaghosa giải thích là trường hợp vị tỳ khưu đại diện hội chúng để ghi nhận tội cho vị tỳ khưu đã phạm tội sám hối trước hội chúng
400 Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp sám hối tội bằng cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngôn của hành sự như sau: "... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ"(Sđd., [691]).
401 Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp úp ngược và mở ra bình bát đối với Vaḍḍha Licchavī (Sđd., chương V, [112-118]).
402 Ngài Buddhaghosa nêu lên các trường hợp như sau: Sự đồng ý về ranh giới không phạm tội vì xa lìa ba y, sự đồng ý về ngọa cụ, sự đồng ý về vị phân phối chỗ trú ngụ, v.v...
403 Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp hành sự giao y Kaṭhina hoặc trao quyền thừa kế y của vị đã chết
404 Liên quan đến điều saṅghādisesa 6 và 7 của tỳ khưu về việc xây dựng cốc liêu và trú xá lớn.
405 Ngài Buddhaghosa nói về sự dàn xếp bằng cách dùng cỏ che lấp có tuyên ngôn hành sự chung cho hội chúng sau khi hai vị tỳ khưu đại diện cho hai phe đã sám hối tội của phe mình (Sđd., chương IV, [693]).

406 Ngài Buddhaghosa đề cập đến bảy loại hành sự bắt đầu là hành sự khiển trách, v.v... cho hai sự việc đầu, sự đồng ý là sự đồng ý về việc giáo giới tỳ khưu ni, sự ban cho là ban cho hành phạt parivāsa và hành phạt mānatta, sự kềm chế là việc cho thực hành lại từ đầu, sự nhắc nhở là các trường hợp nhắc nhở đến lần thứ ba được đề cập trong một số điều học, và đặc tính trong hành sự là nói về hành sự tu lên bậc trên và hành sự giải tội